



BÁO CÁO

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH TẠI VIỆT NAM

Góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Tháng 4, 2021

Lời mở đầu

Bình đẳng giới là vấn đề của các giá trị cơ bản và quyền con người, được pháp luật nhân quyền quốc tế ghi nhận.¹ Bình đẳng giới thực chất vẫn tiếp tục là một mục tiêu quan trọng mà toàn thế giới không ngừng nỗ lực để hướng tới. Bình đẳng giới góp phần tạo ra các xã hội công bằng, bình đẳng và thịnh vượng hơn cho tất cả mọi người. Thực tiễn cho thấy, các quốc gia đạt được thành quả trong việc đẩy lùi bất bình đẳng giới, đặc biệt là trong giáo dục và tham gia kinh tế, thường sẽ có tính cạnh tranh hơn trong nền kinh tế toàn cầu.

Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh năm 1995² cũng là một trong những văn kiện quan trọng nhất về quyền phụ nữ trên toàn thế giới, được thông qua tại Hội nghị Toàn cầu lần thứ tư về Phụ nữ của Liên Hợp Quốc tại Bắc Kinh 1995 với sự tham gia của các đại biểu đến từ hơn 180 quốc gia. Mặc dù Tuyên bố này không phải là một văn kiện bắt buộc nhưng nó được coi là tuyên bố toàn diện nhất về những vấn đề liên quan đến phụ nữ mà thế giới từng chứng kiến. Tuyên bố khẳng định: *Sự tiến bộ của phụ nữ và đạt được bình đẳng giữa nữ và nam là vấn đề quyền con người và là điều kiện của công bằng xã hội và không nên được xem xét một cách tách biệt là vấn đề của riêng phụ nữ. Đó là cách duy nhất để xây dựng một xã hội bền vững, công bằng và phát triển. Trao quyền cho phụ nữ và bình đẳng giữa nữ và nam là những điều kiện tiên quyết để đạt được an ninh chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa và môi trường giữa tất cả các dân tộc.*³

Tuy nhiên, qua 25 năm thực hiện, với rất nhiều nỗ lực, thế giới vẫn còn một khoảng cách xa để đạt được bình đẳng giới thực sự. *“25 năm kể từ khi Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh được thông qua, tiến trình hướng tới quyền bình đẳng và quyền bình đẳng cho phụ nữ vẫn còn khó nắm bắt. Không có quốc gia nào đạt được bình đẳng giới và cuộc khủng hoảng COVID-19 có nguy cơ làm xói mòn những thành tựu khiêm tốn đã đạt được. Thập kỷ Hành động nhằm thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững và nỗ lực phục hồi tốt hơn sau đại dịch mang lại cơ hội thay đổi cuộc sống của phụ nữ và trẻ em gái, hôm nay và ngày mai”* - Tổng thư ký Liên hợp quốc António Guterres đưa ra nhận định tổng quan trong Báo cáo của Liên hợp Quốc "The World's Women: Trends and Statistics" 2020.⁴

Liu Zhenmin, Trưởng ban Kinh tế và Xã hội của Liên hợp Quốc (DESA), cho biết: *“Phụ nữ còn lâu mới có tiếng nói bình đẳng như nam giới, mặc dù thái độ phân biệt đối xử đang thay đổi từ từ”*.⁵

Trong lĩnh vực kinh tế, có nhiều nghiên cứu từ nhiều năm nay đã chứng minh, và chúng ta cũng công nhận rằng các doanh nhân nữ có những đóng góp đáng kể cho nền kinh

¹ Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ - Convention on the Elimination of all forms of Discrimination against women (CEDAW), được Đại hội đồng Liên hợp quốc phê chuẩn ngày 18 tháng 12 năm 1979. Ngày 03/9/1981, sau khi nước thứ 20 thông qua, Công ước này bắt đầu có hiệu lực với tư cách một văn kiện quốc tế tổng hợp nhất về quyền con người của phụ nữ, đây cũng là văn kiện quan trọng và toàn diện nhất về quyền bình đẳng của phụ nữ.

² Beijing Declaration and Platform for Action

https://www.un.org/en/events/pastevents/pdfs/Beijing_Declaration_and_Platform_for_Action.pdf

³ Khố 41 của Phụ lục II Tuyên bố

⁴ <https://www.un.org/en/desa/world%E2%80%99s-women-2020>

⁵ <https://www.weforum.org/agenda/2020/11/un-women-2020-gender-equality/>

tế, góp phần vào tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ, nâng cao vị thế lãnh đạo cho nữ giới, thúc đẩy sự tham gia tích cực của phụ nữ trong kinh tế chính là động lực cho phát triển bền vững và bao trùm. Trao quyền cho phụ nữ trong nền kinh tế và xóa bỏ khoảng cách giới trong thế giới việc làm là yếu tố cốt lõi để đạt được thành công của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp Quốc.⁶ Tuy nhiên, khoảng cách tiến tới bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế còn rất xa.

Tại Việt Nam, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt⁷ đã đặt ra Chỉ tiêu *Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020*, tuy nhiên, trên thực tế, tỷ lệ này mới chỉ đạt mức khoảng 24% vào năm 2020 và rõ ràng cần rất nhiều nỗ lực trong chặng đường dài để thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng.

Thúc đẩy nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của Chương trình “Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam” (Aus4Reform) do Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia (DFAT) tài trợ. Trong khuôn khổ Chương trình Aus4Reform, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện Báo cáo **“Môi trường kinh doanh tại Việt Nam: góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ”** cũng nhằm hướng tới mục tiêu nói trên.

Sau Báo cáo lần đầu tiên công bố vào tháng 12 năm 2019, đây là Báo cáo thứ hai thể hiện những đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về môi trường kinh doanh từ cuộc điều tra doanh nghiệp dân doanh lớn nhất Việt Nam, dựa trên việc khai thác và phân tích dữ liệu khảo sát trên 10 nghìn doanh nghiệp tại 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Báo cáo này cũng cố gắng phân tích sự biến chuyển về chất lượng của môi trường kinh doanh ở địa phương bằng cách so sánh từ các dữ liệu tương đồng qua các năm.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các doanh nghiệp, doanh nhân đã dành thời gian để cung cấp thông tin cho chúng tôi, cảm ơn các chuyên gia đã góp ý, bình luận cho bản báo cáo này.

Những nhận định và kiến nghị trong báo cáo là quan điểm của nhóm chuyên gia thực hiện báo cáo này. Kết quả này không nhất thiết phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chương trình Aus4Reform hay Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương.

⁶ The Sustainable Development Agenda <https://www.un.org/sustainabledevelopment/development-agenda/>

⁷ Tại Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 và được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 02/7/2018.

TÓM TẮT

Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có đóng góp đáng kể vào nền kinh tế. Tuy nhiên, các doanh nhân nữ đang gặp phải rất nhiều khó khăn. Đó là những khó khăn từ môi trường kinh doanh, từ áp lực phải cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình, từ định kiến xã hội và quan niệm sai lầm về vai trò của phụ nữ, định kiến về khả năng kinh doanh của phụ nữ và cả những phân biệt đối xử trong kinh doanh.

Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam dù có một số cải thiện trong giai đoạn 2011-2018 nhưng lại giảm trong các năm 2019 và 2020, và chưa đạt được mục tiêu đề ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Quy mô doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tập trung ở mức nhỏ, siêu nhỏ và với quy mô trung bình thấp hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

Với mong muốn góp phần thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển, Báo cáo này nhằm tìm hiểu các đặc điểm chung của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam, nhận diện thực trạng môi trường kinh doanh từ góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hiện nay tại các tỉnh, thành phố của Việt Nam, dựa trên một số chỉ số cụ thể. Báo cáo mong muốn đưa ra các giải pháp trước mắt và lâu dài để nâng cao tính thuận lợi của môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nói riêng và cải thiện môi trường thể chế, xã hội nói chung.

1. Những phát hiện chính

Bức tranh chung về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Số liệu thống kê chính thức⁸:

- 242.326 là số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong tổng số 811.538 doanh nghiệp đang hoạt động trên toàn quốc tính đến 31 tháng 12 năm 2020
- Loại hình phổ biến nhất là Công ty TNHH một thành viên (120.608 doanh nghiệp), ít nhất là Công ty hợp danh (08 doanh nghiệp)

Số liệu từ điều tra doanh nghiệp PCI 2020:

- Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là 23,4%
- Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại/dịch vụ. Chủ yếu xuất phát từ hộ kinh doanh, khách hàng chính là thị trường trong nước
- Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm đa số (90,7%), chỉ có 2,2% là doanh nghiệp lớn
- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 kém hơn so với 2018 và không khả quan. Tỷ lệ doanh nghiệp có lãi giảm (53,2% so với 61,1% ở năm 2018), tỷ lệ doanh nghiệp bị thua lỗ tăng (32,1% so với 27,1%)

Đánh giá tổng quan môi trường kinh doanh

Có cải thiện nhỏ so với PCI 2018

Điểm chung 10 chỉ số thành phần năm 2020 là 63,75 điểm/100, ở PCI 2018 là 63,38/100

⁸ Số liệu được cung cấp bởi Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ba chỉ số không cải thiện và có điểm số thấp nhất (dưới 6/10):

- Tiếp cận đất đai;
- Tính minh bạch;
- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

Những lĩnh vực có cải thiện là:

- Gia nhập thị trường;
- Chi phí thời gian;
- Chi phí không chính thức;
- Cạnh tranh bình đẳng;
- Tính năng động;
- Đào tạo lao động;
- Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

Môi trường kinh doanh: Những biến chuyển tích cực được nhìn nhận

Môi trường kinh doanh bình đẳng hơn

Mức độ ưu ái với DNNN, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp thân quen của cán bộ cơ quan nhà nước giảm.

Tuy nhiên vẫn còn 57,1% doanh nghiệp đồng ý rằng các hợp đồng mua sắm công, đất đai và các nguồn lực kinh doanh khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền.

Chính quyền năng động, sáng tạo hơn trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, thái độ đối với hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân có cải thiện

49,3% doanh nghiệp cho biết thái độ của chính quyền là tích cực.

Thủ tục hành chính thuận lợi hơn (Chi phí thời gian)

Thời gian thực hiện TTHC rút ngắn hơn so với quy định. Số lượng doanh nghiệp phải dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện TTHC cũng giảm (23,5% so với mức 31,7% ở năm 2018).

Gánh nặng thanh, kiểm tra đã giảm bớt

Trong năm 2020, trung bình mỗi doanh nghiệp có 1,2 cuộc thanh tra. Chỉ có 3,4% số doanh nghiệp bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên. Tuy nhiên vẫn còn 13% doanh nghiệp nhận định cán bộ thanh, kiểm tra những nhiều doanh nghiệp, giảm so với tỷ lệ 16% ở năm 2018.

Gánh nặng chi phí không chính thức đã giảm đáng kể

Có chiều hướng giảm trong tỷ lệ doanh nghiệp phải trả các khoản chi phí không chính thức. Tình trạng những nhiều khi thực hiện TTHC có cải thiện.

Tuy nhiên trong lĩnh vực đất đai, tỷ lệ doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC lại tăng lên, từ 25,3% ở 2018 lên 30,3% ở năm 2020.

Thiết chế pháp lý được củng cố

Chất lượng giải quyết tranh chấp tại tòa án được cải thiện.

Niềm tin vào thiết chế pháp lý được củng cố hơn.

34,6% doanh nghiệp cho rằng hệ thống pháp luật có cơ chế tố cáo cán bộ những nhiều. 89,2% doanh nghiệp cho rằng sẽ được bảo vệ hợp đồng và các quyền tài sản trong các tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh.

83% cho rằng chi phí (cả chính thức và không chính thức) khi giải quyết tranh chấp qua tòa án là chấp nhận được.

Môi trường kinh doanh: Những cản trở lớn nhất cần tập trung cải thiện

Tiếp cận đất đai chưa thuận lợi

Thời gian giải quyết hồ sơ là trở ngại lớn nhất. 37,5% doanh nghiệp cho rằng thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định.

19,6% cho rằng phải trả chi phí không chính thức khi làm TTHC.

39% gặp khó khăn trong mở rộng mặt bằng kinh doanh, trong đó phức tạp nhất là TTHC thuê, mua đất đai phức tạp.

28,8% cho rằng việc cung cấp thông tin dữ liệu về đất đai không thuận lợi nhanh chóng.

26,4% cho rằng quy hoạch đất đai của tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

Giá đất tăng cũng là trở ngại lớn.

Khó tiếp cận thông tin

52,7% phải có mối quan hệ với cơ quan nhà nước mới tiếp cận được tài liệu của tỉnh. 53% nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị cung cấp những thông tin, văn bản không có sẵn trên các phương tiện thông tin đại chúng.

48,78% doanh nghiệp có truy cập website của tỉnh.

Chỉ có 6,5% doanh nghiệp dự liệu được việc thực thi các quy định pháp luật của trung ương ở địa phương.

Loại thông tin khó tiếp cận nhất là các bản đồ, quy hoạch sử dụng đất (50,6% gặp khó khăn). Kế hoạch đầu tư công là tài liệu có mức độ khó tiếp cận thứ hai (50%).

TTHC trong nhiều lĩnh vực còn phiền hà

Thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng bị đánh giá là phiền hà nhất (23,9% doanh nghiệp đánh giá là phiền hà). Tiếp sau là TTHC thuế (21,5%) và bảo hiểm xã hội (20,4%).

Thủ tục gia nhập thị trường còn khó khăn: 33% các doanh nghiệp gặp khó khăn khi đề nghị cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Khó khăn tiếp theo là thủ tục cấp giấy chứng nhận phòng cháy, chữa cháy (32%).

Chính sách và việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa phương còn bất cập

Về chính sách

- Luật Hỗ trợ DNNVV (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018) quy định nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Các cơ quan bộ, ngành cũng như các địa phương vẫn đang hoàn thiện các văn bản pháp lý cũng như xây dựng các đề án hỗ trợ cho doanh nghiệp.
- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật có vướng mắc, có một số chính sách chưa đủ cụ thể để các địa phương có thể triển khai thực hiện được.
- Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp còn được quy định ở một số văn bản khác nên có sự chồng chéo, lúng túng khi áp dụng.

Về các hoạt động hỗ trợ

- Kế hoạch, chương trình hỗ trợ DNNVV để thực thi Luật Hỗ trợ DNNVV ở địa phương: không có mục tiêu và biện pháp cụ thể phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.
- Hiệu quả thực thi chưa đạt yêu cầu: do địa phương thiếu chủ động; năng lực cán bộ hỗ trợ hạn chế, thiếu kiến thức về bình đẳng giới; thủ tục nhận hỗ trợ phức tạp, mức hỗ trợ chưa hấp dẫn.

Thiếu số liệu thống kê phân tách giới: thiếu cơ sở để đưa ra các chính sách phù hợp trên cơ sở bằng chứng.

Ba khó khăn lớn nhất mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang phải đối mặt

Tìm kiếm khách hàng

64,3% doanh nghiệp đang gặp phải.

Các doanh nghiệp quy mô nhỏ nhất (về vốn, lao động), trẻ nhất (về số năm hoạt động) gặp khó khăn nhiều nhất. Doanh nghiệp lớn gặp khó khăn hơn các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Tiếp cận vốn tín dụng

34,1% doanh nghiệp đang gặp phải.

Các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và doanh nghiệp siêu nhỏ khó tiếp cận vốn tay tín dụng nhất.

Biến động thị trường

33,7% doanh nghiệp đang gặp phải.

Doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp càng nhiều tuổi (trên 15 năm hoạt động) càng bị tác động nhiều hơn của biến động thị trường.

Doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và doanh nghiệp ở vùng miền núi phía Bắc tiếp tục là nhóm bị tác động lớn nhất.

Triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

- Mức độ lạc quan sụt giảm mạnh nhất ở năm 2020.
- 13,9% doanh nghiệp có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa, tỷ lệ cao nhất trong 10 năm trở lại đây.
- Khoảng gần một nửa (49,2%) muốn giữ nguyên, cố gắng duy trì kinh doanh với quy mô hiện tại.

Tác động tiêu cực của COVID-19

- Đại dịch COVID-19 tác động nghiêm trọng tới doanh nghiệp.
- 87% trong số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ bị ảnh hưởng tiêu cực.
- Khoảng 1/10 (10,4%) không bị ảnh hưởng.
- Chỉ có 2,7% cho rằng có tác động tích cực.

2. Khuyến nghị

Giải pháp trong ngắn hạn và trung hạn

Hoàn thiện chính sách và pháp luật để thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

- ✓ Đánh giá hiệu quả thực thi Luật Hỗ trợ DNNVV, đặc biệt là cách thức tiếp cận thông tin hỗ trợ, cách thức hỗ trợ, nhận được hỗ trợ đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ, từ đó sửa đổi, hoàn thiện Luật này.
- ✓ Đề nghị Chính phủ xem xét đưa vấn đề tạo thuận lợi và thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển vào trong Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.
- ✓ Đối với các chính sách và quy định khác, cần cẩn trọng trong đánh giá tác động về giới, lồng ghép giới trong chính sách.

Cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải thiện ở những khía cạnh bất cập nhất

- ✚ Cải cách TTHC, giảm gánh nặng chi phí tuân thủ

Đẩy mạnh cải cách tất cả các TTHC liên quan đến doanh nghiệp, đặt biệt trong lĩnh vực đất đai. Cải thiện chất lượng đối với TTHC, rà soát, cắt giảm hơn nữa TTHC, đơn giản hóa TTHC, tối ưu hóa quy trình thực hiện TTHC, giảm những phiền hà, phiền hà trong thực hiện TTHC, giảm thiểu các cuộc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

Tập trung cải cách một số lĩnh vực còn nhiều phiền hà đối với doanh nghiệp.

Thực hiện và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, phát triển rộng rãi các hình thức thanh toán trực tuyến cấp độ 4 cho TTHC.

Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giảm khó khăn cho doanh nghiệp khi xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề.

✚ Tăng cường công khai, minh bạch

Các cơ quan địa phương cần thực hiện nghiêm túc trách nhiệm cung cấp thông tin khi doanh nghiệp cần, công khai minh bạch thông tin, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi tiếp cận thông tin, cần chủ động thông tin cho doanh nghiệp khi có bất kỳ thông tin thay đổi nào đến các quy định, chính sách của cấp tỉnh (qua con đường điện tử/ website).

✚ Tạo môi trường bình đẳng

Các cơ quan nhà nước xóa bỏ sự thiên vị đối với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp thân hữu. Cần dành nguồn lực (sự quan tâm, ngân sách, nhân lực) để thực hiện nghiêm túc các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm DNNVV do phụ nữ làm chủ.

Nâng cao hiệu quả thực thi các hỗ trợ hiện nay

- ✚ Ở quy mô địa phương, cần có kế hoạch triển khai cụ thể, có đánh giá độc lập khách quan về mức độ hoàn thành nhiệm vụ;
- ✚ Nâng cao năng lực của người thực hiện hỗ trợ về kiến thức kinh doanh và kiến thức bình đẳng giới;
- ✚ Hỗ trợ tiếp cận nguồn tín dụng;
- ✚ Nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh;
- ✚ Tăng cường liên kết giữa các doanh nhân nữ, các câu lạc bộ/hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp.

Xem xét loại bỏ những tôn vinh gây định kiến giới và gánh nặng vai trò giới đối với doanh nhân nữ

Giải pháp trong trung hạn và dài hạn

Xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với các ưu tiên và biện pháp thực hiện cụ thể với sự tham gia của toàn xã hội

- **Tạo lập môi trường thuận lợi cho sự phát triển của doanh nhân nữ**
- **Đảm bảo hỗ trợ một cách có hệ thống để phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ**
- **Tạo lập hạ tầng hỗ trợ và thúc đẩy doanh nhân nữ phát triển**
- **Xúc tiến, xây dựng mạng lưới và góp ý xây dựng chính sách và pháp luật**

MỤC LỤC

Lời mở đầu	2
TÓM TẮT	4
1. Những phát hiện chính	4
2. Khuyến nghị	8
I. GIỚI THIỆU CHUNG	13
1. Bối cảnh.....	13
2. Mục tiêu	16
3. Phương pháp	17
4. Phạm vi nghiên cứu	19
II. BỨC TRANH VỀ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TẠI VIỆT NAM	21
1. Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	21
2. Đặc điểm của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	23
3. Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	29
III. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH DƯỚI GÓC NHÌN CỦA DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ	30
1. Đánh giá chung	30
2. Đánh giá các lĩnh vực điều hành kinh tế địa phương	32
2.1. Những chuyển biến tích cực	32
2.2. Những cản trở lớn nhất cần được cải thiện.....	41
IV. KHÓ KHĂN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ 50	
1. Tổng hợp những khó khăn mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang phải đối mặt	50
2. Phân tích chi tiết một số khó khăn hàng đầu mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang phải đối mặt.....	51
3. Triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	55
4. Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	58
V. CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ	59
1. Quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	59
2. Một số bất cập trong việc hỗ trợ đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở địa phương.....	61
3. Thiếu số liệu thống kê phân tách giới.....	64
VI. KHUYẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN	65
1. Tóm tắt những vấn đề đặt ra.....	65
2. Giải pháp trong ngắn hạn và trung hạn	66
3. Giải pháp trong trung hạn và dài hạn	69
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	74

Danh mục Hình

Hình 1: Tỷ lệ doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp trong điều tra PCI 2011-2020.....	21
Hình 2: Phân bố doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo lĩnh vực hoạt động năm 2020.....	22
Hình 3: Đặc điểm của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp.....	23
Hình 4: Đặc điểm nguồn gốc của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	24
Hình 5: Các nhóm khách hàng của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	25
Hình 6: Quy mô lao động của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ qua các năm điều tra PCI.....	26
Hình 7: Quy mô vốn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ qua các năm điều tra PCI.....	27
Hình 8: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo quy mô doanh nghiệp.....	28
Hình 9: Quy mô doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp trong PCI 2020.....	28
Hình 10: Kết quả kinh doanh doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp qua các năm.....	29
Hình 11: Đánh giá tổng quan môi trường kinh doanh từ doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp.....	30
Hình 12: Chuyển biến trong các lĩnh vực điều hành kinh tế tại các địa phương (so sánh giữa PCI 2018 và 2020).....	31
Hình 13: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ ưu ái của chính quyền đối với doanh nghiệp nhà nước.....	32
Hình 14: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ ưu ái của chính quyền đối với doanh nghiệp FDI.....	33
Hình 15: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ ưu ái của chính quyền đối với doanh nghiệp thân quen của cán bộ cơ quan nhà nước.....	34
Hình 16: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ năng động, sáng tạo của chính quyền trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.....	35
Hình 17: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về chất lượng giải quyết TTHC.....	37
Hình 18: Gánh nặng thanh, kiểm tra theo đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	38
Hình 19: Gánh nặng chi phí không chính thức theo đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	39
Hình 20: Thiết chế pháp lý theo đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	40
Hình 21: Khó khăn cụ thể của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ khi thực hiện TTHC về đất đai.....	41
Hình 22: Khó khăn trong mở rộng mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	42
Hình 23: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ minh bạch của môi trường kinh doanh.....	44
Hình 24: Khó khăn trong tiếp cận thông tin của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	46
Hình 25: TTHC trong lĩnh vực nào có nhiều phiền hà đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	47
Hình 26: Khó khăn trong đề nghị cấp một số loại giấy phép.....	49
Hình 27: Doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp đang gặp phải những khó khăn gì.....	50
Hình 28: Khó khăn trong tìm kiếm khách hàng theo đặc điểm của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	51
Hình 29. Khó khăn trong tiếp cận vốn vay tín dụng theo đặc điểm của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	52
Hình 30. Khó khăn cụ thể trong tiếp cận vốn vay tín dụng của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ....	53
Hình 31 Khó khăn về biến động thị trường theo đặc điểm của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ...	54
Hình 32. Kế hoạch kinh doanh trong 2 năm tới của doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp.	55
Hình 33. Kế hoạch kinh doanh trong 2 năm tới của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo ngành sản xuất kinh doanh chính.....	56
Hình 34. Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.....	58

Danh mục từ viết tắt

APCI (Report of Administrative Procedures Compliance Cost Index): Báo cáo Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Aus4Reform: Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam

CEDAW (The Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women): Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên Hợp Quốc

COVID-19: Dịch viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV-2 gây ra

CPTPP (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership): Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương

CQNN: Cơ quan nhà nước

DFAT (Australian Government Department of Foreign Affairs and Trade): Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia

DVHTKD: dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

Doing Business: Báo cáo môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới

DNNN: Doanh nghiệp nhà nước

DNNVV: Doanh nghiệp nhỏ và vừa

EVFTA (European Union–Vietnam Free Trade Agreement): Hiệp định thương mại tự do Việt Nam–Liên minh Châu Âu

Doanh nghiệp FDI: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

FTA (Free Trade Agreement): Hiệp định thương mại tự do

HAWASME: Hiệp hội Nữ doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hà Nội

IFC (International Finance Corporation): Công ty Tài chính Quốc tế

ILO (International Labour Organization): Tổ chức Lao động thế giới

IMF (International Monetary Fund): Quỹ Tiền tệ Quốc tế

MBI (Mekong Business Initiative): Sáng kiến Hỗ trợ Khu vực Tư nhân vùng Mê Kông

MIWE (Mastercard Index of Women Entrepreneurs): Chỉ số nữ doanh nhân của Mastercard

PAPI (Provincial Governance and Public Administration Performance Index): Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam

PCI (Provincial Competitiveness Index): Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

TAF (The Asia Foundation): Quỹ Châu Á

TTHC: Thủ tục hành chính

UBND: Ủy ban nhân dân

UN (United Nations): Liên Hợp Quốc

USAID (US Agency for International Development): Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ

VBQPPL: Văn bản quy phạm pháp luật

VCCI: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

WB (World Bank): Ngân hàng Thế giới

WEF (The World Economic Forum): Diễn đàn Kinh tế Thế giới

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Bối cảnh

Báo cáo Khoảng cách Giới Toàn cầu 2021 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF)⁹ mới công bố ngày 30 tháng 3 năm 2021 chỉ ra: *Trên toàn cầu, khoảng cách trung bình tiến tới công bằng hoàn toàn là 68% - một bước lùi so với năm 2020 (-0,6 điểm phần trăm). Những số liệu này chủ yếu do sự suy giảm hiệu quả hoạt động tại các nước lớn. Theo chiều hướng hiện nay, sẽ phải mất tới 135,6 năm để thu hẹp khoảng cách giới trên toàn thế giới.* Khoảng cách giới trong Tham gia vào kinh tế và Cơ hội vẫn là khoảng cách lớn thứ hai trong số năm khoảng cách chính được đánh giá. Theo kết quả chỉ số của năm nay, 58% khoảng cách này đã được thu hẹp lại cho đến nay. Khoảng cách đã được cải thiện một chút kể từ Báo cáo năm 2020 và ước tính sẽ mất 267,6 năm nữa để thu hẹp khoảng cách này. Phụ nữ ở các vị trí lãnh đạo chỉ chiếm khoảng 27%. Mặc dù các số liệu trong Báo cáo năm 2021 chưa phản ánh đầy đủ tác động của đại dịch COVID-19, nhưng đây cũng là những con số đáng chú ý.

Cũng theo báo cáo này, trong số 156 quốc gia được đánh giá, Việt Nam đứng thứ 87 về tổng thể cả bốn chỉ số chính được đánh giá, đứng thứ 26 ở chỉ số Tham gia vào kinh tế và Cơ hội.¹⁰ Tuy nhiên, trong tiêu chí về Tham gia vào kinh tế và Cơ hội, chỉ số về lãnh đạo nữ của Việt Nam đứng thứ 104/156 với điểm số 0,357/1, tụt hạng so với vị trí 97/153 ở Báo cáo 2020 (công bố tháng 12 năm 2019) và vị trí 94/149 ở Báo cáo 2018.

Theo Báo cáo Chỉ số nữ doanh nhân của Mastercard (MIWE) 2020¹¹, Việt Nam đứng ở vị trí 25/58 nền kinh tế với 63,87/100 điểm, vẫn nằm trong số 34 nước có chỉ số MIWE "lành mạnh" (từ 60 đến 70 điểm) nhưng so với số liệu MIWE 2019, Việt Nam giảm điểm 0,8%, và tụt 7 bậc trên bảng xếp hạng. Với 26,5% tổng số doanh nghiệp trên cả nước do phụ nữ làm chủ, Việt Nam xếp thứ 9 trên 58 nền kinh tế được nghiên cứu về số phụ nữ trong vai trò lãnh đạo và tham gia vào lực lượng lao động. Ngoài ra, Việt Nam còn đứng thứ 44 về chỉ số "Đánh giá điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp". Theo Mastercard, điều này chứng tỏ còn rất nhiều việc cần làm để hỗ trợ nữ doanh nhân.

COVID-19 làm thay đổi cả thế giới trên nhiều góc độ khác nhau. Trật tự và hoạt động kinh tế thế giới thay đổi mạnh mẽ do hầu hết các quốc gia đang hoặc đã trải qua thời kỳ cách ly tại nhà, giãn cách xã hội và thậm chí đóng cửa quốc gia. Hoạt động kinh tế chỉ nhằm cung cấp nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống, khu vực doanh nghiệp hoạt động trong điều kiện bình thường mới - đó chính là sự ngưng trệ của tất cả các yếu tố hoạt động kinh tế. COVID-19 có tác động ở nhiều mức độ khác nhau mà phụ nữ trên khắp thế giới đã và đang phải đối mặt. Có nhiều báo cáo, số liệu cho thấy các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ lãnh đạo bị tác động tiêu cực nhiều hơn, có nguy cơ đóng cửa do tác động từ COVID-19 cao hơn so với doanh nghiệp cùng quy mô do nam giới lãnh đạo. COVID-19 cũng đã tạo ra nhiều trách nhiệm mới

⁹ Global Gender Gap Report 2021 <https://www.weforum.org/reports/global-gender-gap-report-2021/>

¹⁰ Trang 395 của Báo cáo Global Gender Gap Report 2021

¹¹ Mastercard Index of Women Entrepreneurs (MIWE) <https://www.mastercard.com/news/research-reports/2020/mastercard-index-of-women-entrepreneurs-2020/>

như chăm sóc con cái, học tập tại nhà, dẫn đến những ảnh hưởng không tương xứng đến phụ nữ.

Tại Việt Nam, phụ nữ vẫn được kỳ vọng đảm trách vai trò truyền thống, được củng cố bằng các chuẩn mực xã hội, việc phải mang "gánh nặng kép" không chỉ là hiện tượng bây giờ mới được nhắc đến mà còn được truyền thống khích lệ (phụ nữ phải "giỏi việc nước, đảm việc nhà", "Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang luôn là nét đẹp truyền thống" thể hiện vai trò làm mẹ, làm vợ của người phụ nữ, "nữ công gia chánh" là thước đo đánh giá phẩm chất một người phụ nữ...). Thời nay, những gánh nặng này vẫn tiếp tục được củng cố, tôn vinh, chẳng hạn như cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch"¹² của Hội Liên hiệp Phụ nữ được và được đưa vào làm tiêu chí xây dựng nông thôn mới, phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" của Tổng Liên đoàn Lao động... Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới bất bình đẳng trên thị trường lao động.

Theo Báo cáo Điều tra Lao động và Việc làm năm 2019¹³ của Tổng cục Thống kê (công bố ngày 30 tháng 3 năm 2021), trong nhóm lao động gia đình, lao động nữ vẫn chiếm vai trò chủ đạo (chiếm 65,4%). Tỷ trọng lao động tự làm và lao động gia đình chiếm tới 49,7%, cao hơn tỷ trọng người làm công ăn lương (47,5%). Tỷ trọng lao động tự làm và lao động gia đình của nữ chiếm 55,4% cao hơn của nam (44,7%).

Các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết gần đây có nhiều nội dung đột phá về đầu tư, cạnh tranh, mua sắm công, thương mại điện tử, khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) phát triển... Các FTA như Hiệp định Đối tác và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) có ý nghĩa đặc biệt đối với Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực lao động việc làm khi nó mang lại nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện năng suất lao động quốc gia.

Vấn đề lao động được chú trọng là một trong số các yếu tố làm nên chất lượng cho các FTA này. Giá trị lao động nữ tại Việt Nam vốn được đánh giá là chủ lực trong các ngành nghề đòi hỏi sự khéo léo sẽ càng được nâng tầm. Các quốc gia thành viên phải tuân theo những tiêu chuẩn của Tổ chức Lao động thế giới (ILO), trong đó có việc loại bỏ sự phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp. Bộ luật lao động của Việt Nam đã được sửa đổi năm 2019 theo hướng phù hợp hơn với những yêu cầu đặt ra trong các FTA thế hệ mới.

Việc thực hiện EVFTA, CPTPP và Bộ luật Lao động 2019 là một lợi thế và thách thức đối với doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nói riêng và rất cần nâng cao nhận thức, năng lực về những nội dung mới này về lao động.

Sau khi đánh giá, tổng kết thực tiễn thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới cho giai đoạn 2011–2020, Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới mới

¹² Không đói nghèo, không có người vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không bất bình đẳng giới, không vi phạm chính sách dân số, không có trẻ em suy dinh dưỡng; Sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp

¹³ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/03/bao-cao-dieu-tra-lao-dong-viec-lam-nam-2019/>

cho giai đoạn 2021–2030 (tại Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021)¹⁴, đặt ra Mục tiêu trong lĩnh vực kinh tế, lao động (Mục tiêu 2) gồm:

- *Chỉ tiêu 1: Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030.*
- *Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.*
- *Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.*

Ở bối cảnh này, cần có nhiều biện pháp khác nhau với sự tham gia của tất cả các đối tượng khác nhau trong cả khu vực công và khu vực tư để tăng cường trao quyền kinh tế cho phụ nữ, trong đó, cải thiện môi trường kinh doanh là một giải pháp có tác động lớn và đây cũng là một trong những ưu tiên của Chính phủ Việt Nam.

Tại Việt Nam, không có nhiều nghiên cứu riêng về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Mới có một số nghiên cứu liên quan tới hiện trạng và tiềm năng phát triển chung của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ như:

- "Năng lực lãnh đạo của doanh nhân nữ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam: Thực trạng và các hàm ý chính sách", 2020, Trần Quang Tiến, Học viện Phụ nữ Việt Nam;¹⁵
- "Đánh giá nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam", 2018, Quỹ Châu Á (TAF), Sáng kiến Hỗ trợ Khu vực Tư nhân vùng Mê Kông (MBI), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Nhận thức và Tiềm năng", 2017, Công ty Tài chính quốc tế (IFC).¹⁶
- "Doanh nghiệp vừa và nhỏ do nữ làm chủ tại Việt Nam – Thực trạng và Khuyến nghị chính sách", 2016, Sáng kiến hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mê Kông (MBI), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Hiệp hội doanh nghiệp Nhỏ và vừa Thành phố Hà Nội (HAWASME).¹⁷

Các nghiên cứu trên đã cung cấp thông tin về tình hình và xu thế phát triển, những cản trở phát triển, thực tiễn tốt của quốc tế trong hỗ trợ, thực trạng phụ nữ tham gia lãnh đạo doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu đó mới chỉ dừng lại ở việc mô tả thực trạng phát triển, trong đó nhấn mạnh tới khó khăn, những rào cản cho phát triển, đóng góp, những thực tiễn hỗ trợ tốt, giải pháp nhằm phát triển DNNVV do phụ nữ làm chủ và một

¹⁴

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=509&mode=detail&document_id=202742

¹⁵ <https://vjol.info.vn/index.php/vwa/article/view/52642/43387>

¹⁶ https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/f7bed5f4-b5f6-46c4-8f4d-7f84945ccffe/Market-study-on-Women-owned-enterprises-in-Vietnam_Vie_v1.pdf?MOD=AJPERES&CVID=I-YifKj

¹⁷ <http://wisevietnam.org/wp-content/uploads/2018/01/MBI-Bao-Cao-DNNVV-Phu-Nu.pdf>

phần đề cập tới nhu cầu hỗ trợ. Một vài báo cáo có điểm qua về môi trường kinh doanh một cách sơ lược và là đánh giá chung chứ không phải từ góc nhìn của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Bên cạnh đó, đã có một số nghiên cứu về chủ đề môi trường kinh doanh và phát triển doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung được thực hiện trong các năm qua, ví dụ như:

- Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) của Ngân hàng Thế giới thực hiện hàng năm giúp so sánh chất lượng thể chế kinh tế của Việt Nam với các quốc gia khác trên thế giới;
- Báo cáo Việt Nam 2035: Từ chiến lược đến hành động Đề xuất Lộ trình Cải cách Môi trường Kinh doanh của Việt Nam, tập trung vào việc đưa ra các kiến nghị để tăng điểm số và thứ hạng của Việt Nam theo các tiêu chí đánh giá của Doing Business (Chương trình đối tác chiến lược Australia – Nhóm Ngân hàng Thế giới xuất bản tháng 3 năm 2021);
- Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh do VCCI và USAID thực hiện hàng năm cũng phản ánh thực trạng về môi trường kinh doanh và các biện pháp phát triển doanh nghiệp. Báo cáo này tập trung vào các vấn đề thể chế kinh doanh liên quan đến chính quyền cấp tỉnh trong mối quan hệ với các doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài¹⁸.

Tuy nhiên, những báo cáo nói trên chỉ đề cập đến các doanh nghiệp nói chung mà không đặt vấn đề giới trong các số liệu, phân tích và khuyến nghị.

Nguồn lực từ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cần phải được khai thác để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển rõ ràng là hết sức cần thiết. Do đó, việc thể hiện và phân tích những đánh giá, cảm nhận về môi trường kinh doanh từ góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ từ cuộc điều tra doanh nghiệp mới nhất năm 2020 để từ đó có những khuyến nghị cải thiện có ý nghĩa rất lớn. Đó là những kỳ vọng mà Báo cáo này muốn hướng tới.

2. Mục tiêu

Thứ nhất, Báo cáo này nhằm tìm hiểu các đặc điểm chung của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam;

Thứ hai, Báo cáo cố gắng nhận diện thực trạng môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hiện nay tại các tỉnh, thành phố của Việt Nam, dựa trên một số chỉ số cụ thể, có so sánh với thời điểm 2018 và trong những năm gần đây để đánh giá sự chuyển biến;

Thứ ba, Báo cáo mong muốn đưa ra các giải pháp để nâng cao tính thuận lợi của môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển.

¹⁸ Xem tại <https://pcivietnam.vn/>

3. Phương pháp

Phân tích số liệu điều tra/khảo sát

Báo cáo sử dụng phương pháp phân tích các số liệu từ kết quả khảo sát hơn 10.000 doanh nghiệp (với nội dung về giới đã được lồng ghép) của Dự án Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - Provincial Competitiveness Index (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tiến hành nghiên cứu và công bố thường niên. Những dữ liệu được thu thập qua một quy trình khảo sát doanh nghiệp nghiêm ngặt và chất lượng.

Sau 15 năm thực hiện PCI, đã có rất nhiều thành quả đạt được trong cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Từ Nghị quyết số 19-2014/NQ-CP¹⁹ của và tiếp tục trong các Nghị quyết của Chính phủ ban hành thường niên về vấn đề này, việc VCCI điều tra và công bố PCI, hỗ trợ, hướng dẫn Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh thực hiện cải thiện Chỉ số PCI được coi là một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để thực hiện những mục tiêu mà Chính phủ đặt ra.

Phương pháp của PCI²⁰

Mẫu khảo sát:

PCI sử dụng danh sách doanh nghiệp toàn quốc của cơ quan thuế để phân nhóm doanh nghiệp theo loại hình (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần), ngành nghề kinh tế (sản xuất công nghiệp, xây dựng, khai thác tài nguyên, dịch vụ và thương mại và nông lâm ngư nghiệp) và tuổi của doanh nghiệp.

Nhóm nghiên cứu thực hiện phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng tại mỗi tỉnh, thành phố, để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm doanh nghiệp tại mỗi địa phương.

Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong PCI là các doanh nghiệp có Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị là nữ và những doanh nghiệp có số thành viên/cổ đông là nữ từ 51% trở lên.

10 chỉ số thành phần bao gồm:

1. Chi phí gia nhập thị trường
2. Tiếp cận đất đai và Sự ổn định trong sử dụng đất

Đo lường về ba khía cạnh của vấn đề đất đai mà doanh nghiệp phải đối mặt: việc tiếp cận đất đai có dễ dàng không, sự ổn định trong sử dụng đất và các giao dịch về đất đai.

3. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Đo lường khả năng tiếp cận các tài liệu của tỉnh và các thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; tính công bằng trong tiếp cận thông tin; đánh giá website của tỉnh.

¹⁹ Ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

²⁰ Chi tiết hơn về phương pháp, vui lòng xem tại đây <https://pcvietnam.vn/gioi-thieu/phuong-phap.html>

4. Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước

Đo lường thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan nhà nước của địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

5. Chi phí không chính thức

Đo lường các khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số thành phần này đánh giá môi trường cạnh tranh đối với các doanh nghiệp dân doanh trước những ưu đãi dành cho doanh nghiệp nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp FDI) và các doanh nghiệp thân quen với cán bộ chính quyền cấp tỉnh, thể hiện dưới dạng các đặc quyền, ưu đãi cụ thể khi tiếp cận các nguồn lực cho phát triển như đất đai, tín dụng... và được ưu tiên đối xử trong thực hiện các thủ tục hành chính và chính sách.

7. Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh

Đo lường tính sáng tạo, sáng suốt của lãnh đạo tỉnh trong quá trình thực thi chính sách Trung ương cũng như trong việc đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đồng thời đánh giá khả năng hỗ trợ và áp dụng những chính sách đôi khi chưa rõ ràng của Trung ương theo hướng có lợi cho doanh nghiệp.

8. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

Chỉ số này dùng để đo lường các dịch vụ của tỉnh để phát triển khu vực tư nhân như xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, phát triển các khu/cụm công nghiệp tại địa phương và cung cấp các dịch vụ công nghệ cho doanh nghiệp, đánh giá ở tính sẵn có của dịch vụ, dịch vụ do doanh nghiệp tư nhân cung cấp và chất lượng dịch vụ.

9. Đào tạo lao động

Đo lường các nỗ lực của lãnh đạo tỉnh để thúc đẩy đào tạo lao động, tuyển dụng lao động và chất lượng lao động.

10. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

Đo lường lòng tin của doanh nghiệp tư nhân đối với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh: sự tin tưởng vào việc giải quyết tranh chấp, chất lượng của tòa án và tình trạng tội phạm ở địa phương.

Những chỉ số thành phần này của PCI cũng có nhiều điểm tương đồng với hệ thống các chỉ số của Doing Business do Ngân hàng Thế giới công bố và các nhiệm vụ, giải pháp đặt ra trong các nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.²¹

²¹ Loạt Nghị quyết 19 của Chính phủ từ năm 2014 đến 2018 và Nghị quyết 02 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

Báo cáo có chọn lọc và so sánh số liệu khảo sát năm 2020 với số liệu công bố mới nhất về môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong khuôn khổ Dự án này (Báo cáo Kinh doanh tại Việt Nam - Đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ,²² công bố tháng 12 năm 2019) - sử dụng PCI 2018.

PCI 2020, với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới (tài trợ của Chính phủ Australia) có lồng ghép một phần đánh giá tác động của COVID-19 đến các doanh nghiệp và những thông tin tổng quan thể hiện ở dữ liệu trích xuất đó sẽ được sử dụng trong báo cáo này.

Tổng hợp thông tin từ nguồn khác

Báo cáo có sử dụng số liệu cung cấp bởi Cục quản lý đăng ký kinh doanh trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư - đơn vị chủ quản của Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Báo cáo cũng sử dụng thông tin từ các báo cáo khác do VCCI đã thực hiện trong khuôn khổ Chương trình Aus4Reform: Báo cáo rà soát quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, Báo cáo sơ bộ về Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với các doanh nghiệp nữ (2018), Kinh doanh tại Việt Nam - Đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (2019).

Nhóm nghiên cứu cũng thu thập thêm từ những nguồn thông tin công khai, từ các báo cáo, kết quả nghiên cứu khác được công bố.

Phỏng vấn sâu

Nhóm nghiên cứu tiến hành 29 cuộc phỏng vấn sâu với một số nhóm đối tượng bao gồm: hiệp hội doanh nghiệp, hội Liên hiệp Phụ nữ, tổ chức phi chính phủ đang hỗ trợ nữ doanh nhân và phụ nữ khởi nghiệp, một số luật sư và các nữ doanh nhân. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành trực tiếp tại Hà Nội và qua email hoặc điện thoại đối với người tại các địa phương khác như Tp. Hồ Chí Minh, An Giang, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Bình, Quảng Ninh và Bắc Giang.

Nội dung phỏng vấn tập trung vào những vấn đề khó khăn trong môi trường kinh doanh địa phương, việc tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, sáng kiến của địa phương, hiệp hội doanh nghiệp địa phương trong hỗ trợ doanh nghiệp, những mong muốn/đề xuất.

4. Phạm vi nghiên cứu

Do nguồn lực có hạn nên nhóm nghiên cứu không thể triển khai một điều tra riêng với quy mô mong muốn. Vì vậy, nhóm nghiên cứu đã sử dụng các nội dung điều tra PCI có phân tách về giới của chủ doanh nghiệp và tận dụng các dữ liệu có liên quan về môi trường kinh doanh để phân tích, tập trung vào 10 lĩnh vực tiêu biểu và cơ bản như đã đề cập ở mục [Phương pháp](#) ở trên.

²² <http://aus4reform.org.vn/Thu-vien-bao-cao/Trao-quyen-kinh-te-cho-phu-nu/An-pham/bao-cao-kinh-doanh-tai-viet-nam-danh-gia-cua-cac-doanh-nghiep-do-phu-nu-lam-chu-437951/>

Một địa phương được đánh giá là có môi trường kinh doanh thuận lợi khi có: 1) Chi phí gia nhập thị trường thấp²³; 2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; 3) Môi trường kinh doanh minh bạch và các thông tin cần thiết cho hoạt động của doanh nghiệp được công khai; 4) Chi phí không chính thức thấp; 5) Thời gian thanh kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; 6) Môi trường cạnh tranh bình đẳng; 7) Chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết khó khăn trong doanh nghiệp; 8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, chất lượng cao; 9) Chính sách đào tạo lao động tốt; và 10) Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả.

Với phạm vi nói trên, Báo cáo này thể hiện đánh giá môi trường kinh doanh địa phương (với 10 lĩnh vực cụ thể) qua góc nhìn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, nhằm cung cấp những thông tin đầu vào cho quá trình hoạch định và thực thi chính sách, pháp luật để thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam.

Báo cáo này không phân tích chi tiết tất cả các nội dung chỉ số của PCI (không phải là một báo cáo PCI-phiên bản nữ), cũng không nhằm xếp hạng môi trường kinh doanh ở các địa phương, mà chỉ lựa chọn phân tích những nội dung nổi cộm để kiến nghị cải thiện chất lượng của môi trường kinh doanh chung.

Báo cáo không so sánh đánh giá của chủ doanh nghiệp là nữ với đánh giá của chủ doanh nghiệp là nam ở tất cả những vấn đề đặt ra, mà chỉ đưa ra số liệu so sánh nam/nữ để so sánh ở một số vấn đề lớn như tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, kết quả kinh doanh, đánh giá chung về môi trường kinh doanh, chuyển biến trong các lĩnh vực điều hành kinh tế tại các địa phương, khó khăn của các doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh trong 2 năm tới theo giới của chủ doanh nghiệp. Báo cáo tập trung phân tích những khó khăn, cản trở đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ để từ đó có biện pháp khắc phục và thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển.

Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nói riêng và doanh nghiệp nói chung trong thời gian vừa qua đã phải đối mặt với rất nhiều biến động do COVID-19, tuy nhiên, Báo cáo này không phân tích sâu về tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, sẽ có một Báo cáo khác trong năm 2021 của Chương trình Aus4Reform được thực hiện với nội dung tập trung vào tác động của COVID-19 và việc ứng phó của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (sử dụng dữ liệu từ điều tra của PCI-VCCI-Ngân hàng Thế giới).

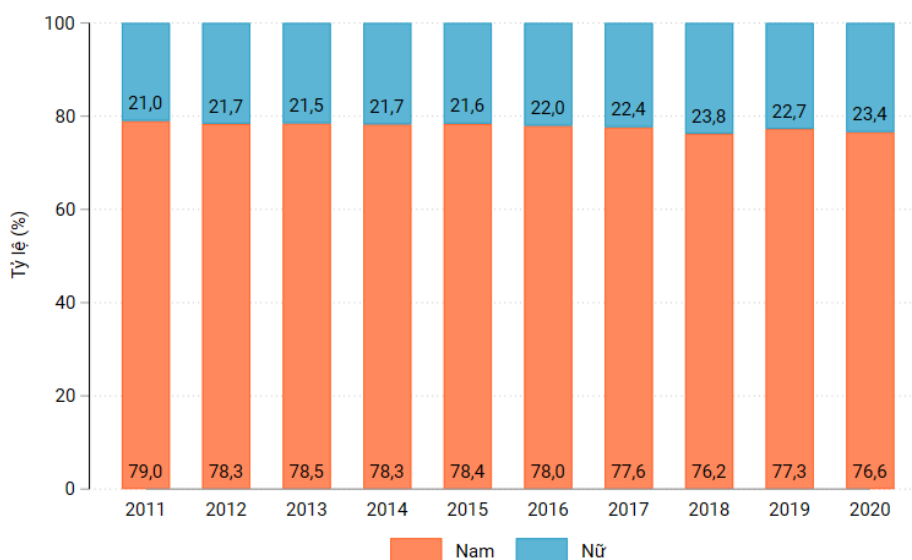
²³ PCI đo lường chất lượng thực tế của điều hành kinh tế cấp tỉnh thông qua những thực tiễn tốt đã có tại các địa phương, từ đó thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp. Chỉ số chi phí gia nhập thị trường bao gồm 10 chỉ số thành phần: 1) Số ngày đăng ký doanh nghiệp* (trung vị), (2) Số ngày thay đổi đăng ký doanh nghiệp* (ĐKDN) (trung vị), (3) Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động* (% doanh nghiệp đánh giá), (4) Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động* (%), (5) Tỷ lệ doanh nghiệp làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHC công, bưu điện (%), (6) Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai (%), (7) Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ(%), (8) Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn (%), (9) Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện(%), (10) Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng công nghệ thông tin tốt (%). Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch, được đánh dấu * (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt). Kết quả sẽ được tính toán ra điểm trung vị của 63 tỉnh, nếu dưới mức trung vị sẽ được coi là chỉ phí gia nhập thị trường thấp.

II. BỨC TRANH VỀ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TẠI VIỆT NAM

1. Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Theo kết quả điều tra doanh nghiệp dân doanh của VCCI trên toàn bộ các tỉnh, thành phố từ năm 2011 tới nay (tính từ khi bảng câu hỏi có phân tách về giới của chủ doanh nghiệp trong điều tra), tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có xu hướng gia tăng. Cụ thể, vào năm 2011, khoảng 21% doanh nghiệp đang hoạt động là do phụ nữ làm chủ, đến năm 2018, tỷ lệ này là vào khoảng 24%, năm 2019 có giảm xuống một chút (22,7%) và đến năm 2020 tăng lên 23,4%. Lưu ý rằng điều tra PCI là cuộc điều tra doanh nghiệp thường niên lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng có quy mô lớn nhất được tiến hành hàng năm tại 63 tỉnh, thành phố.

Hình 1: Tỷ lệ doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp trong điều tra PCI 2011-2020



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trên cơ sở thông tin đăng ký doanh nghiệp có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, tính đến hết tháng 12 năm 2020, toàn quốc có 242.236 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang hoạt động (có đại diện theo pháp luật²⁴ và chủ doanh nghiệp tư nhân là nữ), chiếm 29,86% trong tổng số 811.538 doanh nghiệp đang hoạt động trên toàn quốc.

Ở đây có sự khác biệt trong số liệu do sự khác nhau về phương pháp thu thập thông tin, một bên sử dụng phương pháp thống kê toàn thể và một bên sử dụng điều tra chọn mẫu. Thêm vào đó, số liệu thống kê bao gồm các doanh nghiệp có đại diện theo pháp luật và chủ doanh nghiệp tư nhân là nữ, trong khi đó, PCI dựa trên câu trả lời của các doanh nghiệp qua phiếu khảo sát với câu hỏi: “Doanh nghiệp có Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị là nữ hoặc có số thành viên/cổ đông là nữ từ 51% trở lên”. Dù sao thì, các số liệu này đều cho thấy tỷ lệ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong nền kinh tế vẫn khiêm tốn và chưa đạt được mục tiêu đề ra.

²⁴ Theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014: tùy vào từng loại hình doanh nghiệp, các chức danh có thể đứng người đại diện theo pháp luật bao gồm: Chủ tịch công ty, Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc, Chủ doanh nghiệp tư nhân và các chức danh quản lý khác được quy định trong điều lệ công ty.

Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các loại hình doanh nghiệp năm 2020

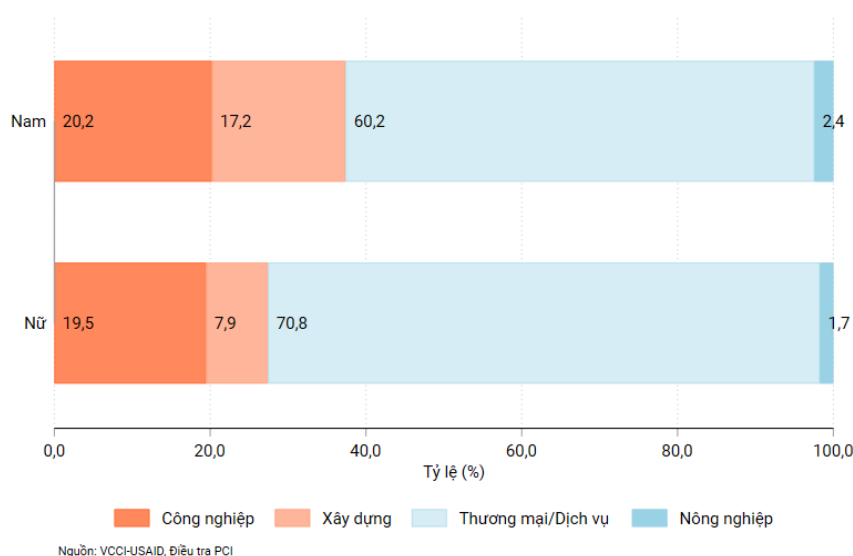
STT	Loại hình	Số lượng	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần	38.728	15,98%
2	Công ty hợp danh	8	0,003%
3	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	72.578	29,95%
4	Công ty TNHH một thành viên	120.608	49,77%
5	Doanh nghiệp tư nhân	10.404	4,29%
	Tổng	242.326	100%

*Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phân theo lĩnh vực và ngành nghề

Trong số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, phân bố theo các ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, số lượng doanh nghiệp tập trung cao nhất vẫn ở lĩnh vực thương mại, dịch vụ (70,8%) - đây cũng là nhóm ngành chiếm đa số trong toàn bộ nền kinh tế, 7,9% trong lĩnh vực xây dựng, 19,5% trong lĩnh vực công nghiệp, và chỉ có 1,7% trong lĩnh vực nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản.

Hình 2: Phân bố doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo lĩnh vực hoạt động năm 2020



Tỷ lệ tương ứng của các doanh nghiệp do nam làm chủ là 60,2%, 20,2%, 17,2% và 2,4%. Như vậy, chênh lệch diễn ra lớn nhất ở lĩnh vực xây dựng (phân bố doanh nghiệp nam nhiều hơn nữ, 17,2% so với 7,9%) và thương mại/dịch vụ (nữ nhiều hơn nam, 70,8% so với 60,2%). So với số liệu ở Báo cáo “Kinh doanh tại Việt Nam—Đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ” công bố vào tháng 12/2019, những khoảng cách này giảm đáng kể, đáng chú ý là trong hai lĩnh vực Công nghiệp và Nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản. Lĩnh vực Nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản có ít doanh nghiệp hoạt động, điều này phản ánh thực trạng hiện nay: sản xuất nông nghiệp đối mặt với nhiều rủi ro, tỷ lệ lợi nhuận thấp, quỹ đất, nguồn vốn, cơ chế chính sách cũng là những rào cản khiến doanh nghiệp ít đầu tư vào lĩnh vực nông

ng nghiệp, sản xuất nông nghiệp của Việt Nam chủ yếu ở quy mô nhỏ dẫn tới đất đai manh mún, phân tán; cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu.

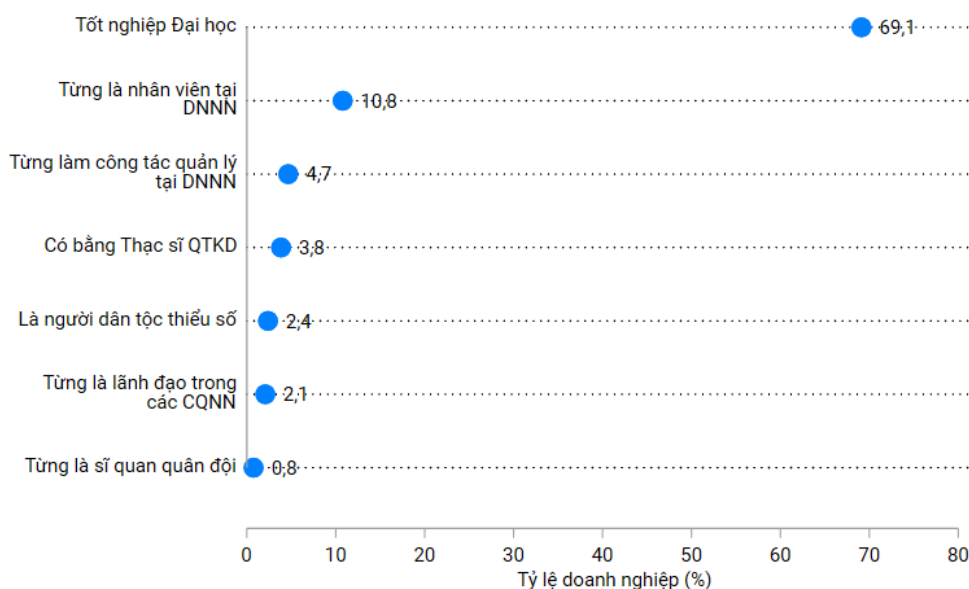
Theo Sách Trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2020, hơn 97% doanh nghiệp Việt Nam có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Doanh nghiệp quy mô lớn chỉ chiếm khoảng 2,8% tổng số doanh nghiệp hoạt động ở Việt Nam. Về thành phần kinh tế, doanh nghiệp tư nhân chiếm 96,8%, doanh nghiệp FDI chiếm 2,8%; và DNNN chiếm 0,4% tổng số doanh nghiệp hoạt động. Tốc độ chuyển dịch doanh nghiệp từ nhỏ lên vừa rất chậm. Chuyên gia kinh tế cho rằng, đa số doanh nghiệp tư nhân siêu nhỏ, nhỏ và vừa “không chịu lớn” là vì họ chỉ dám làm cầm chừng, cốt cho “đủ ăn” hơn là dám làm lớn, dài hạn vì có nhiều khó khăn, rủi ro.

2. Đặc điểm của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Phần này cung cấp thông tin về đặc điểm cơ bản của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Đó là về trình độ học vấn, xuất thân của chủ doanh nghiệp, xuất phát điểm của doanh nghiệp, nhóm khách hàng chính, quy mô doanh nghiệp... Những đặc điểm này rút ra từ kết quả điều tra doanh nghiệp của VCCI trong Dự án PCI.

Chủ doanh nghiệp có trình độ học vấn cao và xuất thân đa dạng

Hình 3: Đặc điểm của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Có tới 72,9% nữ chủ doanh nghiệp có trình độ đại học và thạc sĩ quản trị kinh doanh, tăng so với mức 68,6% ở năm 2019. Điều này tiếp tục minh chứng về những nỗ lực của phụ nữ và cải thiện đáng kể trong lĩnh vực giáo dục. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng và mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, thì chủ doanh nghiệp có trình độ cao hơn có thể quản trị điều hành doanh nghiệp tốt hơn.

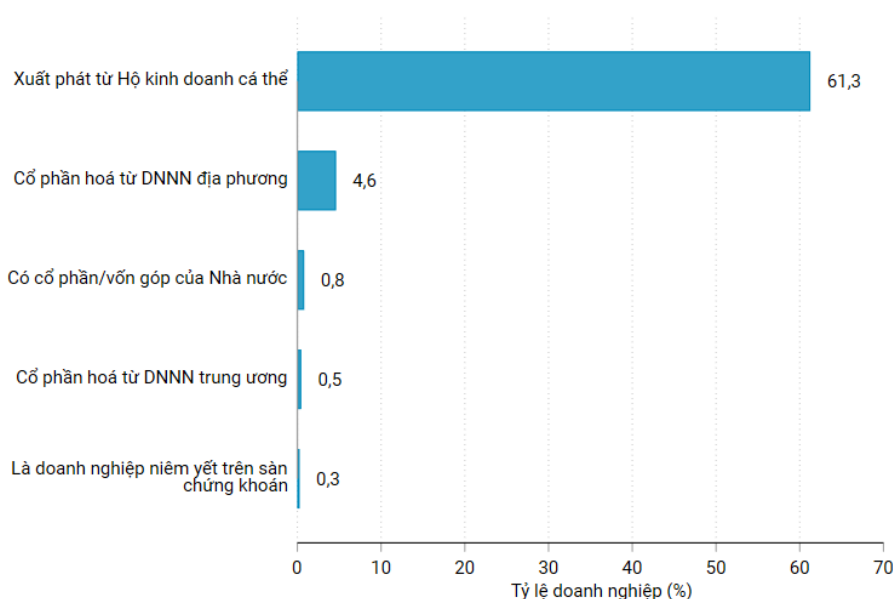
10,8% trong đó từng nhà nhân viên tại doanh nghiệp nhà nước (DNNN), 2,1% từng là lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước (CQNN), điều này thể hiện thực tế có sự chuyển dịch

nhân lực từ khu vực nhà nước sang khu vực tư nhân. Đặc biệt có 2,4% là người dân tộc thiểu số, đối với những truyền thống lâu đời ở các vùng dân tộc thiểu số, thì phụ nữ làm chủ doanh nghiệp đã rất mạnh mẽ để vượt qua định kiến xã hội và áp lực công việc gia đình.

Tại Việt Nam, có một số chương trình hỗ trợ nâng cao quyền kinh tế của phụ nữ dân tộc thiểu số. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Chính phủ có thành lập “Tổ công tác 569 của về hỗ trợ khởi nghiệp vùng dân tộc thiểu số” để hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số khởi nghiệp, kinh doanh và liên kết chuỗi giá trị. Bên cạnh đó có sự hỗ trợ từ các tổ chức khác bên ngoài, như Dự án "Thúc đẩy tài chính toàn diện vì phụ nữ dân tộc thiểu số", do CARE Quốc tế tại Việt Nam phối hợp cùng Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Canal Circle - Tài chính tín dụng và công nghệ kết nối, triển khai tại 15 tỉnh trải dài trên cả ba khu vực Bắc–Trung–Nam của Việt Nam.

Chủ yếu xuất phát từ hộ kinh doanh

Hình 4: Đặc điểm nguồn gốc của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

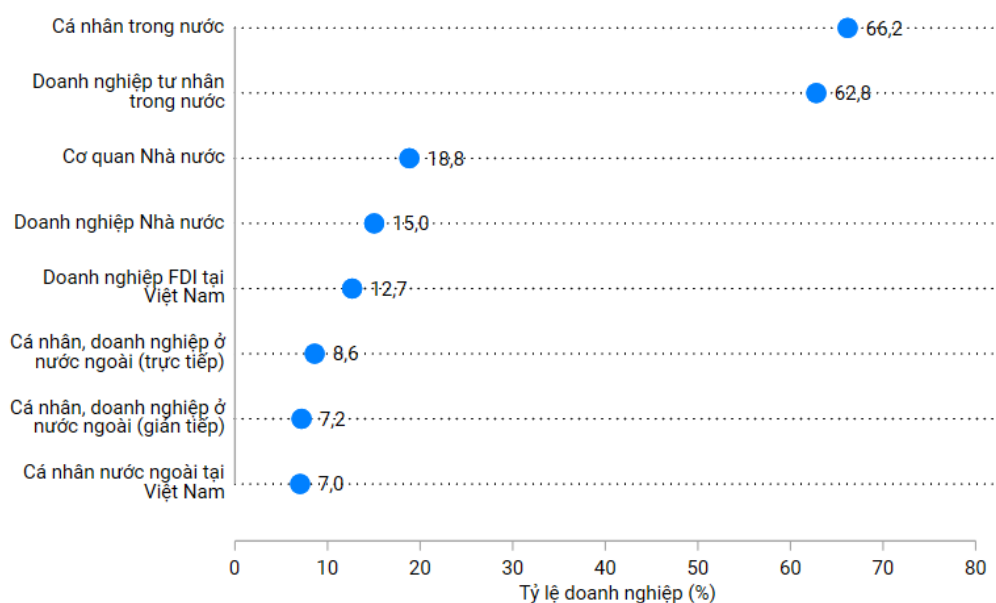


Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Chiếm đa số, là 61,3% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ từng là hộ kinh doanh. Chỉ có 4,6% là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ DNNN địa phương, 0,5% doanh nghiệp được cổ phần hoá từ DNNN trung ương. Các loại hình khác (doanh nghiệp có cổ phần/vốn góp của Nhà nước, doanh nghiệp có niêm yết trên sàn chứng khoán) chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Khách hàng chính là thị trường trong nước

Hình 5: Các nhóm khách hàng của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

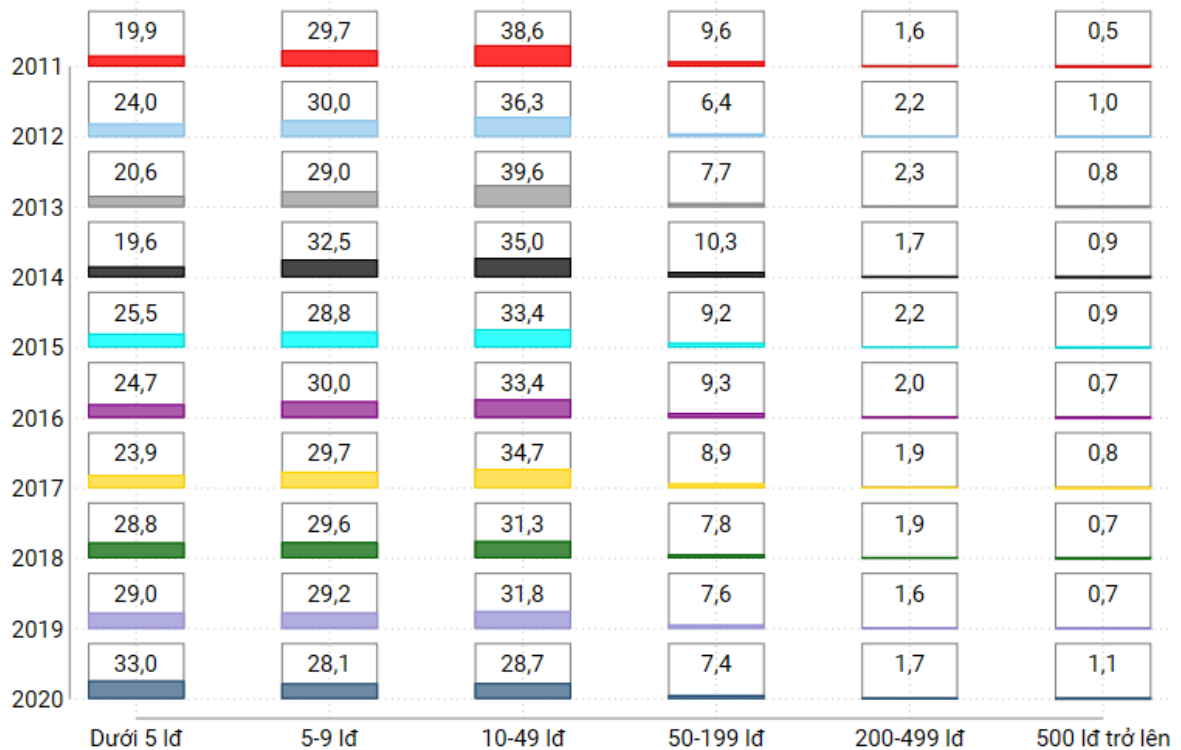
Trong số các loại khách hàng của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, chiếm số đông nhất các cá nhân trong nước (66,2%), 62,8% là các doanh nghiệp tư nhân trong nước, 18,8% là các cơ quan nhà nước, 15% là DNNN, các nhóm khách hàng có yếu tố nước ngoài (doanh nghiệp FDI tại Việt Nam, khách hàng trực tiếp và gián tiếp là cá nhân, doanh nghiệp ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam) có tỷ lệ dưới 13%, thể hiện ở hình trên. Như vậy, thị trường nội địa là khách hàng chính của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Hàng loạt các hiệp định tự do thương mại tự do song phương và đa phương đã được ký kết là những cơ hội vàng cho Việt Nam trên con đường hội nhập, thúc đẩy các hoạt động giao thương, nâng cao kim ngạch xuất nhập khẩu, thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Tuy nhiên, đây cũng là thách thức rất lớn, khi mà việc tham gia vào các mảng sản xuất, các chuỗi cung ứng toàn cầu của doanh nghiệp Việt Nam chưa cao, do đó cần các biện pháp để tăng cường liên kết, kết nối trong và ngoài nước.

Quy mô sử dụng lao động

Xét về quy mô sử dụng lao động, qua 10 năm điều tra PCI gần đây, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chủ yếu sử dụng dưới 50 lao động. Những con số này và những số liệu về vốn kinh doanh cho thấy các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chủ yếu ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

Hình 6: Quy mô lao động của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ qua các năm điều tra PCI



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Trong đó, số doanh nghiệp có quy mô lao động từ chín người trở xuống chiếm tỷ lệ lớn nhất (trên 50%) trong các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, năm 2020 con số này là 61,1%, nhiều nhất trong giai đoạn PCI 2011–2020. Theo tiêu chí xác định tại Nghị định 56/2009/NĐ-CP²⁵ và được thay thế bởi Nghị định 39/2018/NĐ-CP²⁶, đây là các doanh nghiệp siêu nhỏ. Chỉ có khoảng 1% doanh nghiệp có từ 500 lao động trở lên, xấp xỉ 2% có từ 200 đến dưới 500 lao động.

Quy mô vốn

Qua các năm, quy mô tổng số vốn kinh doanh của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ khiêm tốn và thay đổi không đáng kể, chủ yếu ở khoảng 1–5 tỷ đồng. Tính chung thì số doanh nghiệp có vốn kinh doanh từ 5 tỷ đồng trở xuống chiếm tỷ lệ nhiều nhất (khoảng 67–80% tổng số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong 10 năm trở lại đây).

²⁵ Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (có hiệu lực từ 20 tháng 8 năm 2009).

²⁶ Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (có hiệu lực từ ngày ký ban hành).

Hình 7: Quy mô vốn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ qua các năm điều tra PCI



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

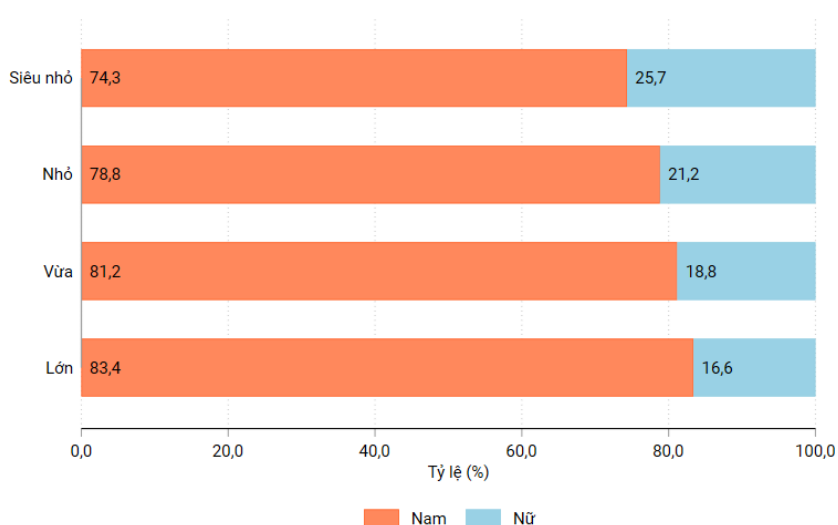
Năm 2020, tỷ lệ doanh nghiệp có vốn từ 10 tỷ trở xuống là 80%. Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì đến hết năm 2020, 94,22% doanh nghiệp nữ làm chủ khai báo mức vốn đăng ký từ 0 đến 10 tỷ đồng. Điều này là phổ biến trên thực tiễn khi số vốn kinh doanh, số vốn phản ánh tài sản thực tế của doanh nghiệp, thường thấp hơn vốn đăng ký.

Theo PCI 2020, chỉ có 1,3% là các doanh nghiệp lớn, theo Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, không có doanh nghiệp nào có vốn đăng ký trên 100 tỷ đồng.

Chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ

Xét theo từng loại quy mô doanh nghiệp, từ doanh nghiệp siêu nhỏ đến doanh nghiệp lớn qua các năm, quy mô của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phần lớn là nhỏ và siêu nhỏ.

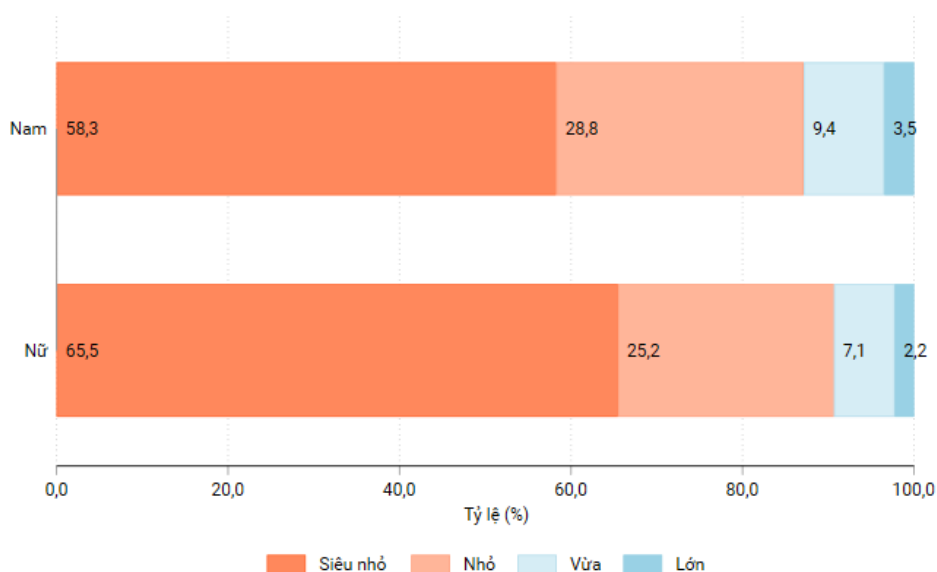
Hình 8: Phân bố giới của chủ doanh nghiệp theo quy mô doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Dù tính theo tiêu chí về quy mô vốn, hay quy mô sử dụng lao động, thì doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đều có quy mô nhỏ hơn doanh nghiệp do nam làm chủ. Một thực tế vẫn tồn tại là quy mô doanh nghiệp càng lớn thì tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ càng ít đi.

Hình 9: Quy mô doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp trong PCI 2020



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Tại Việt Nam, các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm tỷ trọng rất lớn. Xét về cơ cấu các nhóm doanh nghiệp theo quy mô, có tới 90,7% các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, con số này ở các doanh nghiệp nam làm chủ là 87,1%. Chỉ có 2,2% trong tổng số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp lớn.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Hình 10: Kết quả kinh doanh doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp qua các năm



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Tỷ lệ doanh nghiệp có lãi giảm, tỷ lệ doanh nghiệp bị thua lỗ tăng thể hiện kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ âm ảm hơn trong hai năm gần đây. Năm 2018, có 61,1% doanh nghiệp kinh doanh có lãi, 27,1% bị thua lỗ, nhưng sang 2019, tỷ lệ có lãi giảm hẳn (chỉ còn 53,2%), thêm vào đó, tỷ lệ bị thua lỗ tăng lên (32,1%).

Điều đáng chú ý, năm 2019 là năm chưa bị tác động bởi dịch COVID-19, kết quả kinh doanh giảm sút chứng tỏ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ gặp nhiều khó khăn trở ngại hơn, trong đó có tác động không nhỏ của môi trường kinh doanh.

Không chỉ suy giảm theo thời gian, mà trong mối tương quan so sánh với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ cũng cho thấy kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp do nữ giới làm chủ có phần kém hơn trong hai năm trở lại đây. Tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ có lãi thấp hơn và tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ thua lỗ cao hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

III. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH DƯỚI GÓC NHÌN CỦA DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

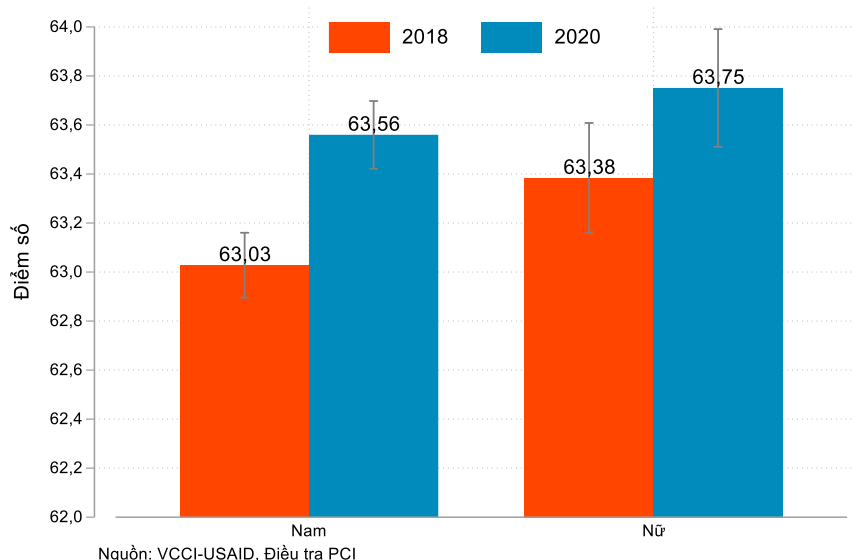
Việc đánh giá về môi trường kinh doanh trong phần này dựa trên dữ liệu của Dự án PCI - chỉ số đánh giá về chất lượng điều hành cấp tỉnh dưới góc nhìn của các doanh nghiệp tư nhân, phản ánh mức độ thuận lợi của môi trường kinh doanh địa phương với 10 chỉ số thành phần như đã đề cập ở phần [Phương pháp](#) và [Phạm vi nghiên cứu](#) trong phần [Giới thiệu chung](#) của Báo cáo này.

Kết quả PCI trong đánh giá này là dựa trên đánh giá điểm số ở cấp độ doanh nghiệp trong năm điều tra gần nhất đã công bố (PCI 2020) và có so sánh với số liệu của PCI 2018 (được sử dụng trong Báo cáo công bố năm 2019 của Chương trình Aus4Reform). Điểm số chỉ số PCI chung và các chỉ số thành phần trong Báo cáo này, do vậy có thể khác với kết quả PCI đã công bố, vì kết quả đánh giá trong Báo cáo PCI là dữ liệu ở cấp tỉnh và so sánh theo thời gian từ 2006 đến 2020.

1. Đánh giá chung

Về tổng quan, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhìn nhận về môi trường kinh doanh năm 2020, ở mức trung bình khá (63,75 điểm/100), có cải thiện nhẹ so với năm 2018 (63,38 điểm/100).

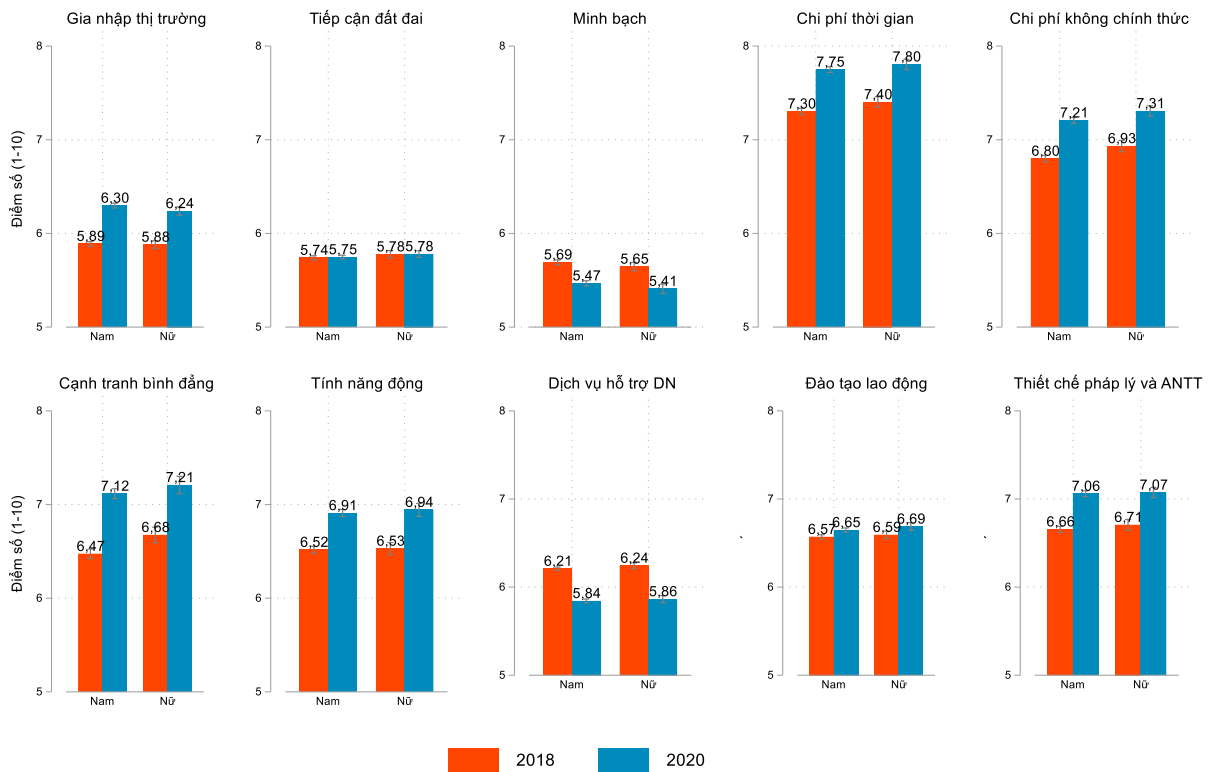
Hình 11: Đánh giá tổng quan môi trường kinh doanh từ doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp



Như vậy, dù có cải thiện nhẹ, thì chất lượng môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ vẫn chỉ ở mức trung bình khá.

Nhìn chung, các doanh nghiệp do nữ làm chủ đánh giá về chất lượng môi trường kinh doanh cao hơn so với các doanh nghiệp do nam làm chủ. Tuy nhiên, khoảng cách chênh lệch này đang có xu hướng giảm, từ mức 0,35 điểm năm 2018 xuống mức 0,19 điểm năm 2020. Như vậy, các biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh trong hai năm qua có tác động tích cực đến các doanh nghiệp do nam giới làm chủ nhiều hơn so với các doanh nghiệp do nữ giới làm chủ.

Hình 12: Chuyển biến trong các lĩnh vực điều hành kinh tế tại các địa phương (so sánh giữa PCI 2018 và 2020)



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Biểu đồ trên cho thấy, trong 10 chỉ số thành phần của môi trường kinh doanh, có ba chỉ số không có cải thiện so với PCI 2018 là:

- Tiếp cận đất đai;
- Tính minh bạch;
- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

Không những không cải thiện mà điểm của ba chỉ số này cũng thấp nhất trong 10 chỉ số, chưa được 6/10 điểm. Kém nhất vẫn là tính minh bạch. Chi phí thời gian được đánh giá tốt nhất, sau đó đến chi phí không chính thức, thiết chế pháp lý, cạnh tranh bình đẳng.

Những lĩnh vực có cải thiện là:

- Gia nhập thị trường;
- Chi phí thời gian;
- Chi phí không chính thức;
- Cạnh tranh bình đẳng;
- Tính năng động;
- Đào tạo lao động;
- Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

Những số liệu và phân tích cụ thể hơn ở phần sau sẽ chỉ ra những vấn đề cụ thể cần được cải thiện.

So sánh giữa hai nhóm doanh nghiệp do nam giới và nữ giới làm chủ cũng cho thấy sự khác biệt khi đánh giá môi trường đầu tư kinh doanh. Các doanh nghiệp do nữ giới làm chủ có đánh giá tích cực hơn ở các lĩnh vực như chi phí thời gian, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, nhưng lại đánh giá tiêu cực hơn các lĩnh vực như tính minh bạch và gia nhập thị trường.

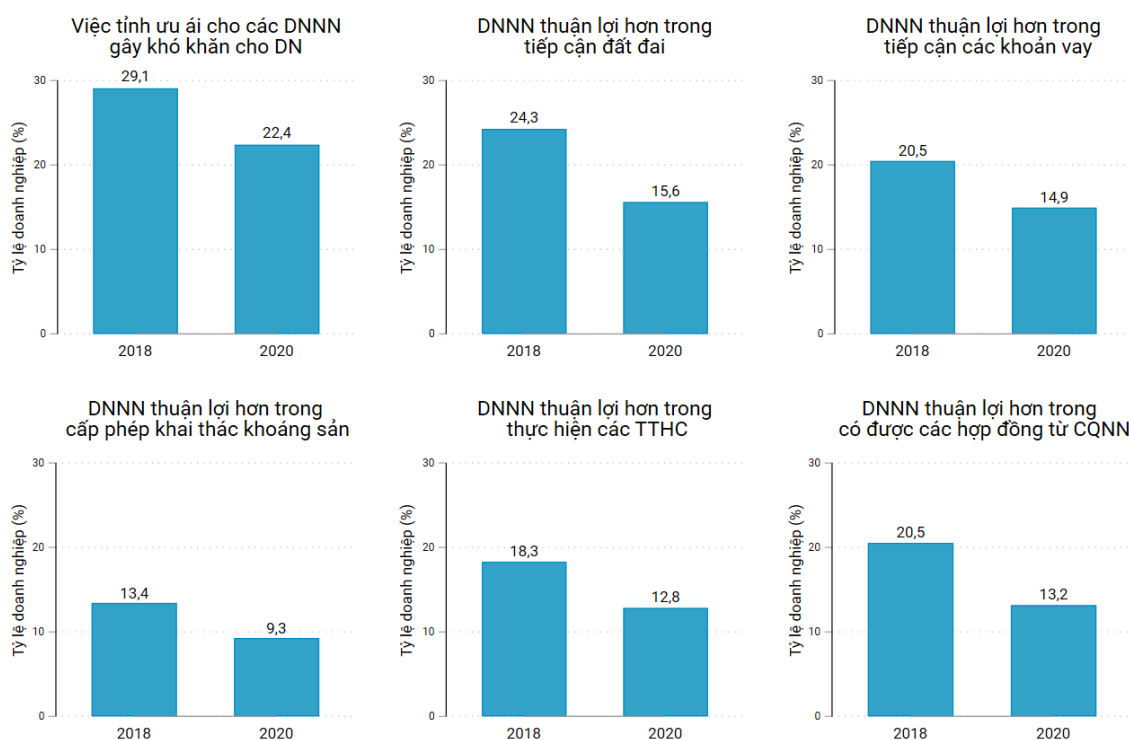
2. Đánh giá các lĩnh vực điều hành kinh tế địa phương

2.1. Những chuyển biến tích cực

Môi trường kinh doanh bình đẳng hơn

Phần này thể hiện có sự lạc quan hơn trong đánh giá của doanh nghiệp dân doanh đối về sự thiên vị của chính quyền địa phương đối với các nhóm doanh nghiệp khác: DNNN, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp thân quen của cán bộ cơ quan nhà nước.

Hình 13: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ ưu ái của chính quyền đối với doanh nghiệp nhà nước

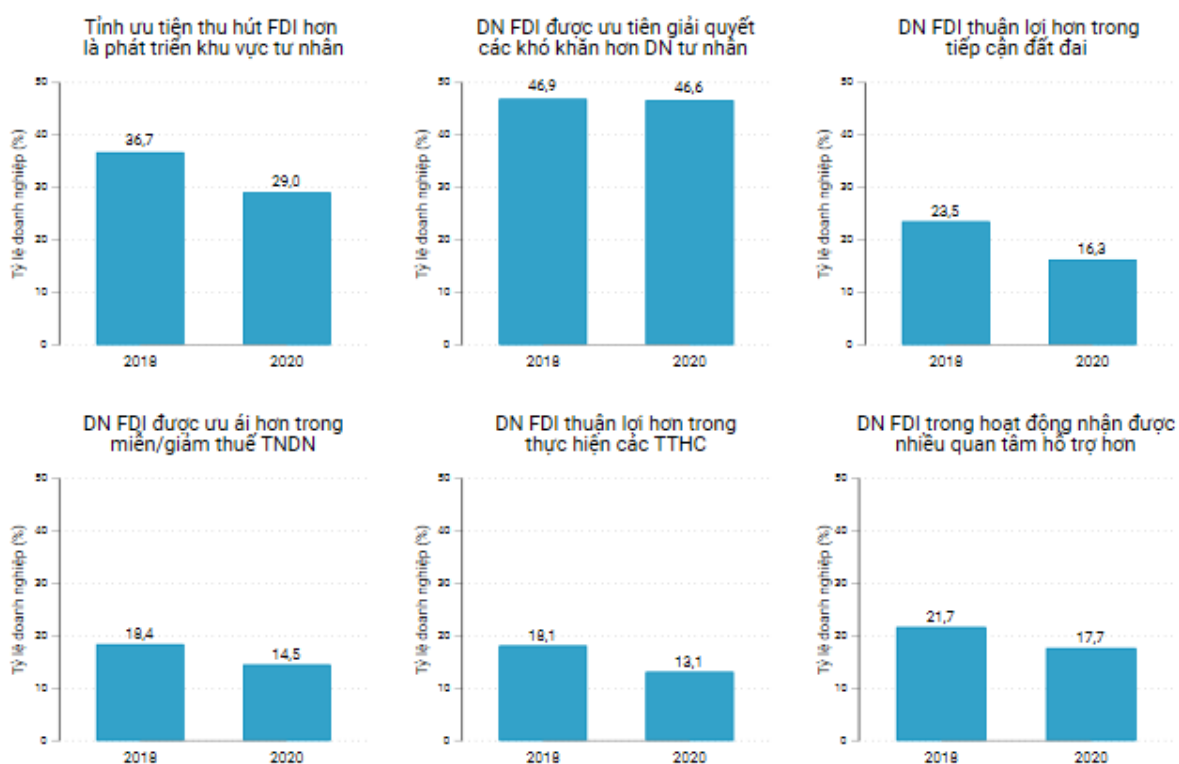


Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Các doanh nghiệp dân doanh được hỏi về một số vấn đề nhằm đánh giá mức độ thiên vị của chính quyền địa phương đối với các DNNN, liệu có được chính quyền tạo thuận lợi hơn doanh nghiệp tư nhân trong: tiếp cận đất đai, tiếp cận các khoản vay, cấp phép khai thác khoáng sản, thực hiện các TTHC, có được các hợp đồng từ CQNN.

So với 2018, doanh nghiệp đánh giá sự ưu ái của chính quyền tỉnh đối với các DNNN ở tất cả các nội dung trên đều giảm xuống. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng việc tỉnh ưu ái các DNNN gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp mình cũng giảm (22,4% so với 29,1% ở năm 2018).

Hình 14: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ ưu ái của chính quyền đối với doanh nghiệp FDI



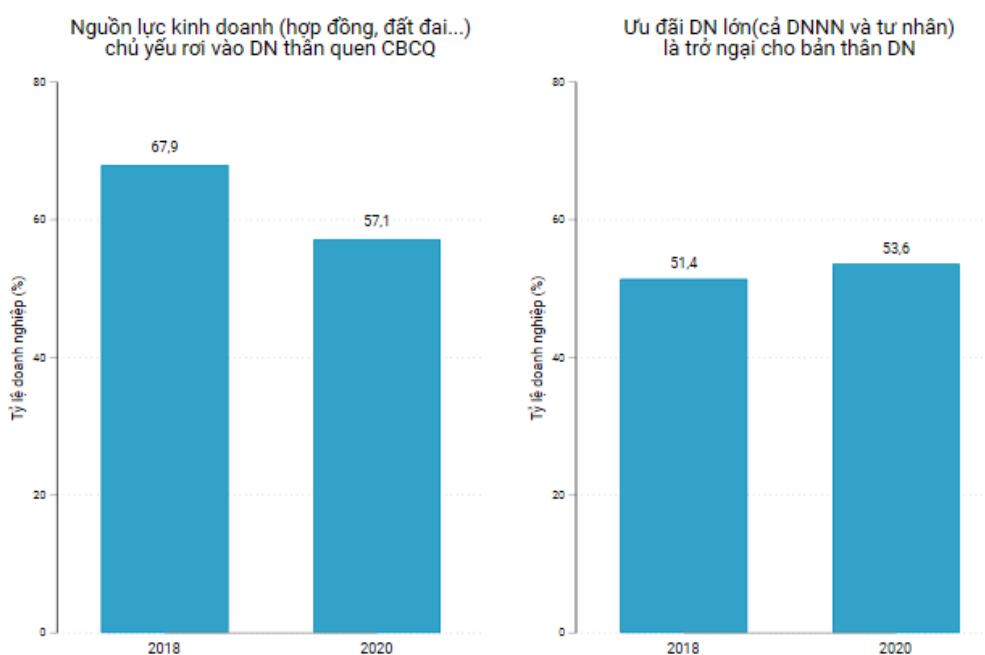
Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Sự ưu ái của chính quyền đối với các doanh nghiệp FDI được đánh giá trong một số vấn đề lớn như: thu hút đầu tư, giải quyết khó khăn, tiếp cận đất đai, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp.

Biểu đồ trên thể hiện nhận định của các doanh nghiệp dân doanh năm 2020 có chuyển biến tích cực hơn so với năm 2018, tuy nhiên sự cải thiện chưa đáng kể. Nhiều địa phương vẫn giữ quan niệm rằng các doanh nghiệp FDI là các “ông lớn” cần chăm sóc để thu hút đầu tư, tăng thu ngân sách, tạo việc làm. Nhiều chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư cũng thể hiện sự ưu ái cho khu vực doanh nghiệp FDI, khiến khu vực tư nhân vốn nhỏ bé lại sẽ ngày càng bị lép vế trước khu vực FDI.

Vì vậy, việc tạo môi trường bình đẳng trong kinh doanh là biện pháp tốt để cân bằng những nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp nội và đầu tư FDI, tăng tính liên kết và phát huy sức mạnh của cả hai giữa hai luồng đầu tư.

Hình 15: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ ưu ái của chính quyền đối với doanh nghiệp thân quen của cán bộ cơ quan nhà nước



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Mức độ ưu ái đối với các doanh nghiệp thân hữu có giảm so với hai năm trước, 57,1% doanh nghiệp trả lời đồng ý rằng các hợp đồng mua sắm công, đất đai và các nguồn lực kinh doanh khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền, giảm so với mức 67,9% ở năm 2018. Tuy nhiên đây vẫn là mức khá cao.

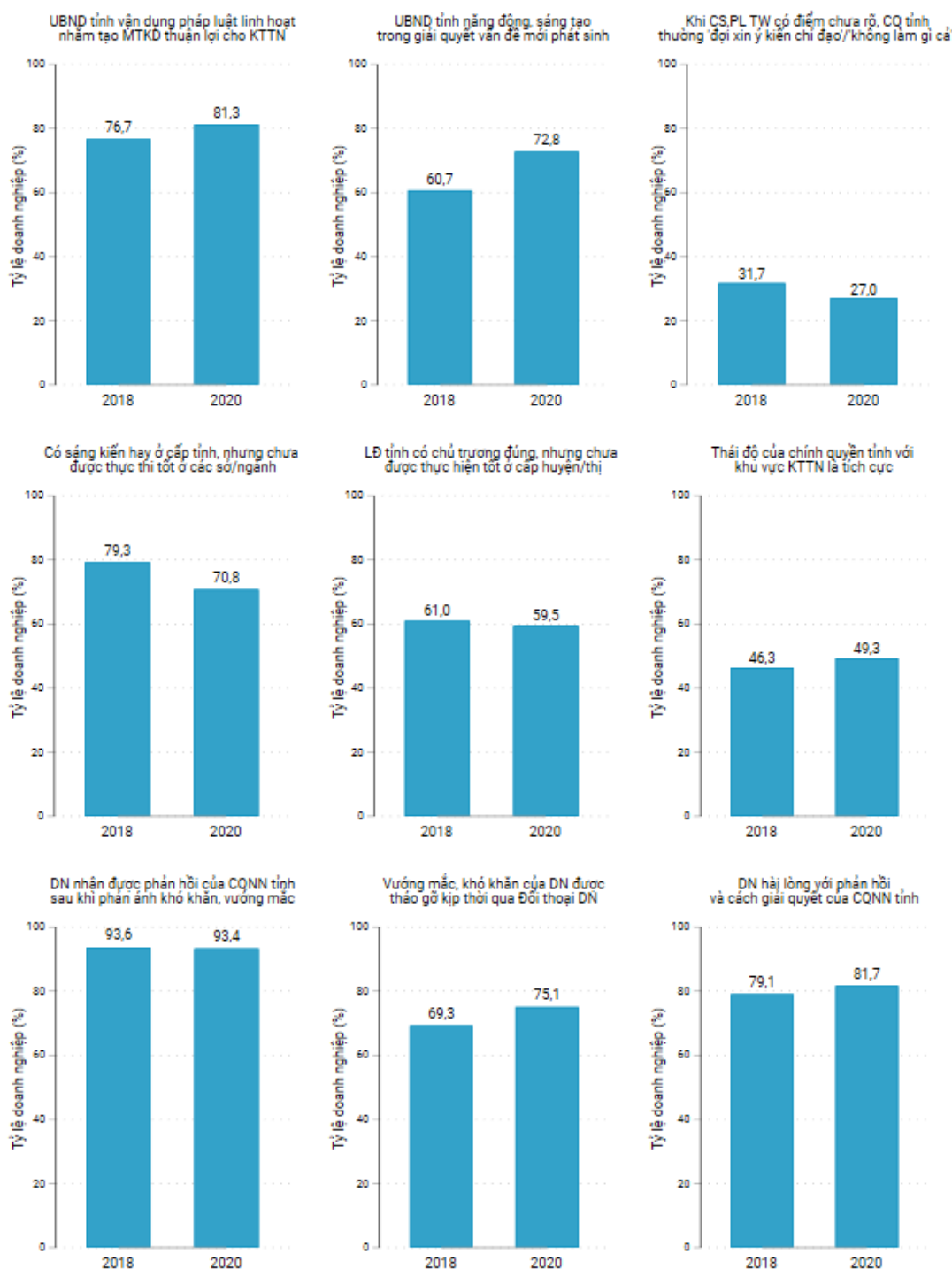
Hơn một nửa số doanh nghiệp được hỏi cho rằng sự ưu đãi của chính quyền địa phương cho các doanh nghiệp lớn (cả DNNN và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình. Khi các nguồn lực được phân bổ dựa trên tầm ảnh hưởng của quyền lực, quan hệ, lợi ích, sự "thân hữu", thành tựu kinh doanh của một số doanh nghiệp dựa trên sự thông đồng, quan hệ thân thiết của họ với các quan chức của chính quyền, sẽ tạo ra sự bất bình đẳng trong tự do cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, đặc biệt với khối doanh nghiệp tư nhân và đây cũng là một hình thức tham nhũng.

Những con số thể hiện ở ba hình trên cho thấy có sự cải thiện của các chính quyền địa phương, song vẫn còn không ít doanh nghiệp đánh giá có sự thiên vị. Một doanh nghiệp ở Hà Nội trả lời phỏng vấn cho biết, họ gặp phải tình trạng “cá lớn nuốt cá bé” do bị cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp có chống lưng. Những “doanh nghiệp sâu sau”, “doanh nghiệp thân hữu” nhận được thiên vị, tiếp tay của các quan chức trong việc tiếp cận đất đai, tài chính, ngân sách, giấy phép, giảm thuế và vô vàn các ưu đãi khác. Doanh nghiệp này đề nghị phải khách quan minh bạch các gói đầu tư công.

Do đó, việc tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp vẫn cần sự nỗ lực hơn nữa của chính quyền.

Chính quyền năng động, sáng tạo hơn trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp

Hình 16: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ năng động, sáng tạo của chính quyền trong việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Trong những năm gần đây, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đánh giá chính quyền có thiện cảm hơn với khu vực kinh tế tư nhân. Thái độ tích cực đó được thể hiện qua các nội dung đánh giá cụ thể:

- Sự linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân;
- Sự năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh khi quy định của Trung ương chưa rõ ràng;
- Nếu có điểm chưa rõ trong một quy định cụ thể của Trung ương, liệu chính quyền không làm gì cả và chờ cho đến khi cơ quan Trung ương chủ động giải quyết các điểm chưa rõ đó?;
- Có những sáng kiến tốt ở cấp tỉnh, nhưng việc thực thi của các sở, ngành thuộc tỉnh lại có vấn đề;
- Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách tốt nhưng không được thực hiện đúng ở cấp huyện;
- Trong quá trình tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của địa phương, doanh nghiệp được phản hồi sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc của mình;
- Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh;
- Doanh nghiệp hài lòng với phản hồi và/hoặc cách giải quyết của chính quyền.

Ở 8 nội dung trên, đánh giá của doanh nghiệp năm 2020 hầu hết tích cực hơn so với 2018. Đặc biệt, tỷ lệ doanh nghiệp được chính quyền phản hồi sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc là trên 93% (hai năm 2018 và 2020 có mức tương tự nhau).

Nhận xét chung về thái độ đối với hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân, 49,3% doanh nghiệp cho biết thái độ của chính quyền là tích cực, tỷ lệ này đã tăng so với mức 46,3% ở năm 2018, tuy nhiên nhận định này vẫn chưa phải của đa số các doanh nghiệp (chưa đến ½).

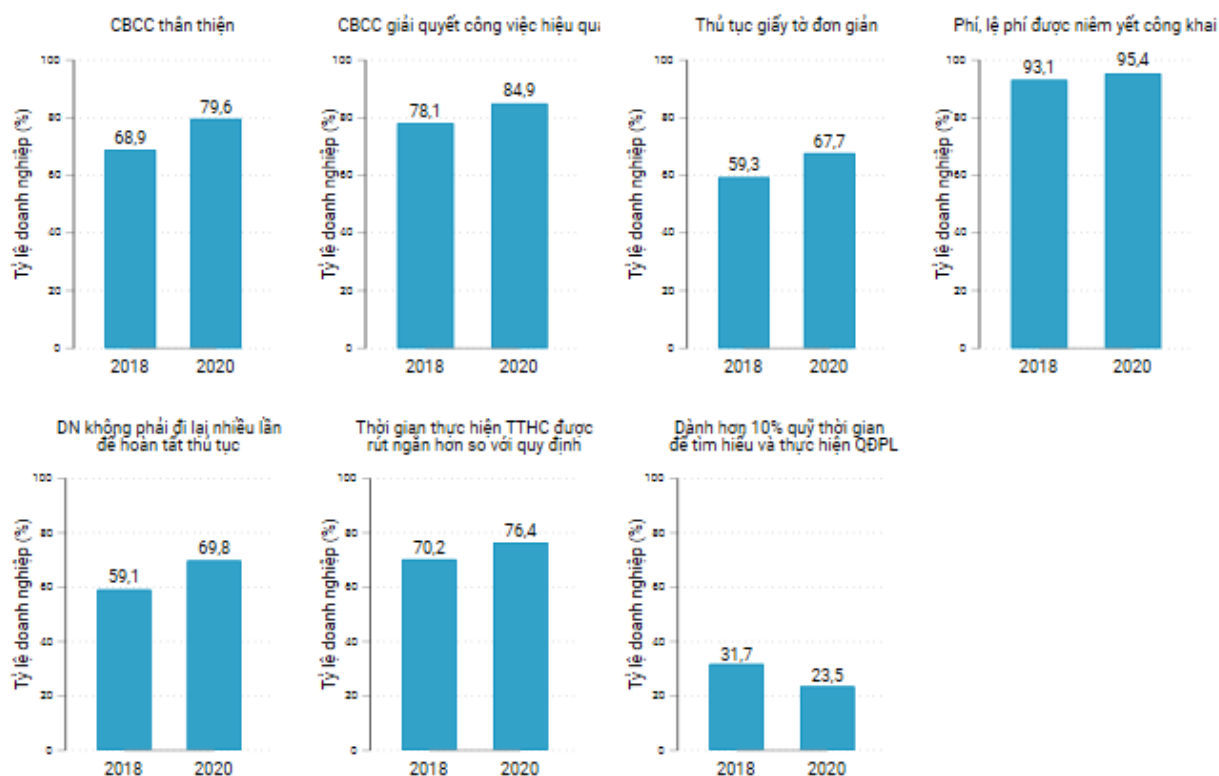
Có doanh nghiệp trả lời phỏng vấn nhận xét rằng tỉnh thiếu linh hoạt trong vấn đề thu hút đầu tư, do các cơ quan Sở, ngành địa phương làm việc quá nguyên tắc và cứng nhắc vì sợ trách nhiệm. Cán bộ cấp sở cũng không nhiệt tình giúp đỡ doanh nghiệp gặp khó khăn. Có những khoản đóng bắt buộc như các quỹ thiên tai... vẫn đang tiếp tục thực hiện trong năm 2020, trong khi tình hình chung các doanh nghiệp đều gặp khó khăn, đề nghị chính quyền cần linh hoạt hỗ trợ doanh nghiệp bớt khó khăn.

Nhiều doanh nghiệp mong muốn lãnh đạo tỉnh phải thật sự quan tâm đến các doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh. Tuy những đơn vị này nhỏ nhưng số lượng nhiều, đóng rất lớn cho kinh tế xã hội địa phương, vừa giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho chính bản thân họ, nếu doanh nghiệp "khỏe mạnh" thì Nhà nước càng không phải trợ cấp.

Như vậy, mặc dù nhìn chung đã có nhiều cải thiện nhưng các doanh nghiệp mong muốn chính quyền địa phương năng động hơn nữa, quan tâm hơn nữa tới doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn hiện nay, cần thấu hiểu những khó khăn của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ để có giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp sống qua mùa dịch và tồn tại phát triển về sau.

Thủ tục hành chính thuận lợi hơn (Chi phí thời gian)

Hình 17: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về chất lượng giải quyết TTHC



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

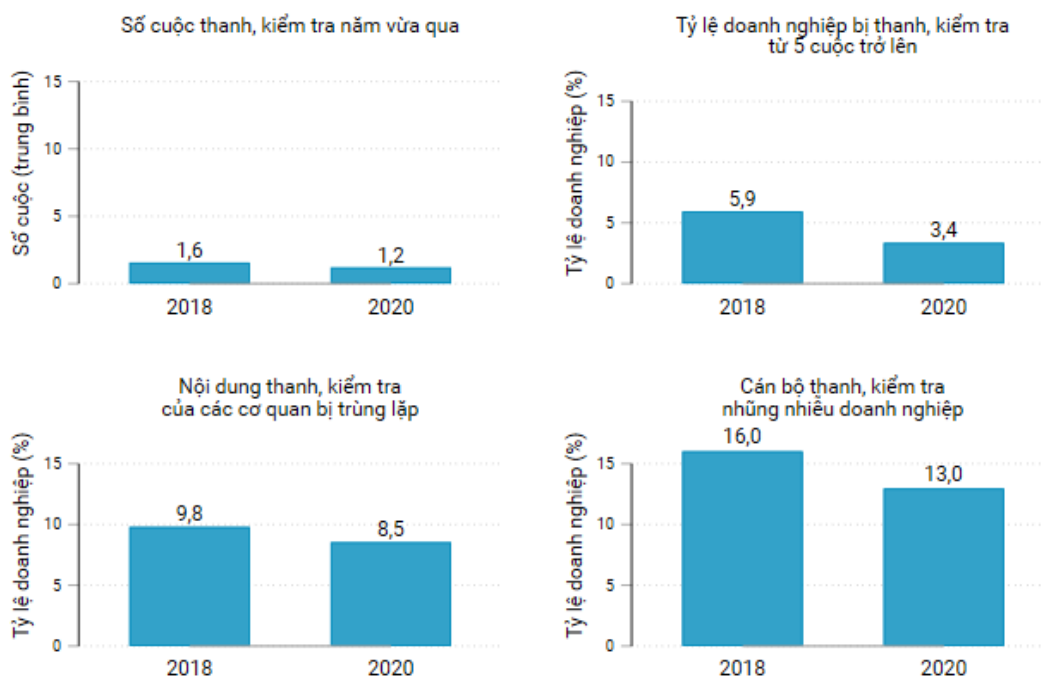
Việc giải quyết các thủ tục hành chính (TTHC) đã được thuận lợi hơn, thái độ của cán bộ công chức thân thiện hơn, giải quyết công việc hiệu quả hơn, thủ tục giấy tờ đơn giản hơn, phí, lệ phí được niêm yết công khai.

Đặc biệt, về chi phí thời gian, doanh nghiệp đỡ phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục, thời gian thực hiện TTHC rút ngắn hơn so với quy định, số lượng doanh nghiệp phải dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện TTHC cũng giảm (23,5% so với mức 31,7% ở năm 2018).

Như vậy, cải cách TTHC, chuyển hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp đã có kết quả tích cực. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, rà soát các TTHC, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, triển khai chính quyền điện tử, sử dụng mạng xã hội giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin các TTHC... đã góp phần tạo nên những cải cách này.

Gánh nặng thanh, kiểm tra đã giảm bớt

Hình 18: Gánh nặng thanh, kiểm tra theo đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

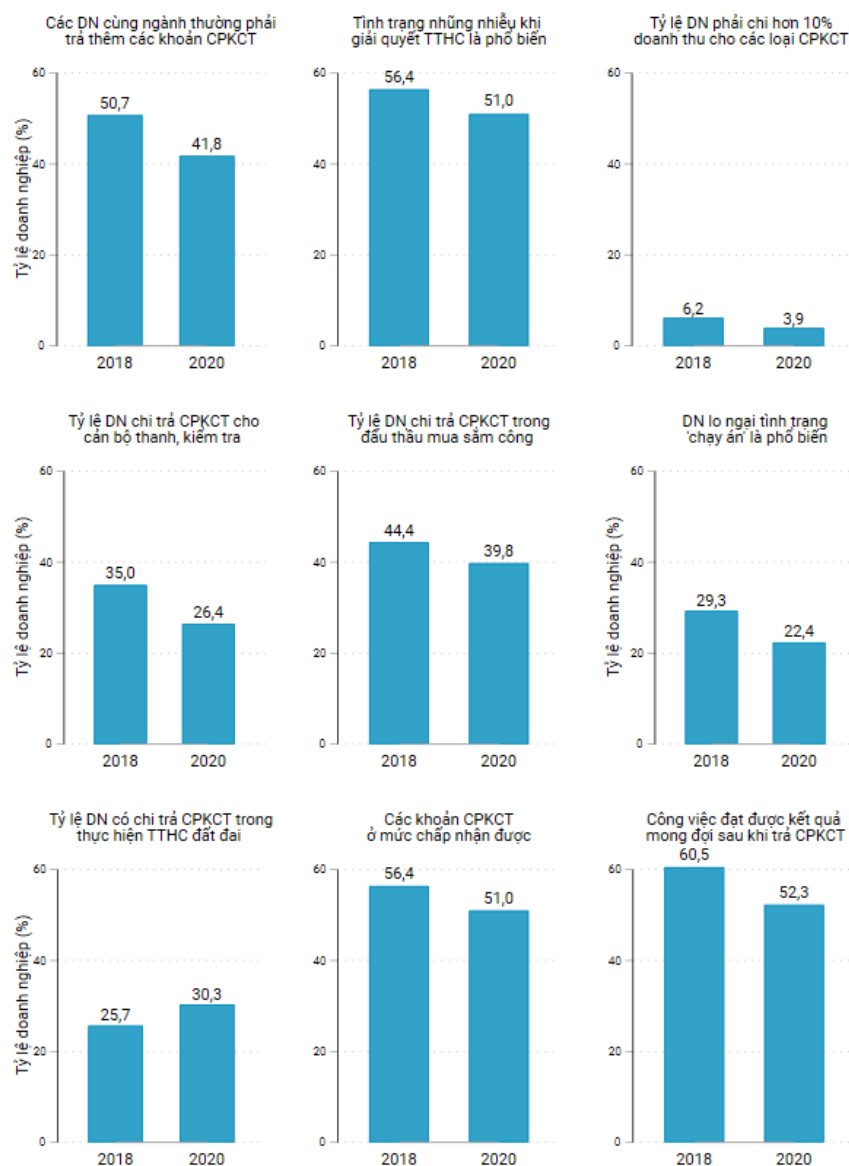
Trong năm 2020, trung bình mỗi doanh nghiệp có 1,2 cuộc thanh tra, giảm so với con số 1,6 ở năm 2018. Chỉ có 3,4% số doanh nghiệp bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên. Tỷ lệ doanh nghiệp bị thanh, kiểm tra có nội dung trùng lặp giữa các cơ quan giảm đi, 13% doanh nghiệp nhận định cán bộ thanh, kiểm tra những nhiều doanh nghiệp, giảm so với tỷ lệ 16% ở năm 2018.

Những số liệu trên cho thấy, gánh nặng thanh, kiểm tra có giảm bớt, tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả pháp luật về thanh tra và Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp²⁷ thì các chính quyền địa phương vẫn cần tiếp tục cải thiện.

²⁷ yêu cầu “khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với doanh nghiệp”, đồng thời có các quy định để tránh chồng chéo, trùng lặp, những nhiều doanh nghiệp.

Gánh nặng chi phí không chính thức đã giảm đáng kể

Hình 19: Gánh nặng chi phí không chính thức theo đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Số liệu khảo sát các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở PCI 2020 cho thấy có đánh giá tích cực hơn đối với nỗ lực của chính quyền trong phòng chống tham nhũng và cắt giảm chi phí không chính thức tại địa phương.

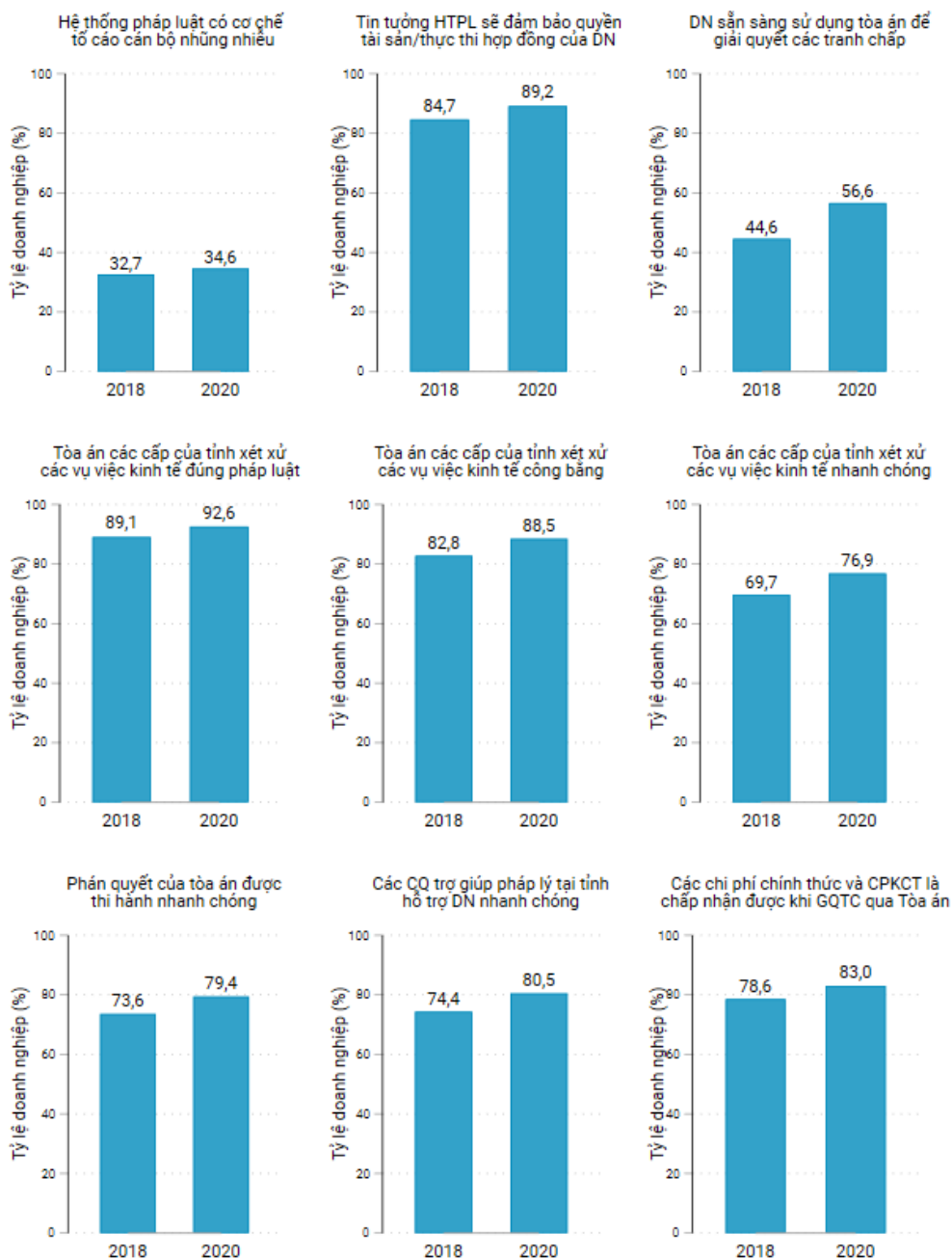
So với năm 2018, có chiều hướng giảm trong tỷ lệ doanh nghiệp phải trả các khoản chi phí không chính thức (CPKCT). Tình trạng những nhiễu khi thực hiện TTHC cũng được đánh giá là có cải thiện, sự lo ngại về tình trạng “chạy án” ở mức 22,4%, giảm so với tỷ lệ 29,3% doanh nghiệp lo ngại ở năm 2018.

Tuy nhiên, vẫn có những điểm tối trong bức tranh này. Trong lĩnh vực đất đai, tỷ lệ doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC lại tăng lên, từ 25,3% ở 2018 lên 30,3% ở năm 2020. Doanh nghiệp bức xúc hơn khi tỷ lệ cho rằng “các khoản chi phí

không chính thức ở mức chấp nhận được” giảm đi, trong khi đó mức độ hài lòng với kết quả công việc đạt được sau khi phải trả chi phí không chính thức kém đi (52,3% so với 60,5%).

Thiết chế pháp lý được củng cố

Hình 20: Thiết chế pháp lý theo đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Chất lượng giải quyết tranh chấp tại tòa án (theo tiêu chí đúng pháp luật, nhanh chóng, công bằng) được cải thiện. Tỷ lệ doanh nghiệp cao hơn tin tưởng hơn vào Tòa án, sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp cũng như thấy rằng việc thi hành phán quyết của tòa là nhanh chóng. Các cơ quan trợ giúp pháp lý ở tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp cũng nhanh chóng hơn.

Niềm tin vào thiết chế pháp lý được củng cố hơn, 34,6% doanh nghiệp cho rằng hệ thống pháp luật có cơ chế tố cáo cán bộ những nhiều, con số này ở năm 2018 là 32,7%. Niềm tin vào hệ thống tòa án, thi hành án... của tỉnh tăng lên khi có 89,2% doanh nghiệp cho rằng sẽ được bảo vệ hợp đồng và các quyền tài sản trong các tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh, so với tỷ lệ 84,7% ở năm 2018. Chi phí (cả chính thức và không chính thức) khi giải quyết tranh chấp qua tòa án được 83% doanh nghiệp cho là chấp nhận được, trong khi tỷ lệ này ở năm 2018 là 78,6%.

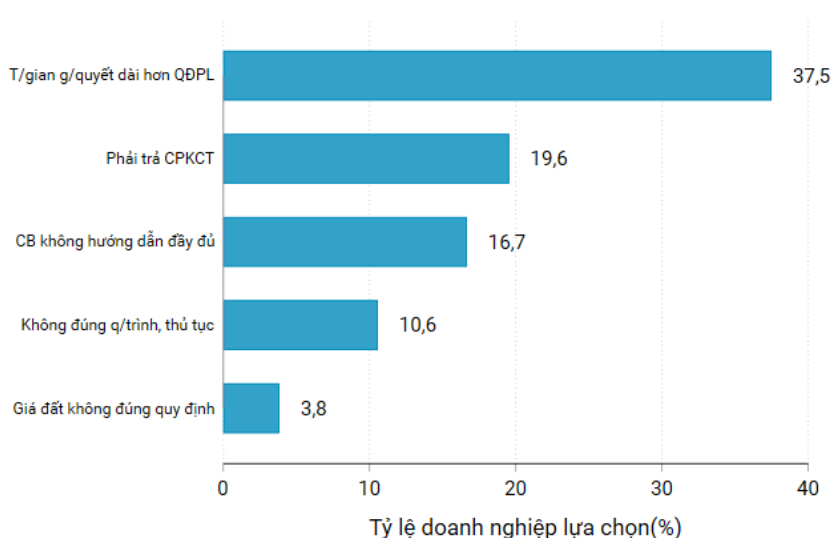
2.2. Những cản trở lớn nhất cần được cải thiện

Tiếp cận đất đai chưa thuận lợi

Tiếp cận đất đai và duy trì sự ổn định trong quá trình sử dụng đất để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh luôn là điều doanh nghiệp mong muốn, với các doanh nghiệp nhỏ thì đây là vấn đề rất khó khăn khi nguồn lực tài chính có hạn.

TTHC đất đai hiện nay theo đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ còn rất nhiều khó khăn, cản trở. Việc này ảnh hưởng rất lớn tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hình 21: Khó khăn cụ thể của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ khi thực hiện TTHC về đất đai



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Thời gian giải quyết hồ sơ đất đai được đánh giá là khó khăn lớn nhất. Có tới 37,5% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho rằng thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định.

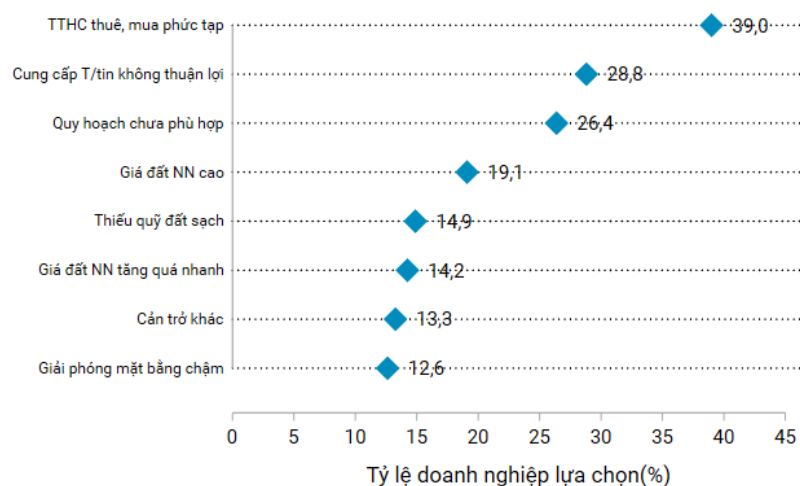
19,6% cho rằng phải trả chi phí không chính thức khi làm TTHC. Việc các cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết TTHC không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ cũng làm khó cho doanh nghiệp. Xử lý không đúng quy trình, thủ tục và Giá đất không đúng với nội dung được niêm yết hoặc văn bản quy định cũng là lo lắng của các doanh nghiệp.

Theo Báo cáo Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI)²⁸ 2020, chi phí không chính thức “có mặt” ở tất cả các TTHC. TTHC Đất đai là một trong năm nhóm thủ tục có điểm giảm so với APCI 2019.

Đẩy mạnh cải cách TTHC là một trong những giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, được Chính phủ quyết tâm và quyết liệt chỉ đạo thực hiện. Công tác cải cách TTHC đã có nhiều thành công. Tính từ đầu nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV đến nay, đã cắt giảm, đơn giản hóa gần 1.000 thủ tục hành chính, 3.893/6.191 điều kiện kinh doanh, 6.776/9.926 danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, 30/120 thủ tục hành chính lên quan đến kiểm tra chuyên ngành; tổng chi phí cho xã hội tiết kiệm được khoảng hơn 18 triệu ngày công/năm, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm.²⁹ Tuy nhiên, vẫn còn những vướng mắc thực tế như phân tích ở trên, điều này đặt ra yêu cầu công tác cải cách luôn phải được duy trì bền bỉ.

Hiện nay, Bộ Xây dựng và Bộ Tài nguyên và Môi trường được yêu cầu nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đất³⁰ để công khai, minh bạch, kiểm soát và điều tiết thị trường, đưa về đúng giá trị thực. Bộ Tài nguyên và Môi trường được Chính phủ giao nhiệm vụ hoàn thành và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia vào tháng 7/2021.³¹ Thủ tướng đã ban hành Quyết định 2178/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2020 phê duyệt Đề án “Hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương”. TTHC và tính minh bạch trong lĩnh vực đất đai được kỳ vọng sẽ được cải thiện.

Hình 22: Khó khăn trong mở rộng mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

²⁸ APCI (Index for administrative procedure compliance costs) là báo cáo của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ thực hiện với sự hỗ trợ của USAID.

²⁹ <https://moha.gov.vn/danh-muc/van-phong-chinh-phu-cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-cai-thien-moi-truong-kinh-doanh-va-xay-dung-chinh-phu-dien-tu-phuc-vu-nhan-dan-45392.html>

³⁰ <https://vnexpress.net/de-xuat-xay-dung-du-lieu-quoc-gia-ve-gia-dat-4258468.html>

³¹ <https://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Thu-tuong-doc-thuc-xay-dung-Co-so-du-lieu-dat-dai-quoc-gia/425339.vgp>

Mặt bằng phục vụ sản xuất ổn định đóng góp quan trọng vào thành công của doanh nghiệp. Những doanh nghiệp quy mô nhỏ thường phải đi thuê mặt bằng và luôn phải đối mặt với sự bất ổn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Qua phỏng vấn cho thấy đây cũng là nguyên nhân khiến không ít doanh nghiệp không mạnh dạn mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Nhiều doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ gặp khó khăn trong mở rộng mặt bằng kinh doanh, trong đó khó khăn phức tạp nhất là TTHC thuê, mua đất đai phức tạp (có tới 39% trả lời có khó khăn này), tiếp theo đó là Việc cung cấp thông tin dữ liệu về đất đai không thuận lợi nhanh chóng (28,8%), Quy hoạch đất đai của tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của doanh nghiệp cũng là trở ngại lớn (26,4%).

Giá đất cao cũng là một trở ngại không nhỏ, việc tăng bảng giá đất làm tăng chi phí đối với doanh nghiệp đang thuê đất, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch bệnh.

Trước thông tin về việc tăng giá đất ở một số địa phương, Thủ tướng giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan nghiên cứu, đánh giá và xử lý phản ánh nhiều địa phương đang điều chỉnh Bảng giá đất, việc tăng bảng giá đất làm tăng chi phí đối với doanh nghiệp đang thuê đất (tại Công văn số 1437/VPCP-NN ngày 06 tháng 3 năm 2021³²).

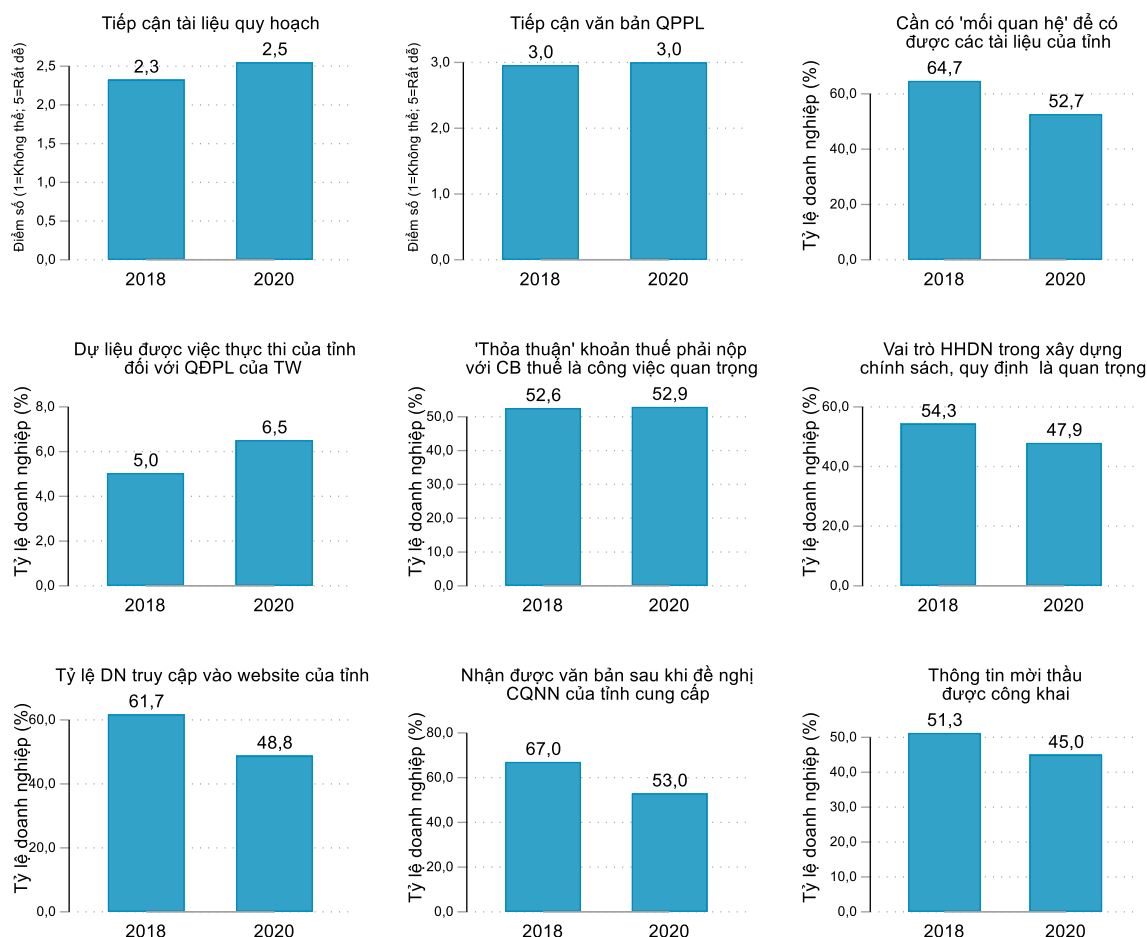
Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp cũng chào đón các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp lớn mà không mấy chú trọng đến những DNVVN. Một doanh nghiệp ở Đông Anh, Hà Nội cho biết, yêu cầu về mặt bằng đầu tư tối thiểu trong khu công nghiệp 10 nghìn m², trong khi đó, DNVVN chỉ cần mặt bằng nhỏ hơn và khả năng đầu tư của doanh nghiệp cũng hạn chế.

Do đó, doanh nghiệp cần sự ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước để có được mặt bằng ổn định sản xuất, ví dụ như đẩy nhanh tiến độ triển khai các khu, cụm công nghiệp mới để có mặt bằng bố trí cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho DNVVV được thuê mặt bằng phù hợp với năng lực tài chính.

³² <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Bat-dong-san/Cong-van-1437-VPCP-NN-2021-phan-anh-Dung-tang-gia-dat-lam-ngat-tho-them-kim-gia-dat-giup-dan-467143.aspx>

Khó khăn trong tiếp cận thông tin

Hình 23: Đánh giá của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ minh bạch của môi trường kinh doanh



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, có 15 loại thông tin phải được công khai,³³ trong đó có: văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; Dự thảo VBQPPL theo quy định của pháp luật về ban hành VBQPPL; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân; Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước; Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn và một số loại thông tin khác.

³³ Quy định tại Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin, ban hành ngày 06 tháng 4 năm 2016 và có hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2018.

Tuy nhiên, theo đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, đối với các VBQPPL, mức độ tiếp cận dễ dàng chỉ được đánh giá ở mức 3/5, tiếp cận các tài liệu quy hoạch chỉ ở mức 2,5/5.

Mặc dù tỷ lệ có giảm so với năm 2018, nhưng tỷ lệ doanh nghiệp phải có mối quan hệ với cơ quan nhà nước mới tiếp cận được tài liệu của tỉnh là quá một nửa (52,7%). Sau khi đề nghị cung cấp những thông tin, văn bản không có sẵn trên các phương tiện thông tin đại chúng, chỉ có 53% nhận được thông tin, văn bản đó. Thông tin mời thầu cũng khó được công khai, tính hữu ích và thân thiện của website của chính quyền địa phương cũng thấp khi chỉ có 48,78% doanh nghiệp có truy cập (giảm mạnh so với tỷ lệ 61,73 ở năm 2018).

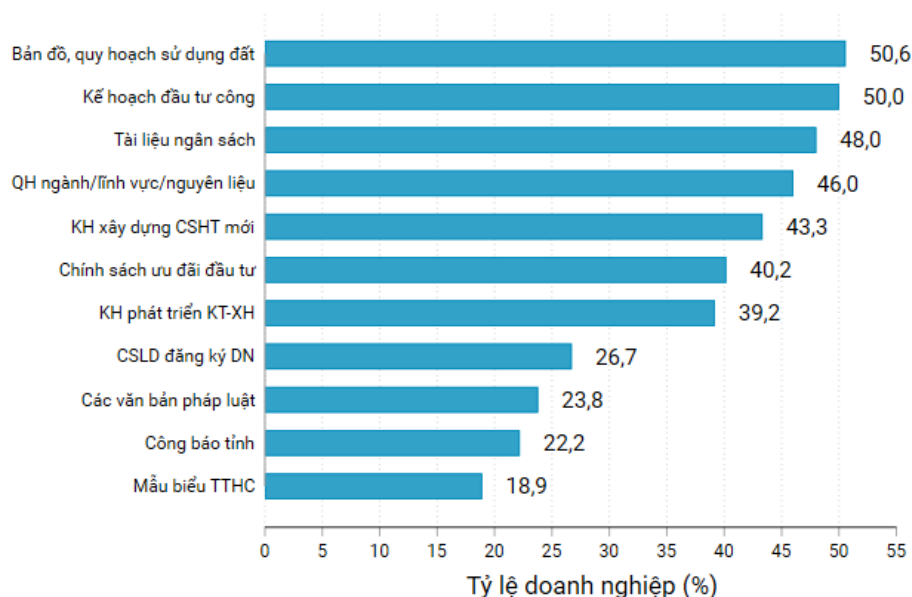
Đáng lo ngại là hầu như các doanh nghiệp không dự liệu được việc thực thi các quy định pháp luật của trung ương ở địa phương, số doanh nghiệp dự liệu được chỉ có 6,5%. Trong quá trình hoạch định chính sách ở địa phương, chỉ có 47,9% doanh nghiệp cho rằng các hiệp hội doanh nghiệp địa phương có vai trò quan trọng. Việc các hiệp hội đại diện cho tiếng nói của doanh nghiệp ít được tham gia, hoặc không được lắng nghe ý kiến trong quá trình hoạch định chính sách có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của các quy định đúng ra phải thân thiện và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Cổng thông tin hỗ trợ DNNVV quốc gia (do Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm³⁴) đã được quy định trong Luật Hỗ trợ DNNVV và trong Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.³⁵ Cổng thông tin này sẽ hỗ trợ doanh nghiệp tham gia tương tác, tìm kiếm và tiếp cận một cách toàn diện các chương trình, dịch vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay, Cổng thông tin này chưa được nâng cấp, cập nhật thông tin đáp ứng được yêu cầu đã quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV và Nghị định 39/2018/NĐ-CP, tài nguyên rất hạn chế, thiếu cá dịch vụ tiện ích trên Cổng như thống kê về DNNVV, phân tích ngành, cơ hội đấu thầu hàng hóa, dịch vụ công, mua sắm... Điều này ảnh hưởng lớn đến việc tiếp cận thông tin của doanh nghiệp cần hỗ trợ và cả việc duy trì cơ chế phối hợp cung cấp thông tin giữa Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp quốc gia và các cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh, làm giảm hiệu quả hỗ trợ DNNVV.

³⁴ có địa chỉ tại <http://business.gov.vn/Trangch%E1%BB%A7.aspx>

³⁵ ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2018 về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hình 24: Khó khăn trong tiếp cận thông tin của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Khảo sát các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về mức độ khó khăn khi tiếp cận một loạt loại thông tin rất quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp cho thấy, việc tiếp cận thông tin rất khó khăn.

Theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin 2016, cung cấp thông tin bao gồm việc cơ quan nhà nước công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân và việc cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật là nguyên tắc đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của người dân (việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng). Những loại thông tin trong hình trên đều không phải là bí mật nhà nước, không thuộc phạm vi không được tiếp cận theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2018, nhưng việc tiếp cận lại không hề dễ dàng.

Trong nhiều năm điều tra PCI, loại thông tin khó tiếp cận nhất là các bản đồ, quy hoạch sử dụng đất. Mặc dù những thông tin này có tác động rất lớn tới quyền lợi của người dân và nhà đầu tư, công tác công bố thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quy định rất cụ thể, là yêu cầu bắt buộc trong Luật Đất đai, Luật Phòng chống tham nhũng và nhiều văn bản pháp luật khác, nhưng trên thực tế việc thực hiện còn nhiều hạn chế.

Thực tiễn ở các địa phương cho thấy, việc làm tốt công tác quy hoạch sử dụng đất đã góp phần tích cực và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hình thành nên nhiều khu chế xuất, khu công nghiệp, đô thị mang tầm vóc hiện đại hay những vùng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tập trung, góp phần đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất công khai cũng giúp tạo ra nhiều quỹ đất sạch để đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách.

Báo cáo về Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính Công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2020 (công bố ngày 14 tháng 4 năm 2021) cho thấy, đây vẫn là mối quan ngại lớn. Tỷ lệ người dân người trả lời là được biết về kế hoạch sử dụng đất của địa phương nơi họ đang sinh sống là 18,23% (gồm 10,61% nam, 7,61% nữ), trong số đó chỉ 27,2% (17,8% nam, 9,4% nữ) cho biết họ có cơ hội đóng góp ý kiến cho kế hoạch sử dụng đất trước khi kế hoạch được ban hành.

Kế hoạch đầu tư công là tài liệu có mức độ khó tiếp cận thứ hai. Nhiều năm qua, cải cách, đổi mới hoạt động đầu tư công nhằm mục tiêu bảo đảm công bằng và hiệu quả vẫn là quan tâm lớn của Chính phủ. Trong xu hướng tăng cường hợp tác công tư³⁶ để huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của nền kinh tế theo cơ chế thị trường thì việc công khai kế hoạch đầu tư công có ý nghĩa rất lớn.

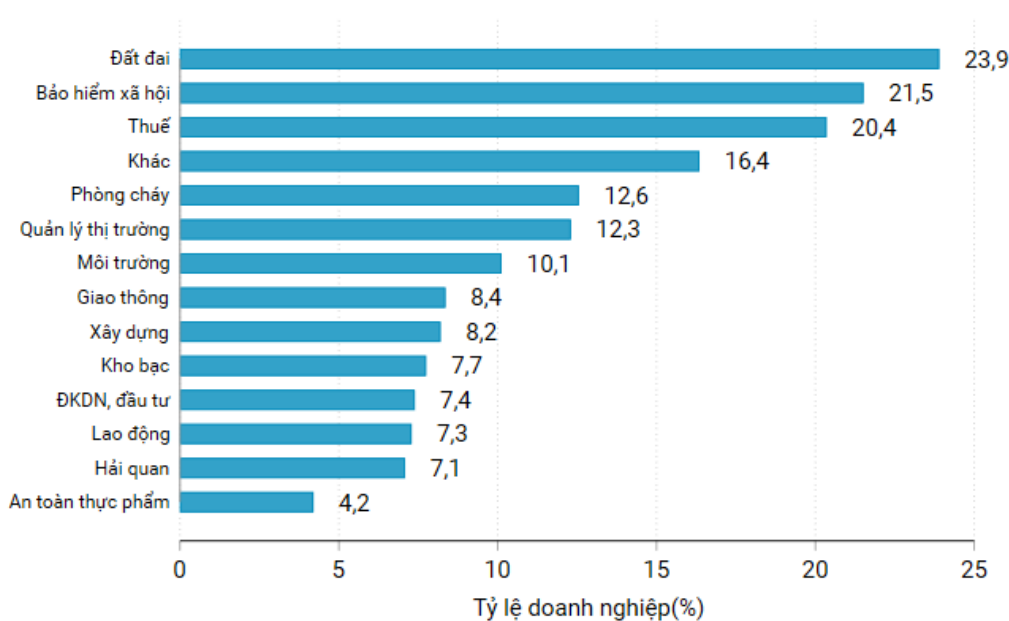
Tài liệu về ngân sách của tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và các vùng nguyên liệu của địa phương, kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng mới, chính sách ưu đãi đầu tư cũng được hơn 40% doanh nghiệp cho là khó tiếp cận.

Mẫu biểu mẫu TTHC dường như là loại thông tin dễ tiếp cận nhất. Đã có Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính quy định cụ thể về việc công khai loại thông tin này, nhưng vẫn có 18,9% doanh nghiệp cho rằng khó tiếp cận.

TTHC trong nhiều lĩnh vực còn phiền hà

Trong 14 lĩnh vực mà doanh nghiệp thường phải thực hiện nhiều TTHC nhất, các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cho biết còn nhiều phiền hà.

Hình 25: TTHC trong lĩnh vực nào có nhiều phiền hà đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thủ tục nhiều phiền hà)



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2020

³⁶ Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Ba lĩnh vực có TTHC phiền hà nhất là đất đai, thuế và bảo hiểm xã hội, đây cũng là những TTHC mà gần như tất cả các doanh nghiệp phải thực hiện.

Thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng bị đánh giá là phiền hà nhất. Đánh giá này tương đồng với nhận định của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ về khó khăn trong việc [tiếp cận đất đai](#) đã phân tích ở phần trên. TTHC đất đai phiền hà do thời gian giải quyết hồ sơ kéo dài, doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức khi làm TTHC, các cán bộ nhận hồ sơ chưa làm tròn trách nhiệm trách nhiệm trong thực thi công vụ và một số yếu tố khác đã thể hiện ở Hình 22 ở trên.

Từ góc độ quy định pháp luật, vẫn có những chông chéo, không rõ ràng, không thống nhất giữa nhiều quy định về giao, cho thuê đất. Việc quy định không rõ ràng dẫn đến sự áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan nhà nước. Trong năm 2018, một số địa phương đã triển khai dịch vụ công mức độ 3 cho 12 TTHC trong tổng số 95 TTHC của lĩnh vực đất đai, tuy nhiên số lượng vẫn khiêm tốn so với các ngành khác và dường như vẫn chưa đạt được hiệu quả mong muốn về số lượng hồ sơ được thực hiện trên môi trường điện tử.³⁷

Qua phỏng vấn cho thấy, nhiều doanh nghiệp ở nhiều địa phương cho rằng chính quyền thiếu linh hoạt trong vấn đề giải hồ sơ đất đai, xây dựng, môi trường. Doanh nghiệp đề nghị cải thiện, rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC, các sở, ngành địa phương cần thống nhất, phối hợp chặt chẽ nhau để giải quyết, đẩy nhanh TTHC. Các cơ quan hành chính cần bố trí một nơi để thuận tiện để giải quyết hồ sơ, tiết kiệm thời gian cũng như chi phí.

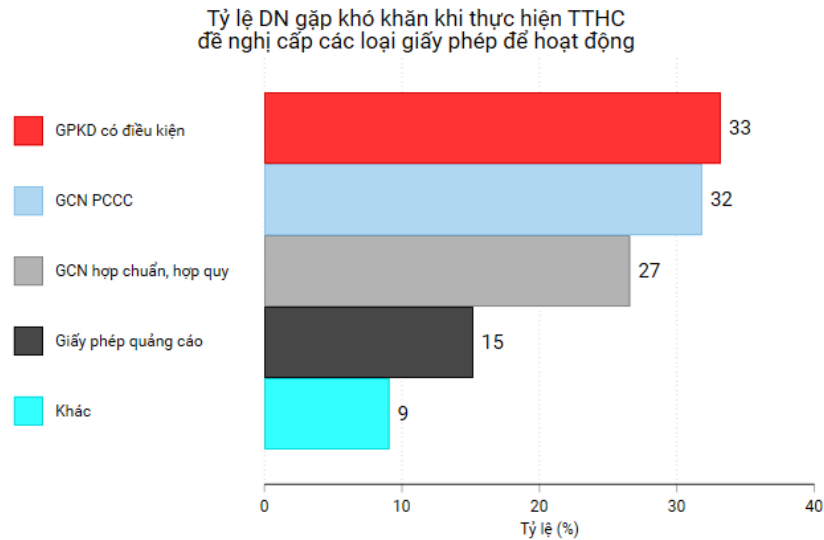
Trong lĩnh vực thuế, thủ tục miễn giảm thuế và hoàn thuế được các doanh nghiệp phản ánh là hai vấn đề khó khăn nhất đối với doanh nghiệp. Vấn đề đáng suy nghĩ ở đây là, "nộp" thuế thì dễ nhưng hoàn hay miễn giảm lại khó.

Từ năm 2014 đến nay, Bộ Tài chính cũng như Tổng cục Thuế đã nỗ lực không ngừng trong cải cách TTHC, ngành Thuế đã triển khai mạnh mẽ các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong thu nộp thuế, hiện đại hóa phương thức quản lý thuế nhằm cải cách TTHC cắt giảm thời gian chi phí và tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp và người dân khi làm các thủ tục về thuế. Tuy nhiên, ngành Thuế vẫn cần tiếp tục cải cách hơn nữa, tập trung rà soát, đơn giản các TTHC, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa phương thức quản lý thuế, cải thiện hơn nữa, đặc biệt là các thủ tục miễn giảm thuế và hoàn thuế.

Trong lĩnh vực bảo hiểm, cần rà soát để cắt giảm các thủ tục không cần thiết, thúc đẩy hiện đại hóa, vận hành có hiệu quả Hệ thống "một cửa điện tử tập trung" theo dõi trực tuyến công tác tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả TTHC về lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

³⁷ Theo Báo cáo Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính 2020 (APCI).

Hình 26: Khó khăn trong đề nghị cấp một số loại giấy phép



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Để chính thức đi vào hoạt động, các doanh nghiệp cần thêm một số loại giấy phép, tùy thuộc vào ngành, nghề kinh doanh. Khó khăn nhiều nhất là TTHC khi đề nghị cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. 33% các doanh nghiệp cần xin giấy phép cho biết gặp khó khăn này. Khó khăn tiếp theo là thủ tục cấp giấy chứng nhận phòng cháy, chữa cháy.

Báo cáo "Rà soát VBQPPL quy định về điều kiện gia nhập thị trường, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp" ngày 30 tháng 6 năm 2020 của VCCI³⁸ cho thấy có rất nhiều quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển. Báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung 92 văn bản trong đó có sửa đổi, bãi bỏ một loạt điều kiện kinh doanh, sửa đổi hồ sơ, quy trình thủ tục cấp giấy phép để giảm bớt gánh nặng cho cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

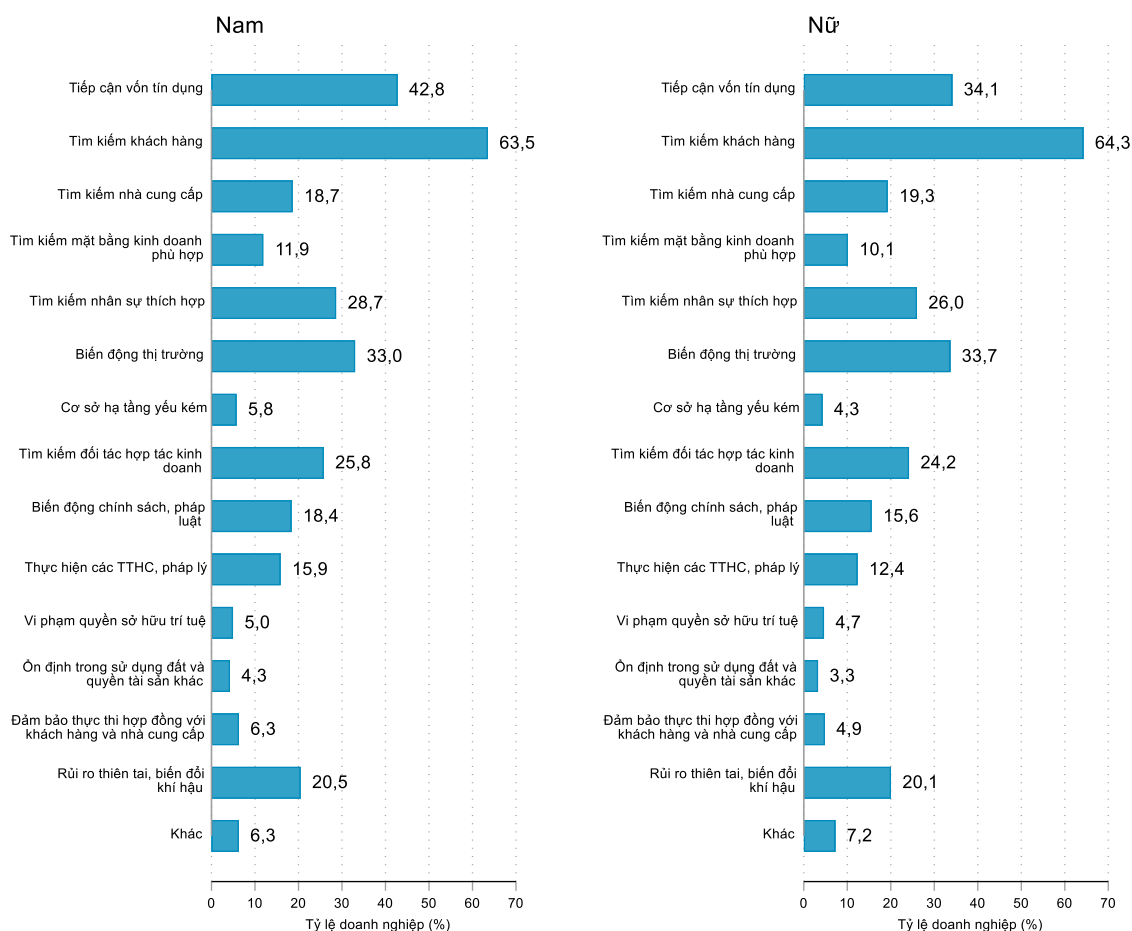
Như vậy, thủ tục khởi sự kinh doanh vẫn còn khó khăn, cần tiếp tục quyết liệt cải cách, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục gia nhập thị trường và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

³⁸ VCCI là trưởng nhóm rà soát văn bản chuyên đề số 1 "rà soát quy định pháp luật về điều kiện gia nhập thị trường, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã)" trong khuôn khổ hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL.

IV. KHÓ KHĂN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

1. Tổng hợp những khó khăn mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang phải đối mặt

Hình 27: Doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp đang gặp phải những khó khăn gì (tỷ lệ % doanh nghiệp có khó khăn)



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Tìm kiếm khách hàng là khó khăn lớn nhất đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ khi có tới 64,3% doanh nghiệp cho biết đang gặp phải.

Các vấn đề mà doanh nghiệp do nữ giới làm chủ gặp khó khăn nhiều hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ có thể kể đến như tìm kiếm khách hàng, tìm kiếm nhà cung cấp và biến động thị trường.

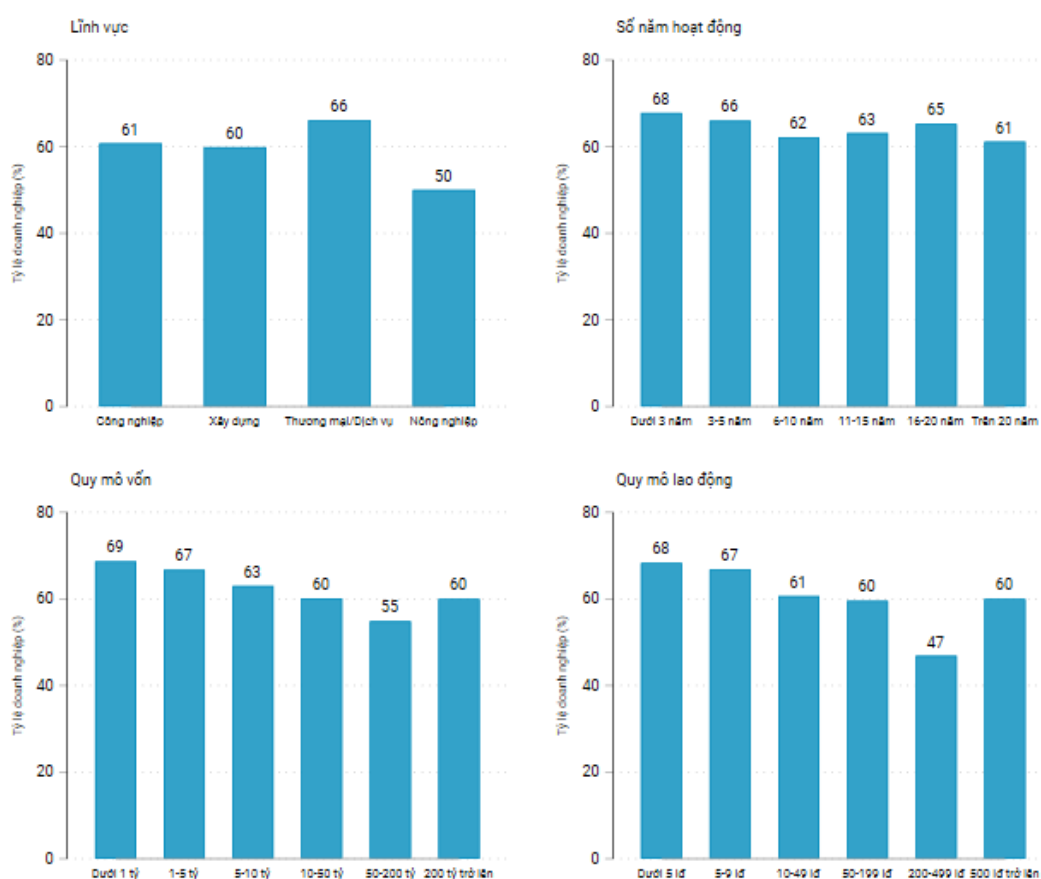
Năm 2020, tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như doanh thu của doanh nghiệp. Dịch bệnh COVID-19 bùng phát trở lại và lây lan ra trong cộng đồng là vấn đề rất lo ngại, đặc biệt là các doanh nghiệp khi vừa vực dậy sau đợt dịch COVID-19 từ đầu năm 2020.

Trong bối cảnh "bình thường mới", vừa phải sống chung với dịch, vừa đảm bảo an toàn cho con người mà vẫn cần phát triển được kinh tế, tìm khách hàng để giải quyết đầu ra cho doanh nghiệp là bài toán rất khó khăn.

2. Phân tích chi tiết một số khó khăn hàng đầu mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang phải đối mặt

Xét theo lĩnh vực hoạt động, 66% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong lĩnh vực thương mại/dịch vụ gặp khó khăn này, đây cũng là lĩnh vực có tỷ trọng doanh nghiệp lớn nhất (chiếm 70,8% trong số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ). Điều này một phần lớn do đại dịch COVID-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp ở các mảng du lịch, dịch vụ, ăn uống, nghỉ dưỡng. Dịch COVID-19 bùng phát trở lại trong cộng đồng tiếp tục ảnh hưởng tới các doanh nghiệp này.

Hình 28: Khó khăn trong tìm kiếm khách hàng theo đặc điểm của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



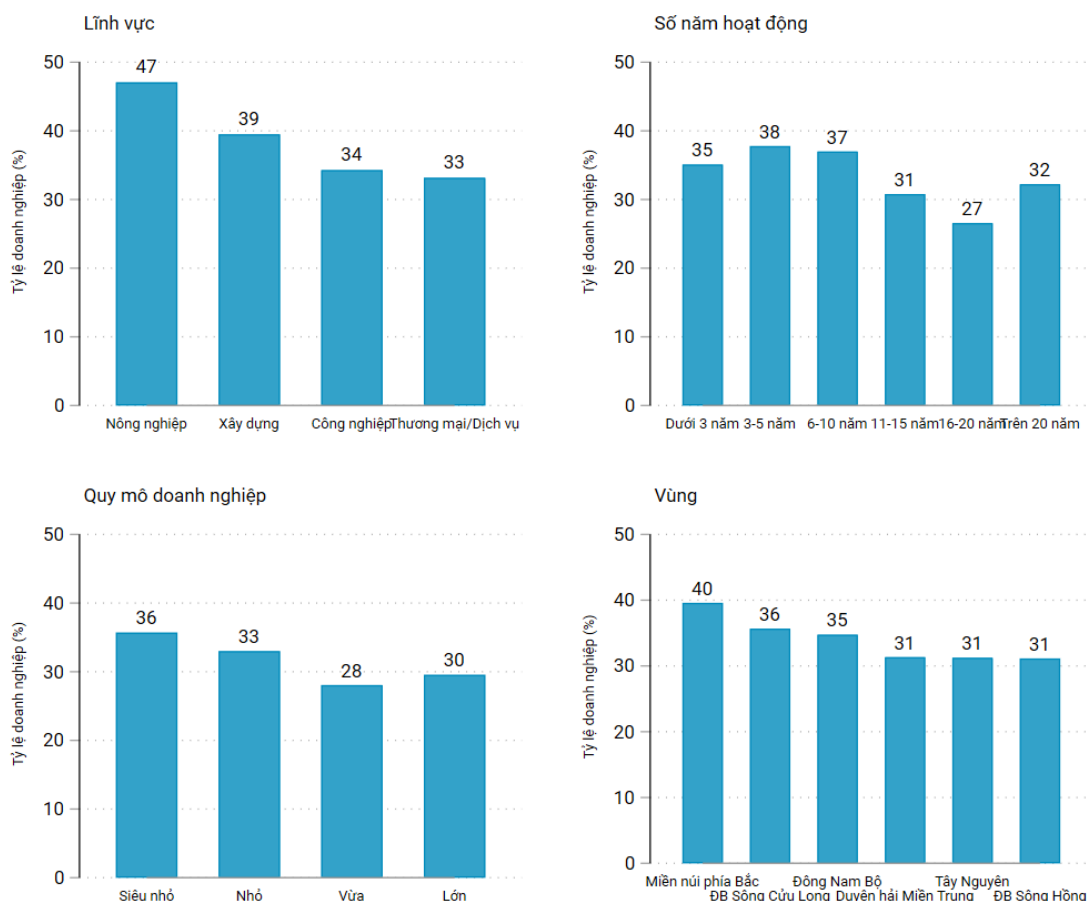
Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Các doanh nghiệp quy mô nhỏ nhất (về vốn, lao động), trẻ nhất (về số năm hoạt động) gặp khó khăn nhiều nhất. Doanh nghiệp lớn gặp khó khăn hơn các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Vì vậy, cần có biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, song song với đó, các doanh nghiệp cũng cần chủ động tìm cách thức để tự “cứu mình”. Ví dụ, khi giãn cách xã hội và hạn chế giao tiếp, đi lại, khi không thể trực tiếp làm việc cùng với các đối tác, bán hàng online là cách

thức được nhiều doanh nghiệp áp dụng, triển lãm trực tuyến ứng dụng các nền tảng công nghệ vào thương mại điện tử, sự kiện hội thảo, kết nối giao thương trực tuyến...

Hình 29. Khó khăn trong tiếp cận vốn vay tín dụng theo đặc điểm của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Tiếp cận vốn, tín dụng là rào cản lớn nhất đối với phụ nữ tham gia vào kinh doanh. Khó khăn về vốn là vấn đề "toàn cầu" của các DNNVV bất kể thuộc giới nào quản lý, tuy nhiên doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ bị ảnh hưởng lớn hơn.³⁹

Doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp gặp khó khăn nhất, đây có lẽ là một trong các nguyên nhân dẫn đến thực tiễn là số lượng doanh nghiệp trong lĩnh vực này có tỷ trọng rất thấp. Có doanh nghiệp "kêu" rằng sản phẩm không được tính là tài sản bảo đảm thế chấp, kèm theo điều kiện vay vốn khác làm cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp càng khó khăn hơn.

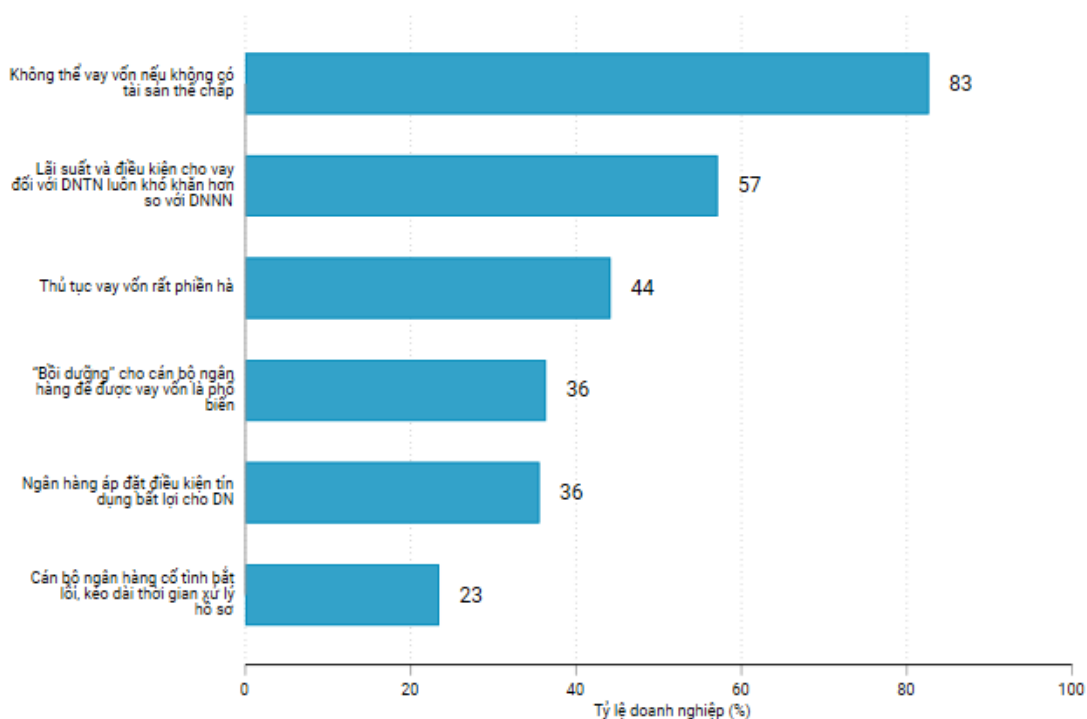
Xét về quy mô, doanh nghiệp siêu nhỏ khó tiếp cận vốn tay tín dụng nhất, thực tế cho thấy, doanh nghiệp càng nhỏ càng khó đáp ứng được điều kiện cho vay do không có tài sản

³⁹ <https://www.worldbank.org/en/results/2013/04/01/banking-on-women-extending-womens-access-to-financial-services>

thể chấp, tiềm lực tài chính yếu, chưa chứng minh được hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời... nên các ngân hàng rất thận trọng khi cho vay vốn để tránh nợ xấu.

Miền núi phía bắc là vùng có nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn nhất. Đây cũng là vùng có nhiều địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn và nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

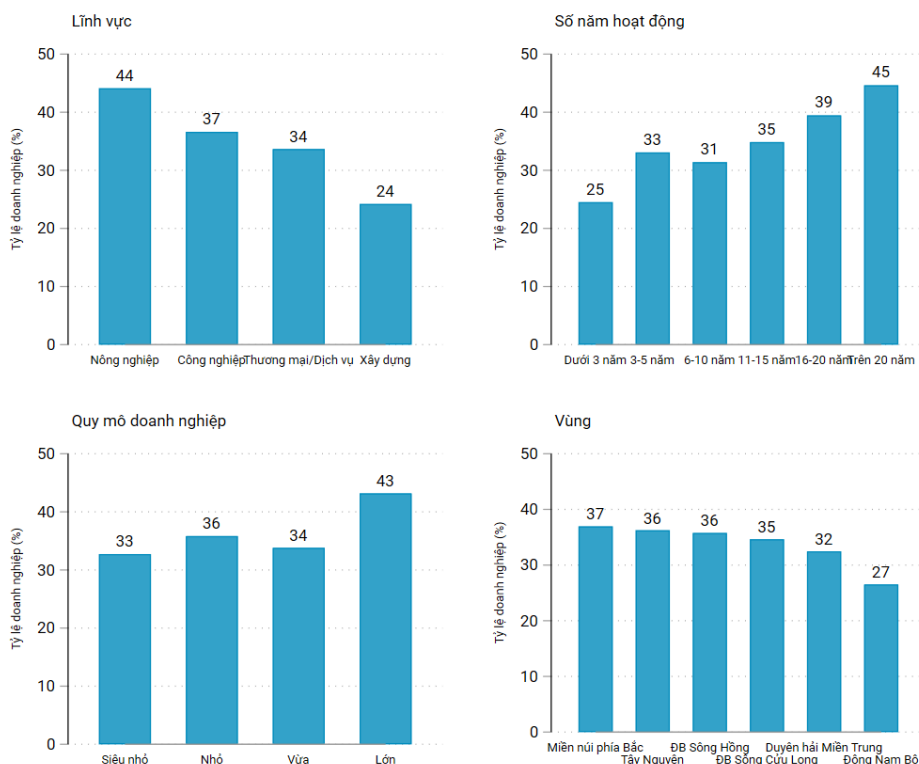
Hình 30. Khó khăn cụ thể trong tiếp cận vốn vay tín dụng của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Đánh giá về tình hình vay vốn ở địa phương, số liệu khảo sát cho thấy trở ngại lớn nhất là doanh nghiệp sẽ không thể vay vốn nếu không có tài sản thế chấp, có tới 83% doanh nghiệp thừa nhận điều này. Mức độ bình đẳng khi tiếp cận vốn vay của các doanh nghiệp tư nhân so với doanh nghiệp nhà nước được nhìn nhận ở góc độ tiêu cực. 57% doanh nghiệp cho rằng “Lãi suất và các điều kiện cho vay đối với doanh nghiệp tư nhân luôn khó khăn hơn so với doanh nghiệp nhà nước”. Doanh nghiệp còn gặp phải với những phiền hà về thủ tục vay vốn hoặc phải “bồi dưỡng” cho cán bộ ngân hàng để được vay. Như vậy, tiếp cận vốn vẫn là bài toán nan giải đối với doanh nghiệp nói chung và đặc biệt là các DNNVV.

Hình 31 Khó khăn về biến động thị trường theo đặc điểm của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

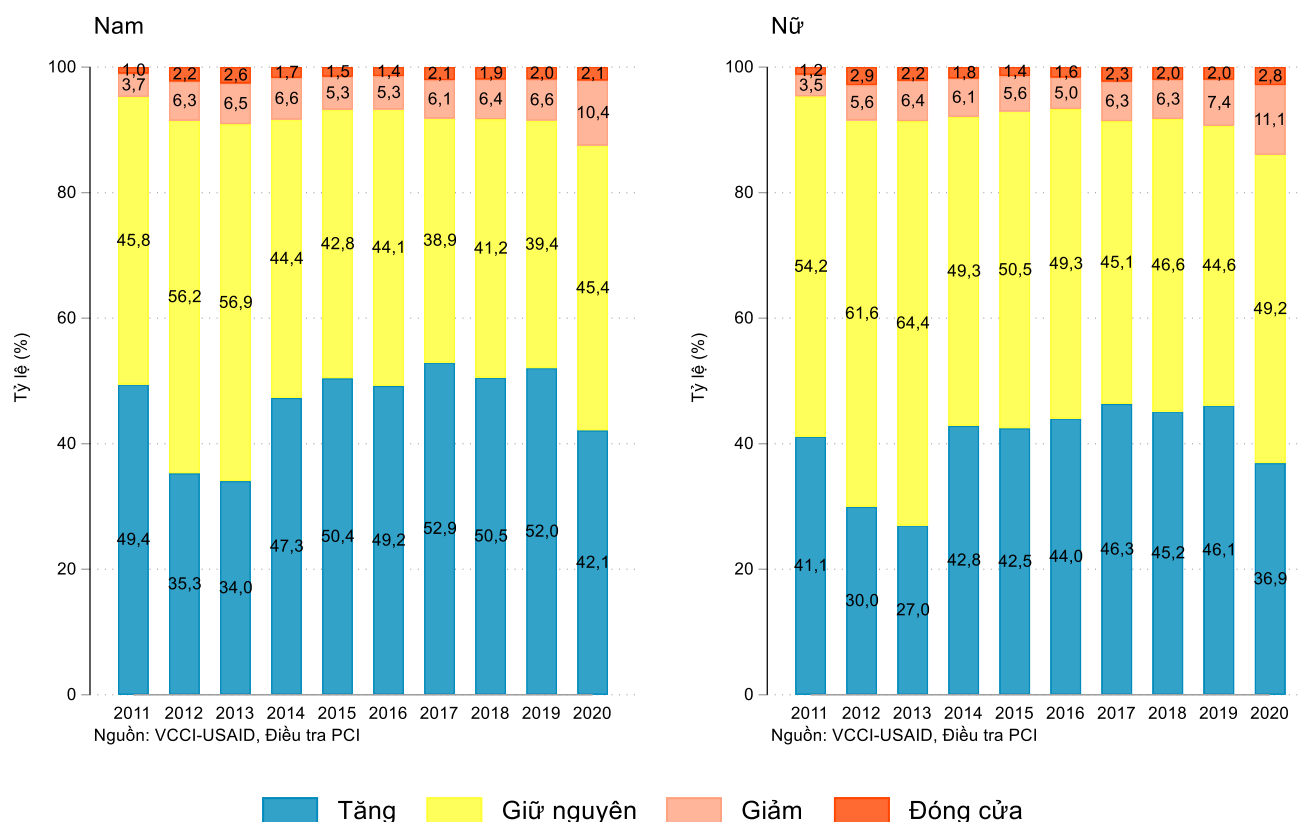
Doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp càng nhiều tuổi (trên 15 năm hoạt động) càng bị tác động nhiều hơn của biến động thị trường. Doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và doanh nghiệp ở vùng miền núi phía Bắc tiếp tục là nhóm bị tác động lớn nhất.

Năm 2020, kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục đối diện với những rủi ro do diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 và các biện pháp phong tỏa nhằm hạn chế lây lan dịch bệnh. Tại Việt Nam, thị trường tiếp tục có nhiều biến động. Việc hạn chế đi lại và giảm thiểu sự tiếp xúc đối với những người xung quanh ảnh hưởng đến nhiều ngành dịch vụ, du lịch, nhiều ngành xuất khẩu đang bị mất đi lượng lớn khách hàng. Tâm lý tiêu dùng chưa ổn định tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến quy mô tiêu dùng. Dịch bệnh bùng phát lần 2 gây tổn thất trực tiếp lên các lĩnh vực như du lịch, vận tải và hoạt động xuất nhập khẩu; các nhóm ngành sản xuất và đầu tư cũng chịu tác động gián tiếp. Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn có thể diễn biến phức tạp hơn, rủi ro từ suy giảm thương mại toàn cầu và thiệt hại kinh tế đáng kể do dịch COVID-19 ở các đối tác thương mại chủ chốt cũng là những biến động lớn.

3. Triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Mức độ lạc quan của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ sụt giảm mạnh nhất ở năm 2020.

Hình 32. Kế hoạch kinh doanh trong 2 năm tới của doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

13,9% doanh nghiệp có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa, tỷ lệ cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Khoảng một nửa (49,2%) muốn giữ nguyên, cố gắng duy trì kinh doanh với quy mô hiện tại.

Các doanh nghiệp do nữ giới làm chủ có kế hoạch kinh doanh kém lạc quan hơn khá nhiều so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ, đặc biệt là trong hai năm trở lại đây. Tỷ lệ doanh nghiệp có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa của nhóm doanh nghiệp do nữ giới làm chủ lên đến 13,9% trong năm 2020, cao hơn khá nhiều mức 12,5% của các doanh nghiệp do nam giới làm chủ. Thêm vào đó, tỷ lệ doanh nghiệp do nữ giới làm chủ có kế hoạch tăng quy mô kinh doanh luôn thấp hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ.

Tính riêng trong năm 2020, số lượng doanh nghiệp thành lập mới do phụ nữ làm chủ chiếm 29,56% trong tổng số 134.941 doanh nghiệp thành lập mới trên toàn quốc, nhưng số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ bị giải thể lên tới 33,33%⁴⁰.

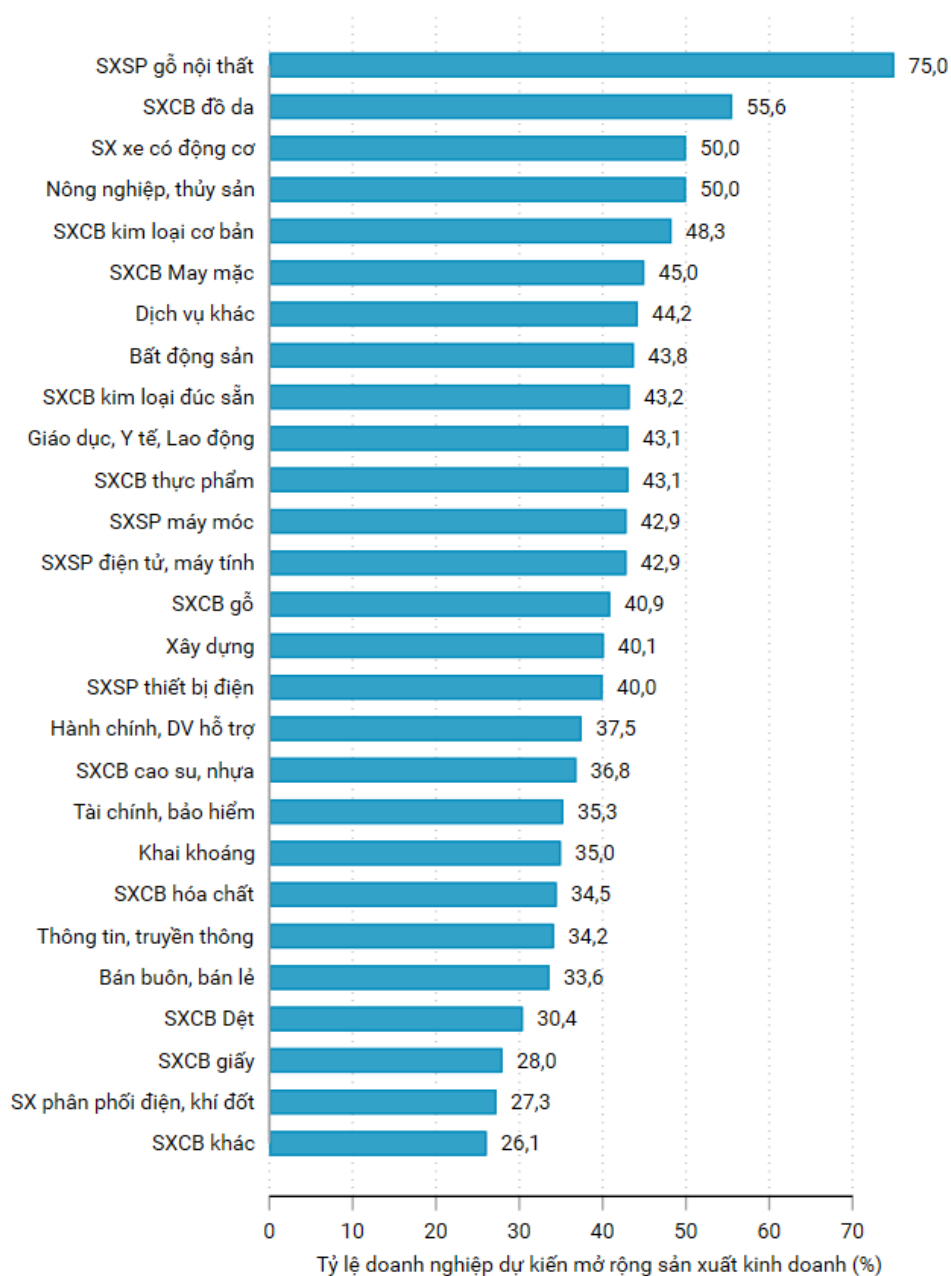
⁴⁰ Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thành lập mới và giải thể năm 2020

STT	Loại hình	Số lượng	Tỷ lệ trong tổng số doanh nghiệp cùng loại trên toàn quốc
1	Thành lập mới	39.882	29,56%
2	Giải thể	5.820	33,33%

*Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hình 33. Kế hoạch kinh doanh trong 2 năm tới của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo ngành sản xuất kinh doanh chính



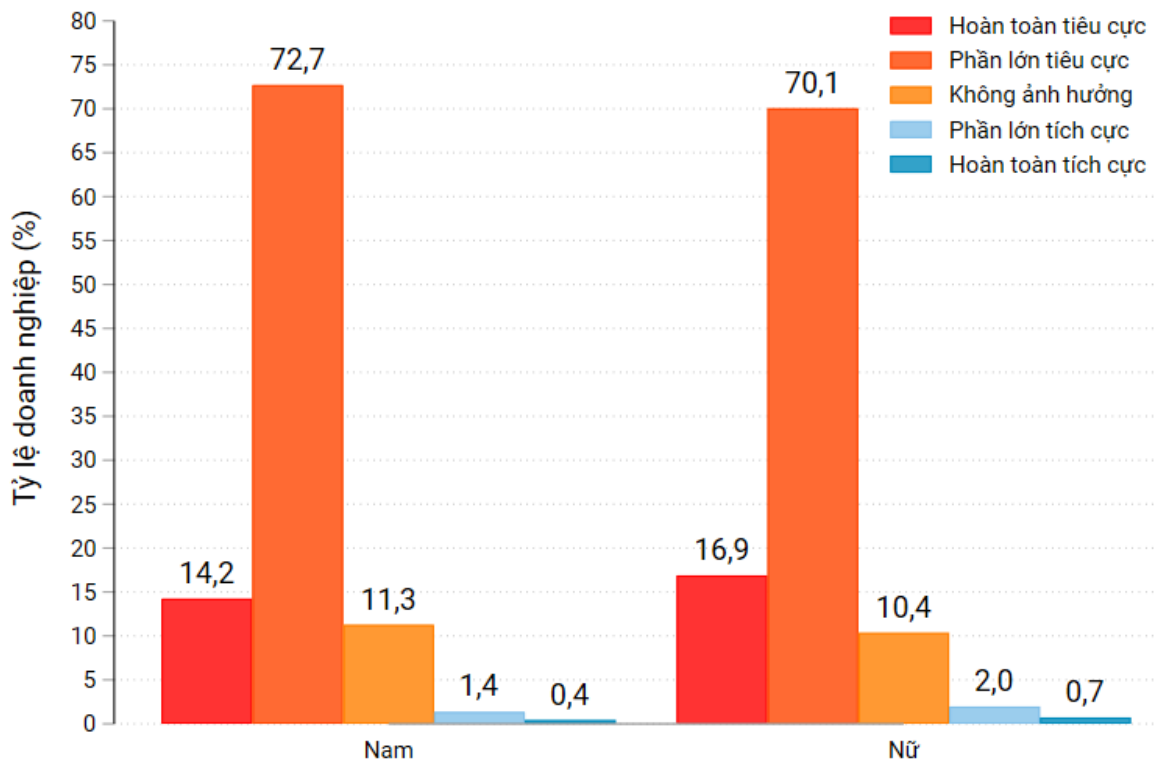
Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI

Trong các ngành sản xuất kinh doanh chính, lạc quan nhất là Sản xuất sản phẩm gỗ, nội thất khi có tới 75% doanh nghiệp trong ngành này có dự kiến mở rộng sản xuất, kinh doanh. Cục Chế biến và Phát triển Thị trường Nông sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cho biết,⁴¹ so với năm 2019, ngành hàng lâm sản và đồ gỗ đạt giá trị xuất khẩu 13,1 tỷ USD, tăng 13,4%, xuất siêu cả năm của ngành lâm nghiệp ước đạt 10,5 tỷ USD, tăng 17,9%, thặng dư thương mại toàn ngành Nông nghiệp đạt 10,4 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019. Điều này thể hiện sự lạc quan của doanh nghiệp trong những ngành này.

⁴¹ <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Doi-thoai/989452/dong-luc-thuc-day-xuat-khau-nong-san>

4. Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Hình 34. Tác động của COVID-19 tới các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



Nguồn: VCCI–USAID, Điều tra PCI

Đại dịch COVID-19 tác động nghiêm trọng tới doanh nghiệp.

87% trong số các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ bị ảnh hưởng tiêu cực, khoảng 1/10 (10,4%) không bị ảnh hưởng, chỉ có 2,7% cho rằng có tác động tích cực. Điều này là do các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

Những phân tích chi tiết về tác động cụ thể và cách ứng phó của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ sẽ được trình bày ở một báo cáo khác. Đó là Báo cáo "COVID-19 và ứng phó của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ" sẽ được thực hiện trong năm hoạt động thứ tư của Chương trình Aus4Reform.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

Những thông tin ở các phần trên về bối cảnh, tình hình và triển vọng kinh doanh, khó khăn của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, rõ ràng khối doanh nghiệp này cần phải được hỗ trợ ở nhiều góc độ khác nhau để tồn tại và phát triển, thực hiện được mục tiêu đặt ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030.

1. Quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Pháp luật Việt Nam có nhiều quy định về hỗ trợ/ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, đặc biệt là DNNVV.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 Luật này quy định rõ hơn về nguyên tắc áp dụng (khoản 5 Điều 5) khi hỗ trợ DNNVV do nữ làm chủ: *“Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất. Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn”*.

Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV quy định ưu tiên hỗ trợ pháp lý cho DNNVV do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước.

Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV quy định ưu tiên hỗ trợ DNNVV do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước; về Hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh, học viên của DNNVV thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, DNNVV do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo.

Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” đặt mục tiêu:

- Hỗ trợ 20.000 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp.
- Phối hợp, hỗ trợ thành lập 1.200 tổ hợp tác/hợp tác xã do phụ nữ quản lý.
- 100.000 doanh nghiệp của phụ nữ mới thành lập được tư vấn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ giao UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phê duyệt và chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp dưới phê duyệt đề án/kế hoạch, tạo điều kiện để các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ thực hiện đề án/kế hoạch, lồng ghép với các đề án, chương trình khác đang triển khai trên địa bàn.

Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV có quy định nội dung hỗ trợ DNNV do phụ nữ làm chủ: ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% học phí đối với học viên của DNNVV có trụ sở tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, học viên của DNNVV

do phụ nữ làm chủ khi tham gia khóa đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh chuyên sâu.

Thông tư 49/2019/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV quy định: học viên của DNNVV do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo, thực hiện theo hình thức ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua đơn vị đào tạo.

Luật Hỗ trợ DNNVV đã có hiệu lực được hơn hai năm. Tuy nhiên, qua rà soát, đánh giá cho thấy trong hai năm qua, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế.⁴²Các cơ quan bộ, ngành cũng như các địa phương vẫn còn đang hoàn thiện các văn bản pháp lý, cũng như xây dựng các đề án hỗ trợ cho doanh nghiệp.

Nghị định số 39/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật vẫn còn một số vướng mắc, có một số chính sách chưa đủ cụ thể để các địa phương có thể triển khai thực hiện được ngay trong thực tế, điển hình như:⁴³

- hệ thống văn bản hướng dẫn còn chậm, một số nội dung được quy định tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP nhưng chưa được triển khai trong thực tế;
- một số quy định hỗ trợ tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP chưa đủ hấp dẫn để khuyến khích DNNVV, một số nội dung hỗ trợ trọng tâm chưa xác định mức hỗ trợ gây khó khăn cho địa phương triển khai: Mức hỗ trợ DNNVV sử dụng dịch vụ tư vấn còn thấp, chưa đủ hấp dẫn doanh nghiệp, chưa tiệm cận được với mức giá tư vấn trên thị trường. Việc Nhà nước chỉ đưa ra mức hỗ trợ từ 3, 5 và 10 triệu đồng tương ứng với quy mô doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa thấp hơn rất nhiều so với thực tế. Đồng thời, DNNVV e ngại việc phải tiến hành nhiều quy trình, thủ tục, trong khi mức hỗ trợ không đủ để khuyến khích doanh nghiệp tiếp cận các hỗ trợ này;
- nội dung hỗ trợ cho DNNVV do phụ nữ làm chủ chưa được quy định cụ thể tại Nghị định dẫn tới các DNNVV do phụ nữ làm chủ chưa nhận được các hỗ trợ đặc thù: Luật Hỗ trợ DNNVV đưa ra nguyên tắc hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ nhưng Nghị định 39/2018/NĐ-CP mới chỉ có quy định về hỗ trợ học viên đến từ DNNVV do phụ nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo khởi sự doanh nghiệp và quản trị kinh doanh. Do đó cần bổ sung một số hỗ trợ nữa đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ. Nghị định số 39/2018/NĐ-CP chỉ mới đưa ra nguyên tắc ưu tiên đối với DNNVV có chủ là nữ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ và nguyên tắc ưu tiên theo thời gian mà chưa đề cập đến các nguyên tắc lựa chọn gắn với hiệu quả hoạt động hỗ trợ. Có nghĩa là, ngoài việc ưu tiên hỗ trợ về giới, theo thời gian thì cũng cần đặt ra các nguyên tắc lựa chọn thông qua đánh giá tiềm năng của từng dự án dựa trên hình thức Hội đồng đánh giá độc lập có tính chuyên môn cao...
- chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh chưa đủ hấp dẫn để khuyến khích các hộ kinh doanh có động lực chuyển đổi lên doanh nghiệp. Việc chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên doanh nghiệp mà không thay đổi nhiều về quy mô,

⁴² <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=48275&idcm=188>

⁴³ <http://baochinhphu.vn/Chinh-sach-moi/Nang-cao-hieu-qua-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua/412280.vgp>

chỉ là hình thức tổ chức (số lượng hơn là chất lượng) dẫn đến việc các hộ không muốn chuyển đổi, chưa kể là còn gánh nặng về thủ tục và chi phí (chính thức và không chính thức) của doanh nghiệp khiến hộ kinh doanh không muốn chuyển đổi;

- hạn chế trong việc bố trí nguồn lực để triển khai.

Do còn nhiều vướng mắc nên Chính phủ đang sửa đổi Nghị định này để Nghị định trở nên sát với thực tế hơn, cũng như cụ thể hơn các nội dung về hỗ trợ cho doanh nghiệp do nữ làm chủ.

Đánh giá thực tiễn thực hiện Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy đã có một số kết quả trong hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Nội dung hỗ trợ cho nhóm doanh nghiệp này chủ yếu tập trung vào tiếp cận tài chính, tín dụng thuận lợi hơn; hỗ trợ xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường; hỗ trợ nâng cao năng lực đổi mới và ứng dụng công nghệ, v.v.

Tuy nhiên, quy định về hỗ trợ doanh nghiệp còn được quy định ở một số văn bản khác nên có sự chùng chéo, lúng túng khi áp dụng. Ví dụ: doanh nghiệp (bao gồm DNNVV) đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã có Nghị định 57/2018/NĐ-CP⁴⁴ quy định chi tiết nhiều chính sách, cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư, doanh nghiệp khoa học công nghệ (bao gồm cả DNNVV) được hưởng các cơ chế chính sách theo Nghị định 13/2019/NĐ-CP.⁴⁵

2. Một số bất cập trong việc hỗ trợ đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở địa phương

Sau khi Luật Hỗ trợ DNNVV được ban hành, hầu hết các địa phương đều có kế hoạch triển khai thi hành Luật và có các kế hoạch, chương trình hỗ trợ DNNVV.

Thực hiện Đề án “Hỗ trợ Phụ nữ Khởi nghiệp Giai đoạn 2017–2025”⁴⁶ nói trên, Hội liên hiệp phụ nữ các tỉnh/thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch/Đề án trình UBND tỉnh/thành phố và đến cuối năm 2018, 100% các tỉnh/thành phố được UBND nhân dân phê duyệt Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp. Đối tượng hỗ trợ của Đề án này là phụ nữ khởi nghiệp, các tổ hợp tác/hợp tác xã, doanh nghiệp mới thành lập do phụ nữ làm chủ.

Theo Báo cáo đánh giá ba năm thực hiện đề án này (2018–2020) của Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đề án nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương. Kết quả bước đầu đáng khích lệ, cụ thể:

- ✓ Các cấp Hội hỗ trợ được 47.093/10.000 phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, vượt 471% so với kế hoạch đề ra, trong đó đã có 1.236 doanh nghiệp nữ được thành lập mới và 17.817 phụ nữ có ý tưởng được vay với số vốn là 353,398 tỷ đồng;
- ✓ Hội đã hỗ trợ thành lập 523 hợp tác xã, 3.017 tổ hợp tác/tổ liên kết, đạt 174% kế hoạch thành lập hợp tác xã;

⁴⁴ Ban hành ngày 17 tháng 4 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

⁴⁵ Ban hành ngày 01 tháng 02 năm 2019 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

⁴⁶ Ban hành kèm theo Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- ✓ 37.296 doanh nghiệp nữ được Hội tư vấn, đào tạo, kết nối tiếp cận vốn...

Tuy nhiên, việc thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các địa phương còn nhiều bất cập. Kết quả phỏng vấn cho thấy:

- Kế hoạch hỗ trợ DNNVV ở địa phương được xây dựng chưa toàn diện:

+ *Không có hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ*: Tuy nhiên, hầu hết là những hỗ trợ chung cho tất cả các doanh nghiệp mà không có quy định riêng;

+ *Không có mục tiêu riêng đặt ra cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ*: Trong kế hoạch hỗ trợ phát triển DNNVV, một số địa phương đã đặt ra các mục tiêu với những con số rất cụ thể, ví dụ như: tốc độ phát triển doanh nghiệp mới hằng năm, số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, số lượng việc làm mới được tạo ra, tỷ trọng đóng góp của kinh tế tư nhân vào ngân sách tỉnh...⁴⁷ Tuy nhiên trong đó không đề cập đến những mục tiêu riêng cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, một số địa phương có nhắc đến nhưng chỉ nhắc lại nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã quy định trong Luật Hỗ trợ DNNVV;

+ *Cấp địa phương thường thiếu chủ động*, chỉ thực thi chính sách của trung ương, theo chỉ tiêu được phân công về số lượng, chọn hoạt động dễ làm, dễ có thành tích.

Thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, 41/63 tỉnh, thành phố đã đặt ra mục tiêu phát triển số lượng doanh nghiệp và có cam kết với VCCI.⁴⁸ Tuy nhiên không có mục tiêu về số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

- Năng lực triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ còn hạn chế:

Cán bộ hỗ trợ thiếu khả năng hướng dẫn phụ nữ xây dựng ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh; thiếu kiến thức thực tế tại địa phương, thiếu kiến thức về lồng ghép giới. Các cơ quan, cán bộ thực hiện là kiêm nhiệm nên không chú trọng phát triển năng lực và trang bị thêm kiến thức về lĩnh vực này, không được cập nhật những thông tin mới hay thông tin hữu ích liên quan đến doanh nghiệp, doanh nhân. Cơ quan chuyên trách (như Hội Phụ nữ địa phương) thiếu kiến thức chuyên môn và đào tạo bài bản về giới, kiến thức về kinh doanh.

- Nội dung hỗ trợ chưa hiệu quả, chưa đặt mục tiêu vào người cần hỗ trợ:

+ *Nội dung còn chung chung, chất lượng chưa cao*, kiến thức không áp dụng được vào thực tiễn kinh doanh. Hiệp hội doanh nghiệp tổ chức các hoạt động chung cho doanh nghiệp chứ không dành riêng cho nữ doanh nhân. Hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại một số huyện chủ yếu tập trung hỗ trợ vốn là chính, chưa chú trọng các hoạt động đào tạo nâng cao

⁴⁷ Tham khảo Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về Đề án "Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Sơn La giai đoạn 2019-2025" tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Quyết-dinh-1834-QĐ-UBND-2019-De-an-Ho-tro-Doanh-nghiep-nho-va-vua-Son-La-422296.aspx>, Quyết định 3177/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2018-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Quyết-dinh-3177-QĐ-UBND-2018-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-Binh-Thuan-2018-2021-408483.aspx>.

⁴⁸ Cụ thể xem trong "Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 02/2020 và Nghị quyết 35/2016 của Chính phủ từ góc nhìn của doanh nghiệp" (VCCI công bố ngày 20/4/2021).

năng lực, kết nối tiêu thụ sản phẩm, vận động hội viên phụ nữ tham gia mô hình kinh tế tập thể hoặc thành lập doanh nghiệp; chưa tác động mạnh tới các đối tượng trong xã hội để tạo ra được hệ sinh thái hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp lớn mạnh, đồng thời việc kết nối giữa các yếu tố trong hệ sinh thái khởi nghiệp (nhà đầu tư, nhà tư vấn, tổ chức tín dụng...) còn hạn chế;

+ *Thiếu hấp dẫn*: đối với nhiều DNNVV do phụ nữ làm chủ, sự hỗ trợ hiện nay quá ít và quy trình thủ tục để nhận được các hỗ trợ này phức tạp, do đó không đủ hấp dẫn để họ nộp hồ sơ nhận hỗ trợ;

- Phương pháp đào tạo chưa phù hợp:

Cách truyền thống chủ yếu được thực hiện hiện nay chưa thực sự phù hợp với điều kiện của DNNVV do phụ nữ làm chủ, do có khó khăn trong sắp xếp thời gian tham gia; ít có khóa đào tạo dựa trên nền tảng công nghệ, các khóa đào tạo tại chính doanh nghiệp còn khiêm tốn mặc dù đây là hình thức đào tạo thiết thực nhất, gắn chặt với bối cảnh và điều kiện của doanh nghiệp;

- Thông tin, truyền thông không hiệu quả:

Thông tin hỗ trợ không tới được doanh nghiệp, nữ doanh nhân lại không biết đầu mối nào để tư vấn và hỗ trợ; chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu để thu thập được kịp thời các số liệu về phụ nữ khởi nghiệp, phản hồi, đề xuất của phụ nữ/doanh nghiệp nữ tại địa phương về các chính sách hiện hành và dự thảo các VBQPPL...

- Nhận thức về bình đẳng giới còn hạn chế:

Nhận thức về bình đẳng giới còn hạn chế, đặc biệt là ở khu vực nông thôn: cán bộ hỗ trợ doanh nghiệp ủng hộ việc phụ nữ luôn phải hy sinh bản thân, đặt việc chăm lo gia đình lên ưu tiên hàng đầu, gia đình ngăn cản phụ nữ tham gia đào tạo, tập huấn, cho rằng đó là những việc tụ tập.

- Chưa chú trọng các khía cạnh nhân văn trong văn hóa kinh doanh mà phụ nữ quan tâm:

Tiêu chí tôn vinh nữ doanh nhân "thiếu nhân văn" khi thường đánh giá sự thành công (tài chính, quy mô, đóng góp ngân sách), mà không quan tâm đến việc xây dựng môi trường làm việc bình đẳng, chung tay bảo vệ lao động nữ khỏi các vấn đề về bạo lực gia đình, phát triển năng lực cá nhân cho lao động nữ, hỗ trợ các doanh nghiệp nữ khởi nghiệp...

- Vai trò các câu lạc bộ nữ doanh nhân còn yếu:

Hoạt động chủ yếu tập trung vào các hoạt động phong trào, chưa có các chương trình ý nghĩa, hấp dẫn và cụ thể để thực sự hỗ trợ nhau phát triển năng lực cho doanh nhân nữ cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp, chưa thu hút được mối quan tâm và sự tham gia của các doanh nghiệp nữ. Mối quan hệ giữa hội phụ nữ địa phương với câu lạc bộ nữ doanh nhân còn rời rạc. Các đặc biệt là khu vực nông thôn hay người dân tộc, không tham gia các hiệp hội ngành nghề liên quan (do các tổ chức không hấp dẫn, không có thời gian, ngại tâm lý đi sợ bị cho là "đàn đúm ăn chơi"...). Do vậy, nhu cầu và tiếng nói của các

doanh nghiệp không được phản ánh qua kênh nào khác ngoại trừ một số doanh nghiệp phản ánh với cán bộ hoặc chính quyền tại địa bàn.

Chỉ số nữ doanh nhân MIWE 2020 cho thấy, Việt Nam đứng thứ 44/58 về chỉ số "Đánh giá điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp". Theo Mastercard, điều này chứng tỏ còn rất nhiều việc cần làm để hỗ trợ nữ doanh nhân.

3. Thiếu số liệu thống kê phân tách giới

Hiện nay không có số liệu thống kê chính thức nào từ các cơ quan nhà nước về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và hiện trạng của khối doanh nghiệp này. Các số liệu từ các cuộc điều tra toàn quốc mới nhất có liên quan đến kinh tế như: Báo cáo điều tra lao động việc làm 2019 (công bố ngày 30 tháng 3 năm 2021), Niên giám thống kê quốc gia 2019 (công bố 30 tháng 6 năm 2020), Tổng điều tra kinh tế năm 2017, công bố tháng 8 năm 2018 không có số liệu về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Tổng điều tra kinh tế 2021⁴⁹ (sẽ công bố năm 2022) có phương án cụ thể (Ban hành kèm theo Quyết định số 1344/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) gồm các mục đích, yêu cầu, đối tượng điều tra, trong đó không có doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Khi nhóm nghiên cứu đề nghị, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẵn sàng cung cấp một số số liệu về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, tuy nhiên tìm kiếm trên dữ liệu công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp thì không có số liệu nào về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Để thực hiện Luật Bình đẳng giới, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, các khuyến nghị của Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Ủy ban CEDAW⁵⁰), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư 10/2019/TT-BKHĐT⁵¹ quy định về Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia. Thông tư này quy định một loạt chỉ tiêu thống kê về giới, trong đó có Lao động, việc làm và tiếp cận với các nguồn lực, Lãnh đạo-Quản lý trong lĩnh vực kinh tế (các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã), trong hệ thống chính trị (cơ quan Đảng, cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp).

Về quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế: có tính tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã trên tổng số giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã. Phân tổ chủ yếu theo: Nhóm tuổi; Dân tộc (Kinh/khác); Trình độ học vấn; Loại hình kinh tế; Quy mô doanh nghiệp; Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Kỳ công bố: 05 năm.

Kỳ công bố này là quá dài, đồng thời thiếu các thông tin cụ thể để nắm bắt được hiện trạng của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ để có những giải pháp kịp thời.

⁴⁹ <https://tongdieutrakinhte2021.gso.gov.vn/phuong-an-quyet-dinh-tdt.html>

⁵⁰ CEDAW (The Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women) là Công ước của Liên Hợp Quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, được thông qua năm 1979.

⁵¹ ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

VI. KHUYẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp luôn là ưu tiên của Chính phủ để phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Năm 2020 trở lại đây, Chính phủ còn chú trọng hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch COVID-19.

Tuy nhiên, Chỉ tiêu đặt ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011–2020 là *Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020* là không đạt được.

Để thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế, tiến tới đạt được mục tiêu mới trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030, nói trên cần sự nỗ lực rất lớn từ nhiều phía, trên nhiều phương diện khác nhau, đặt ra những mục tiêu và biện pháp thực hiện cụ thể trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

1. Tóm tắt những vấn đề đặt ra

Phần trên của báo cáo đã đề cập đến các vấn đề thực tiễn mà doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang gặp phải trong quá trình sản xuất kinh doanh. Có thể tóm tắt những vấn đề đó bao gồm:

- Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ dù có một số cải thiện trong giai đoạn 2011-2018 nhưng lại giảm trong các năm 2019 và 2020, và chưa đạt được mục tiêu đề ra.
- Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tập trung nhiều trong lĩnh vực thương mại/dịch vụ và ít hơn trong các lĩnh vực khác như xây dựng, nông nghiệp, công nghiệp;
- Quy mô doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tập trung ở mức nhỏ, siêu nhỏ và với quy mô trung bình thấp hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ. Có đến 61,3% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ xuất phát từ hộ kinh doanh cá thể;
- Khách hàng chính của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là cá nhân trong nước và doanh nghiệp tư nhân trong nước;
- Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có kết quả kinh doanh trong năm 2018 và 2019 kém hơn các năm trước đó và kém hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ;
- Theo cảm nhận của các doanh nghiệp, môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp do nữ làm chủ có sự cải thiện trong hai năm qua, nhưng tốc độ cải thiện thấp hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ;
- Các lĩnh vực của môi trường kinh doanh chưa thực sự thuận lợi cho các doanh nghiệp do nữ làm chủ là tiếp cận đất đai, tính minh bạch và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp;
- So với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ, các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đánh giá tích cực hơn ở các lĩnh vực như chi phí thời gian, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng và đánh giá kém tích cực hơn ở các lĩnh vực gia nhập thị trường và tính minh bạch;
- Trong con mắt của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, chính quyền đã có thiện cảm hơn với khu vực kinh tế tư nhân. Việc chính quyền ưu ái các DNNN, doanh nghiệp FDI đã giảm trong hai năm qua. Việc ưu ái các doanh nghiệp sân sau cũng đã giảm nhưng vẫn còn ở mức cao;

- Chi phí làm thủ tục hành chính, chi phí không chính thức và thời gian phục vụ cho các đoàn thanh kiểm tra của nhà nước đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhìn chung đã giảm trong hai năm qua;
- Tuy nhiên, riêng các thủ tục trong lĩnh vực đất đai có chiều hướng khó khăn hơn và tốn kém hơn cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Tiếp cận đất đai cũng là vấn đề khó khăn mà nhiều doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ gặp phải;
- Tiếp cận thông tin cũng là một trong số những khó khăn lớn nhất đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, nhất là các thông tin như quy hoạch, kế hoạch của nhà nước, tài liệu ngân sách... Đặc biệt là việc các doanh nghiệp vẫn cần có mối quan hệ với cơ quan nhà nước thì mới có thể tiếp cận các tài liệu trên;
- Các doanh nghiệp do nữ làm chủ dường như gặp khó khăn lớn hơn trong các vấn đề như tìm kiếm khách hàng, tìm kiếm nhà cung cấp và biến động thị trường so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ;
- Tiếp cận vốn tín dụng cũng đang cản trở nhiều doanh nghiệp do nữ làm chủ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là vấn đề tài sản thế chấp;
- Các doanh nghiệp do nữ làm chủ thường có kế hoạch kinh doanh kém lạc quan hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ, nhất là trong 2 năm trở lại đây;
- Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đã đạt được một số thành công nhất định trong thời gian qua, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề bất cập như chất lượng các biện pháp hỗ trợ thấp, nhiều nơi thực hiện theo phong trào, thành tích chưa đi vào thực chất.

2. Giải pháp trong ngắn hạn và trung hạn

Hoàn thiện chính sách và pháp luật để thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Đề nghị Chính phủ xem xét và thực hiện các biện pháp hoàn thiện chính sách và pháp luật, ví dụ như:

- ✓ Đánh giá hiệu quả thực thi Luật Hỗ trợ DNNVV, đặc biệt là cách thức tiếp cận thông tin hỗ trợ, cách thức hỗ trợ, nhận được hỗ trợ đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ, từ đó sửa đổi, hoàn thiện Luật này.
- ✓ Đề nghị Chính phủ xem xét đưa vấn đề tạo thuận lợi và thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển vào trong Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Đối với các chính sách và quy định khác, cần cần trọng trong đánh giá tác động về giới, lồng ghép giới trong chính sách, bao gồm đánh giá tác động và chỉ ra những nhu cầu và lợi ích khác nhau của các giới khi quy định trách nhiệm của họ, chú ý tới các đối tượng yếu thế dễ bị tổn thương như doanh nghiệp nhỏ và phi chính thức, khu vực mà phụ nữ tập trung đông hơn, để họ có cơ hội bình đẳng trong thành lập và phát triển doanh nghiệp như các doanh nghiệp chính thức, lớn hơn. Ủy ban CEDAW đã từng có các khuyến nghị với Việt Nam

về việc thiếu hiểu biết về bình đẳng thực chất⁵² và các cơ quan nhà nước cần tăng cường hiểu biết và sử dụng biện pháp đặc biệt tạm thời⁵³ theo khuyến nghị số 25 của Ủy ban, phù hợp với điều 4(1) của Công ước CEDAW. Như vậy, trong quá trình xây dựng và ban hành VBQPPL, các cơ quan cần chú trọng đến việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới một cách đầy đủ, sâu sắc và toàn diện.

Cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải thiện ở những khía cạnh bất cập nhất

Báo cáo “Chương trình Cải cách môi trường kinh doanh Việt Nam: Góc nhìn từ Doanh nghiệp” (Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 02 năm 2020 và Nghị quyết 35 năm 2016 của Chính phủ)⁵⁴ do VCCI thực hiện trong khuôn khổ Dự án Aus4Reform đã phân tích và đưa ra những khuyến nghị cụ thể để cải thiện môi trường kinh doanh chung (gồm nhóm các giải pháp ngắn hạn và dài hạn).

Ngoài những kiến nghị trên, Báo cáo này nhấn mạnh thêm một số đề xuất để thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ngày càng phát triển. Đề nghị Chính phủ xem xét và đôn đốc các địa phương thực hiện:

Cải cách TTHC, giảm gánh nặng chi phí tuân thủ

Đẩy mạnh cải cách tất cả các TTHC liên quan đến doanh nghiệp, đặt biệt trong lĩnh vực đất đai. Cải thiện chất lượng đối với TTHC, rà soát, cắt giảm hơn nữa TTHC, đơn giản hóa TTHC, tối ưu hóa quy trình thực hiện TTHC, giảm những phiền hà, phiền hà trong thực hiện TTHC, giảm thiểu các cuộc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

Tập trung cải cách một số lĩnh vực còn nhiều phiền hà đối với doanh nghiệp như: Thuế, phí, lệ phí, Bảo hiểm xã hội, Phòng cháy, chữa cháy, Quản lý thị trường, Bảo vệ môi trường, Giao thông, Thanh quyết toán qua kho bạc, Đăng ký đầu tư, thành lập doanh nghiệp, Lao động, Hải quan, An toàn thực phẩm. Tiếp tục cắt giảm thời gian làm thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào nhóm thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Sớm ban hành Nghị định thực hiện đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hoá nhập khẩu theo hướng cắt giảm chi phí kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu, giảm đầu mối, giảm thủ tục và tránh độc quyền cung cấp các dịch vụ chứng nhận sự phù hợp.

Thực hiện và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, tiến tới thực hiện 100% dịch vụ công mức độ 4 đối với TTHC về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đất đai, thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội..., tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp gia nhập thị trường.

⁵² trong báo cáo quốc gia ghép định kỳ lần thứ 7 và 8 của Việt Nam (CEDAW/C/VNM/7-8)⁵² tại Phiên họp thứ 1313 và 1314 ngày 10/7/2015: <https://undocs.org/en/CEDAW/C/VNM/CO/7-8>

⁵³ Biện pháp đặc biệt tạm thời có thể bao gồm một loạt các công cụ lập pháp, hành pháp, hành chính và quy định, chính sách và thực tiễn, ví dụ như các chương trình hướng tới hoặc hỗ trợ; phân bổ và/hoặc tái phân bổ nguồn lực, ưu đãi; tuyển dụng có mục tiêu, tuyển và thăng cấp; các mục tiêu có thứ tự gắn với khung thời gian; hệ thống định hạn mức.

⁵⁴ Được công bố ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Hà Nội và đăng tải công khai tại website của Chương trình Aus4Reform tại <http://aus4reform.org.vn/An-pham-va-bao-cao/Tieng-noi-cua-doanh-nghiep-trong-cai-cach-kinh-te/An-pham/bao-cao-chuong-trinh-cai-cach-moi-truong-kinh-doanh-viet-nam-goc-nhin-tu-doanh-nghiep-438091/>

Phát triển rộng rãi các hình thức thanh toán trực tuyến cấp độ 4 cho TTHC để doanh nghiệp có thể thanh toán không dùng tiền mặt và hạn chế việc nhũng nhịu, gây phiền hà khi doanh nghiệp phải gặp trực tiếp cán bộ giải quyết thủ tục.

Thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ như Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, Nghị quyết 139/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Tiếp tục kiểm soát việc ban hành các điều kiện đầu tư kinh doanh mới và việc sửa đổi các văn bản pháp luật chứa đựng điều kiện đầu tư kinh doanh, sao cho các điều kiện này đáp ứng tốt các yêu cầu về tính minh bạch, tính hợp lý và tối đa hoá môi trường cạnh tranh. Kiên quyết loại bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh chủ quan, định tính, không rõ ràng, cản trở các doanh nghiệp gia nhập thị trường.

Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giảm khó khăn cho doanh nghiệp khi xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đặc biệt các điều kiện thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có nhiều doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và/hoặc sử dụng nhiều lao động nữ.

Tăng cường công khai, minh bạch

Các cơ quan địa phương cần thực hiện nghiêm túc trách nhiệm cung cấp thông tin khi doanh nghiệp cần, công khai minh bạch thông tin, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi tiếp cận những loại thông tin quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp như: bản đồ, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch đầu tư công, tài liệu ngân sách, quy hoạch, ngành, lĩnh vực, vùng nguyên liệu, kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng mới, chính sách ưu đãi đầu tư, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội.

Kiến nghị các cơ quan nhà nước thực hiện nghiêm túc những công việc mà mỗi cơ quan cần làm theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin 2016 và Nghị định 13/2018/NĐ-CP⁵⁵.

Không chỉ cung cấp thông tin khi doanh nghiệp cần, chính quyền cần chủ động thông tin cho doanh nghiệp khi có bất kỳ thông tin thay đổi nào đến các quy định, chính sách của cấp tỉnh (qua con đường điện tử/ website).

Sớm sửa đổi Luật Đất đai, tập trung vào vấn đề giảm thời gian làm thủ tục về đất đai, công khai, minh bạch thông tin về đất đai, gồm cả các thông tin về quy hoạch sử dụng đất, bản đồ địa chính, tranh chấp và giải quyết tranh chấp đất đai.

Tạo môi trường bình đẳng

Các cơ quan nhà nước xóa bỏ sự thiên vị đối với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp thân hữu. Cần dành nguồn lực (sự quan tâm, ngân sách, nhân lực) để thực hiện nghiêm túc các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm DNNVV do phụ nữ làm chủ.

⁵⁵ Nghị định 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 hướng dẫn Luật Tiếp cận thông tin

Nâng cao nhận thức về giá trị của liêm chính đối với phát triển doanh nghiệp và xã hội bền vững cho DNNVV do phụ nữ làm chủ và/hoặc doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ.

Nâng cao hiệu quả thực thi các hỗ trợ hiện nay

- ✚ Ở quy mô địa phương, cần có kế hoạch triển khai cụ thể, có đánh giá độc lập kết quả thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ một cách nghiêm túc, khách quan và đưa vào kế hoạch nhiệm vụ phải hoàn thành của năm;
- ✚ Nâng cao năng lực của người thực hiện hỗ trợ về kiến thức kinh doanh và kiến thức bình đẳng giới: của cán bộ nhà nước, hội liên hiệp phụ nữ, hiệp hội doanh nghiệp;
- ✚ Hỗ trợ tiếp cận nguồn tín dụng: ví dụ: phối hợp với các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính vi mô ở địa phương phối hợp triển khai các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, miễn giảm lãi suất, cơ cấu các nhóm nợ để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Đơn hóa thủ tục, cơ chế chính sách để doanh nghiệp dễ tiếp cận nguồn vốn hơn; đưa ra các gói hỗ trợ tín dụng, giảm lãi vay xuống... Việc hỗ trợ cần thực hiện cả giai đoạn đầu lẫn giai đoạn cần tăng quy mô;
- ✚ Nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (DVHTKD), phù hợp với nhu cầu, ngành nghề, giai đoạn phát triển và quy mô của doanh nghiệp, thời gian và nguồn lực của doanh nhân nữ, bám sát thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh các yếu tố vĩ mô và vi mô của môi trường kinh doanh tác động đến các doanh nghiệp, thì DVHTKD có vai trò không nhỏ hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển. DVHTKD⁵⁶ là các dịch vụ phi tài chính, là tác nhân cơ bản tạo thuận lợi cho sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, nâng cao hiệu quả hoạt động, khả năng tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh trong hoạt động hàng ngày và cả ở cấp độ chiến lược của doanh nghiệp.
- ✚ Tăng cường liên kết giữa các doanh nhân nữ, các câu lạc bộ/hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp.

Xem xét loại bỏ những tôn vinh gây định kiến giới và gánh nặng vai trò giới đối với doanh nhân nữ

- ✚ Xem xét các phong trào đang thực hiện như “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, bốn phẩm chất “tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang”; Năm không ba sạch... để giảm định kiến giới và gánh nặng vai trò giới đối với doanh nhân nữ.

3. Giải pháp trong trung hạn và dài hạn

Xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với các ưu tiên và biện pháp thực hiện cụ thể

⁵⁶ DVHTKD bao gồm: đào tạo, tư vấn, hỗ trợ thị trường (tập trung vào bán hàng), thông tin, phát triển và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy liên kết kinh doanh.

Mục tiêu tổng quan của Chiến lược Phát triển phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là nhằm tăng cường trao quyền kinh tế cho phụ nữ, bằng cách tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi và hỗ trợ phát triển tiềm năng kinh doanh của họ, góp phần vào sự phát triển của các doanh nghiệp hiện có và tạo thêm nhiều doanh nghiệp, tạo ra việc làm mới, từ đó thúc đẩy nền kinh tế lớn mạnh hơn.

Mục tiêu dài hạn là xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp để doanh nhân nữ liên tục phát triển.

Mục tiêu trung hạn là:

- Cải thiện môi trường, cơ hội và điều kiện để doanh nhân nữ phát triển, thu hút tất cả các bên liên quan tham gia vào quá trình thực thi Chiến lược;
- Tăng tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp;
- Tăng tỷ lệ lao động nữ tương xứng với quy mô lực lượng lao động.

Những ưu tiên có tính chiến lược cần được xác định từ (i) khía cạnh chính sách công, (ii) khía cạnh lợi ích và nhu cầu của phụ nữ, (iii) từ khía cạnh hạ tầng thể chế. Theo đó, các hành động phải được thực hiện bởi cách chủ thể: pháp luật/chính sách công và thiết chế thực hiện, xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, các nhà khoa học.

Để thực hiện các ưu tiên chiến lược, Chính phủ và các tổ chức liên quan hợp tác chặt chẽ với khu vực tư nhân thực hiện chính sách kinh tế và xã hội để thực hiện các biện pháp hỗ trợ ở cấp địa phương và quốc gia nhằm khuyến khích và thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp.

Đề nghị Chính phủ nghiên cứu và đưa ra các giải pháp:

- Tạo lập môi trường thuận lợi cho sự phát triển của doanh nhân nữ

Biện pháp 1: Phối hợp xây dựng và thực thi các chính sách về phát triển doanh nhân nữ ở cấp quốc gia và cấp địa phương

Biện pháp 2: Phân tích, đánh giá những quy định pháp luật có ảnh hưởng tới phụ nữ để có đánh giá đầy đủ về hiện trạng pháp luật và khả năng hoàn thiện trong tương lai.

Biện pháp 3: Xây dựng số liệu/dữ liệu để quan sát được hoạt động kinh doanh của phụ nữ ở cấp quốc gia (Tổng Cục thống kê, Cục Phát triển doanh nghiệp, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh), cấp địa phương.

Sẽ khó thực hiện việc phân tích đánh giá nếu không giám sát dữ liệu thống kê và hoạch định chính sách bằng cơ sở dữ liệu đã đăng ký. Chính sách dựa trên bằng chứng chính xác là cách thức đưa ra và thực hiện các chính sách phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong tương lai.

Tiếp cận vốn là một trong ba khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Một trong những rào cản lớn nhất cản trở khả năng tiếp cận tài chính đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là sự thiếu dữ liệu tin cậy được phân tách theo giới. Điều này ngăn cản các tổ chức tài chính có hỗ trợ phù hợp đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Khi các ngân hàng thương mại hiểu rõ hơn về tiềm năng thị trường hiện có cũng như những khó

khả của các DNNVV do phụ nữ làm chủ đang đối mặt ở quốc gia và cấp khu vực, họ có thể xây dựng các chiến lược và các gói dịch vụ đáp ứng tốt hơn nhu cầu về nguồn tài chính của các doanh nhân nữ, từ đó cũng thu lợi được lợi nhuận từ khối doanh nghiệp này.

Biện pháp 4: Nâng cao nhận thức về vai trò của phụ nữ nói chung và trong nền kinh tế nói riêng. Đối tượng nhắm tới là (1) chính người phụ nữ (tự tin), (2) thành viên gia đình (tôn trọng, cân bằng và chia sẻ công việc gia đình và xã hội), (3) cộng đồng, giới truyền thông (nhận thức về vai trò của phụ nữ, xóa bỏ định kiến giới, kỳ thị giới tính, không cổ súy, tôn vinh giá trị truyền thống bất bình đẳng), nhà quản lý, nhà hoạt động chính sách (nâng cao hiểu biết về bình đẳng giới thực chất, lồng ghép trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật).

Với từng nhóm đối tượng có chiến lược cụ thể.

chủ **- Đảm bảo hỗ trợ một cách có hệ thống để phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm**

Biện pháp 1: Cải thiện việc tiếp cận tới các nguồn tài chính thuận lợi, có ưu đãi về lãi suất và thời gian trả nợ (địa phương phối hợp với các tổ chức tín dụng, các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ doanh nhân nữ tiếp cận nguồn tài trợ).

Biện pháp 2: Chuyển đổi từ “nhận hỗ trợ của xã hội” sang tự kinh doanh.

Biện pháp 3: Hỗ trợ phụ nữ kinh doanh hộ gia đình và quy mô siêu nhỏ chuyển đổi mô hình kinh doanh với các hỗ trợ cụ thể (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các UBND địa phương).

Biện pháp 4: Tiếp thu các kiến thức và kỹ năng cần thiết (về quản trị doanh nghiệp, phát triển thị trường, thông tin chuyên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy liên kết kinh doanh, đào tạo lao động...): Xây dựng các chương trình đào tạo, các DVHTKD do cả Nhà nước và tư nhân cung cấp.

Biện pháp 4: Tăng cường sự hiện diện của phụ nữ trong quá trình hoạch định chính sách liên quan đến hoạt động khởi nghiệp, kinh doanh của phụ nữ.

Các cơ quan trung ương và địa phương cần tham vấn/ đối thoại với các doanh nhân nữ, các câu lạc bộ, hiệp hội doanh nghiệp nữ, các chuyên gia về giới về các vấn đề liên quan. Các tổ chức đại diện doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng cần nâng cao năng lực trong tham gia xây dựng pháp luật và chính sách.

- Tạo lập hạ tầng hỗ trợ và thúc đẩy doanh nhân nữ phát triển

Trên thực tế phụ nữ làm kinh doanh phải chịu thêm những trở ngại và điều kiện khó khăn, do đó cần phải phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ doanh nhân nữ phát triển

Biện pháp 1: Xây dựng các chương trình giáo dục và đào tạo mới, hiện đại về khởi nghiệp, đặc biệt tập trung vào các doanh nhân nữ (Cơ quan nhà nước, các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, các nhà khoa học, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp).

Biện pháp 2: Tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn cho phụ nữ khi khởi nghiệp ban đầu cũng như trong quá trình kinh doanh sau này, đặc biệt là tiếp cận vốn (các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh)

Biện pháp 3: Hợp tác với chính quyền địa phương về lồng ghép phát triển doanh nghiệp nữ trong các chương trình phát triển địa phương/khu vực. Sự hợp tác này là có tầm quan trọng đặc biệt vì chính quyền địa phương cần hỗ trợ và tạo động lực cho doanh nghiệp nữ và điều này sẽ mang lại lợi ích nhiều mặt do cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở địa phương được củng cố (chính quyền địa phương và các doanh nghiệp nữ, các tổ chức đại diện cho doanh nhân nữ).

Biện pháp 4: Hợp tác với các giới khoa học để nghiên cứu dự án kinh doanh của phụ nữ, mô tả các bài học thành công và thất bại và sử dụng các nghiên cứu điển hình, tất cả được tích hợp trong tài liệu đào tạo, được sử dụng nhiều hơn dưới hình thức hỗ trợ doanh nghiệp các thực thể, xây dựng các chương trình giáo dục chuyên biệt, hiện đại, phù hợp với phương thức phát triển kinh doanh hiện đại, và đặc biệt tập trung vào nhu cầu của doanh nhân nữ. Phân bổ nguồn lực nhà nước tới các trường đại học/khoa kinh tế-tài chính đào tạo nữ sinh viên trẻ có định hướng kinh doanh sau khi ra trường hoặc đào tạo lại nếu có mong muốn khởi sự doanh nghiệp.

Biện pháp 5: Xây dựng cơ sở dữ liệu cập nhật đăng ký của doanh nhân nữ, điều này rất cần thiết trong quá trình xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng thực tiễn (các cơ quan chuyên môn về thống kê của Nhà nước)

- Xúc tiến, xây dựng mạng lưới và góp ý xây dựng chính sách và pháp luật

Thúc đẩy tinh thần kinh doanh của phụ nữ là một ưu tiên quan trọng. Việc thực hiện ưu tiên này không chỉ tập trung vào phụ nữ, mà còn cả các nhà hoạch định chính sách và toàn xã hội trong một tổng thể. Cần phát triển các hiệp hội doanh nhân nữ, hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực khởi nghiệp kinh doanh của phụ nữ để gia bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp nữ, phản biện các chính sách công, cũng để thúc đẩy hợp tác và tăng cường mối quan hệ của nữ doanh nhân. Vì vậy, cần khuyến khích phụ nữ tham gia các tổ chức, cụm doanh nghiệp và các hình thức liên kết khác để họ củng cố doanh nghiệp cũng như bản thân với vai trò doanh nhân.

Biện pháp 1: Truyền thông và thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp.

Biện pháp 2: Nâng cao năng lực cho các hiệp hội doanh nghiệp nữ (năng lực quản trị hiệp hội, phục vụ hội viên, xây dựng mô hình tạo nguồn thu hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phản biện và góp ý xây dựng chính sách/pháp luật, tăng cường các mối liên kết trong và ngoài nước...).

KẾT LUẬN

Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới, từng nhấn mạnh: "Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người". Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam - Hiến pháp năm 1946 đã cụ thể hóa tinh thần bình đẳng nam nữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh thành các quy phạm hiến định tạo cơ sở pháp lý quan trọng mang tính quyết định cho việc thực hiện bình đẳng nam nữ.

Từ đó đến nay, bình đẳng giới tại Việt Nam được thúc đẩy trên nhiều phương diện. Trong thời kỳ hội nhập khu vực và toàn cầu, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế, vị trí, vai trò của các doanh nhân nữ ngày càng được khẳng định. Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp và phát triển cộng đồng các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam ở mức cao trên thế giới.

Những năm gần đây, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng bình đẳng, minh bạch, an toàn và thân thiện, tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Đó là những nỗ lực cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải tổ tổ chức bộ máy và nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp...

Tuy nhiên, để thực sự thúc đẩy phát triển hơn nữa cộng đồng các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, cần có quyết tâm lớn, cần xây dựng kế hoạch tổng thể với mục tiêu rõ ràng theo từng thời kỳ, theo đó là những giải pháp thực hiện cụ thể với sự vào cuộc của toàn xã hội.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Grant Thornton International, 2021, *Women in Inclusion Business* (Phụ nữ trong Kinh doanh), phát hành tại <https://www.grantthornton.global/en/insights/women-in-business-2021/>

Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ, USAID, *Báo cáo Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI) năm 2020* (Index for administrative procedure compliance costs), phát hành tại http://thutuchanhchinh.vn/noidung/hoidongtuvan/tin-tuc/Lists/TinHoiDongTuVan/View_Detail.aspx?ItemID=18, Hà Nội

Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2021, *Báo cáo đánh giá ba năm thực hiện đề án Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” (2018 - 2020)*, Hà Nội

IFC, 2017, *Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Nhận thức và Tiềm năng* (Women-Owned Enterprises in Vietnam: Perceptions and Potential)

https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/region__ext_content/ifc_external_corporate_site/east+asia+and+the+pacific/resources/market-study-women-owned-enterprises-in-vietnam, Hà Nội

Mastercard, 2020, *Mastercard Index of Women Entrepreneurs (MIWE)* (Báo cáo Chỉ số nữ doanh nhân của Mastercard (MIWE) 2020), <https://www.mastercard.com/news/research-reports/2020/mastercard-index-of-women-entrepreneurs-2020/>

MBI, ADB, HAWASME, 2016, *Doanh nghiệp vừa và nhỏ do nữ làm chủ tại Việt Nam – Thực trạng và Khuyến nghị chính sách* (Sáng kiến hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mê Kông (MBI), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Hiệp hội nữ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội (HAWASME), <http://wisevietnam.org/wp-content/uploads/2018/01/MBI-Bao-Cao-DNNVV-Phu-Nu.pdf>, Hà Nội

TAF, MBI, VCCI, 2018, *Đánh giá nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam*, Hà Nội

Tổng cục Thống kê, 2021, *Báo cáo Điều tra Lao động và Việc làm năm 2019*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/03/bao-cao-dieu-tra-lao-dong-viec-lam-nam-2019/>, Hà Nội

Tổng cục Thống kê, 2020, *Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam*, Nhà Xuất bản Thống kê, Hà Nội, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/04/sach-trang-doanh-nghiep-viet-nam-nam-2020/>

Tổng cục Thống kê, 2018, *Tổng điều tra kinh tế năm 2017*, Nhà Xuất bản Thống kê, Hà Nội, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/03/ket-qua-tong-dieu-tra-kinh-te-nam-2017/>

Trần Quang Tiến, Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, 2020, *Năng lực lãnh đạo của doanh nhân nữ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam: Thực trạng và các hàm ý chính sách*, Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội

UN, 2021, *Báo cáo về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2020*, (The Viet Nam Provincial Governance and Public Administration Performance), Hà Nội, <https://papi.org.vn/bao-cao/>

UN, *The World's Women 2020: Trends and Statistics*, Statistics Division of the United Nations Department of Economic and Social Affairs, <https://www.un.org/en/desa/world%E2%80%99s-women-2020>

UN, 2015, *2030 Agenda for Sustainable Development* (Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp Quốc),

https://www.un.org/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/RES/70/1&Lang=E

UN, 1995, *Beijing Declaration and Platform for Action* (Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh), https://www.un.org/en/events/pastevents/pdfs/Beijing_Declaration_and_Platform_for_Action.pdf

UN, 1979, *Convention on the Elimination of all forms of Discrimination against women (CEDAW)* (Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ), <https://www.un.org/womenwatch/daw/cedaw/>

UNTAD, 2019, *Making Trade Policies Gender-responsive: Data Requirements, Methodological Developments and Challenges*, Geneva 2019, https://unctad.org/system/files/official-document/ditc2019d1_en.pdf

UNWomen, 2020, *Socialist Republic of Vietnam, National Review on 25-year implementation of the Beijing Platform for Action*, <https://www.unwomen.org/-/media/headquarters/attachments/sections/csw/64/national-reviews/vietnam.pdf?la=en&vs=114>

VCCI, 2019, *Báo cáo “Kinh doanh tại Việt Nam – Đánh giá của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ”, Nhà Xuất bản Công Thương, Hà Nội*

VCCI, USAID, *Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh* thực hiện hàng năm, <https://pcivietnam.vn/an-pham/bao-cao-pci>

Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2019, Tác động của Hiệp định thương mại thế hệ mới đến vấn đề lao động, việc làm ở Việt Nam, http://admin.ilssa.org.vn/UserFiles/files/AnPhamPhatHanh/BTCL%20so%201_2019_Tac_dong_cua_cac_FTA_den_van_de_lao_dong_viec_lam.pdf

World Economic Forum (WEF), 2020, *Global Gender Gap Report 2021* (Báo cáo khoảng cách giới Toàn cầu 2021 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới), <https://www.weforum.org/reports/global-gender-gap-report-2021>

World Bank, 2021, *Báo cáo Việt Nam 2035: Từ chiến lược đến hành động Đề xuất Lộ trình Cải cách Môi trường Kinh doanh của Việt Nam* (Chương trình đối tác chiến lược Australia – Nhóm Ngân hàng Thế giới)

World Bank, *Doing Business* (Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng thế giới thực hiện hàng năm), <https://www.doingbusiness.org/en/doingbusiness>

World Bank, *Women, Business and the Law* (Báo cáo Phụ nữ, Kinh doanh và Pháp luật thực hiện thường niên từ 2009), <https://wbl.worldbank.org/en/wbl>